

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN**



BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

**KHAI THÁC CÁC ỨNG DỤNG TRÊN HỆ THỐNG
QUẢN LÝ KHÓA HỌC LMS MOODLE TRONG DẠY HỌC
MÔN TIẾNG ANH LỚP 8 TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG THCS
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN**

Lĩnh vực sáng kiến: Dạy học ngoại ngữ

Tác giả: Tô Lan Anh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Chức vụ: Giảng viên

Nơi công tác: Khoa Ngoại ngữ

Điện thoại liên hệ: 0943833223

Địa chỉ thư điện tử: lananh.melt@gmail.com

Lạng Sơn, tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

I. MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn sáng kiến.....	1
2. Mục tiêu của sáng kiến.....	2
3. Phạm vi của sáng kiến.....	2
II. CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN.....	4
1. Cơ sở lý luận.....	4
1.1. <i>Dạy học kết hợp (Blended Learning)</i>	4
1.2. <i>Môi trường học tập trực tuyến trong dạy học ngoại ngữ theo Chương trình GDPT 2018</i>	5
1.3. <i>Hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE</i>	7
<i>TIỂU KẾT PHẦN 1</i>	9
2. Cơ sở thực tiễn.....	10
2.1. <i>Thực trạng dạy và học môn Tiếng Anh tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn</i>	10
2.2. <i>Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học môn Tiếng Anh tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn</i>	14
2.3. <i>Mức độ cần thiết sử dụng hệ thống quản lý khóa học trong dạy và học môn Tiếng Anh tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn</i>	20
<i>TIỂU KẾT PHẦN 2</i>	23
III. NỘI DUNG.....	25
1. Nội dung và những kết quả nghiên cứu của sáng kiến.....	25
1.1. <i>Khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 8 tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn</i>	25
1.2. <i>Thực nghiệm sư phạm</i>	42
2. Thảo luận và đánh giá kết quả thu được.....	61
2.1. <i>Tính mới, tính sáng tạo</i>	61
2.2. <i>Khả năng áp dụng và lợi ích thiết thực</i>	62
IV. KẾT LUẬN.....	66

DANH MỤC BẢNG, HÌNH ẢNH

<i>Bảng 1: Thống kê đánh giá của học sinh về trải nghiệm học tập với LMS MOODLE.....</i>	<i>49</i>
<i>Bảng 2: So sánh của giáo viên về tính năng học tập trên LMS MOODLE.....</i>	<i>57</i>
<i>Biểu đồ 1: Đánh giá của HS về các tính năng của MOODLE.....</i>	<i>48</i>
<i>Biểu đồ 2: Thái độ của học sinh đối với việc học tập trên MOODLE.....</i>	<i>51</i>
<i>Biểu đồ 3: Ý kiến của học sinh về việc sử dụng LMS MOODLE trong học tập môn Tiếng Anh 852</i>	
<i>Biểu đồ 4: Ý kiến của học sinh về việc sử dụng LMS MOODLE trong học tập các môn học khác. 52</i>	
<i>Hình 1: Chọn loại câu hỏi.....</i>	<i>28</i>
<i>Hình 2: Giao diện soạn thảo câu hỏi.....</i>	<i>29</i>
<i>Hình 3: Thiết lập thông tin Điểm, số lựa chọn và đảo ngẫu nhiên lựa chọn.....</i>	<i>29</i>
<i>Hình 4: Nhập nội dung của các lựa chọn.....</i>	<i>30</i>
<i>Hình 5: Lưu câu hỏi.....</i>	<i>31</i>
<i>Hình 6: Câu hỏi dạng lựa chọn khi được hiển thị trong bài kiểm tra.....</i>	<i>31</i>
<i>Hình 7: Tạo câu hỏi dạng điền từ kéo/thả.....</i>	<i>31</i>
<i>Hình 8: Soạn thảo câu hỏi điền từ kéo/thả.....</i>	<i>32</i>
<i>Hình 9: Câu hỏi kéo/thả hiển thị khi sử dụng trong MOODLE Quiz.....</i>	<i>33</i>
<i>Hình 10: Ngân hàng câu hỏi đã được tạo.....</i>	<i>36</i>
<i>Hình 11: Bật chế độ chỉnh sửa.....</i>	<i>37</i>
<i>Hình 12: Mục thêm hoạt động hoặc tài nguyên.....</i>	<i>37</i>
<i>Hình 13: Chọn mục Trắc nghiệm để tạo bài thi với câu hỏi trắc nghiệm.....</i>	<i>37</i>
<i>Hình 14: Quản lý hồ sơ học tập, điểm số của học sinh.....</i>	<i>41</i>

I. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn sáng kiến

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc đổi mới phương pháp dạy học là yêu cầu tất yếu để nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là trong việc giảng dạy môn Tiếng Anh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc dạy và học Tiếng Anh ở bậc trung học cơ sở, đặc biệt là lớp 8, vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Học sinh thường thiếu động lực học tập, kỹ năng tự học còn hạn chế và khả năng vận dụng ngôn ngữ vào thực tiễn chưa cao. Ngoài giờ học, học sinh ít có điều kiện nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong môi trường sinh hoạt hằng ngày, khiến vốn ngôn ngữ khó được củng cố và phát triển một cách bền vững.

Trong khi đó, công nghệ thông tin ngày càng phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là các nền tảng học tập trực tuyến. Hệ thống quản lý học tập LMS MOODLE là một công cụ hiệu quả giúp giáo viên thiết kế bài giảng linh hoạt, tổ chức kiểm tra - đánh giá và quản lý tiến độ học tập của học sinh. MOODLE không chỉ hỗ trợ việc học tập trực tuyến mà còn tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với kho tài nguyên học tập phong phú, đa dạng về hình thức như video, audio, bài tập trắc nghiệm, diễn đàn thảo luận.

Việc ứng dụng LMS MOODLE vào dạy học Tiếng Anh lớp 8 giúp khắc phục những hạn chế của phương pháp giảng dạy truyền thống, tạo môi trường học tập sinh động, khuyến khích học sinh chủ động tìm hiểu, tương tác và phát triển kỹ năng ngôn ngữ. Đồng thời, MOODLE còn hỗ trợ giáo viên quản lý lớp học, đánh giá quá trình học tập của học sinh và điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp, đáp ứng xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục nhằm đa dạng hóa phương thức tiếp cận tri thức, tiếp thu thông tin, tận dụng sự phát triển công nghệ từ đó nâng cao hiệu quả quá trình học tập của học sinh.

Việc lựa chọn đối tượng nghiên cứu là học sinh lớp 8, thay vì lớp 6, 7 hay lớp 9, xuất phát từ những lý do có tính đặc thù riêng. Học sinh lớp 6 và lớp 7 còn đang trong giai đoạn làm quen và thích nghi với môi trường học tập bậc trung học cơ sở, nền tảng tự học và kỹ năng sử dụng công nghệ chưa đủ vững chắc để khai thác hiệu quả một nền tảng học tập trực tuyến như MOODLE. Trong khi đó, học sinh lớp 9

phải tập trung cao độ cho kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, việc triển khai thêm một hệ thống học tập mới có thể tạo áp lực và phân tán sự tập trung của các em vào thời điểm then chốt này. Ngược lại, học sinh lớp 8 đã có nền tảng ngôn ngữ tương đối ổn định sau hai năm học tiếng Anh ở bậc THCS, đồng thời chưa phải chịu áp lực thi cử lớn, tạo điều kiện thuận lợi để các em tiếp cận, trải nghiệm và thích nghi với phương pháp học tập mới một cách chủ động và hiệu quả nhất.

Từ những lý do trên, tôi chọn sáng kiến "**Khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 8 tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**" với mong muốn góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao hiệu quả học tập của học sinh và đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong thời đại chuyên đổi số.

2. Mục tiêu của sáng kiến

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về dạy-học kết hợp và việc khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE, và đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 8, Sáng kiến đề xuất khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy và học môn Tiếng Anh cho học sinh lớp 8 tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

3. Phạm vi của sáng kiến

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

- Lý luận về dạy - học kết hợp
- Hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE và các ứng dụng dạy - học - đánh giá được cung cấp trên hệ thống

3.2. Phạm vi của sáng kiến:

- Nghiên cứu khai thác các ứng dụng của LMS MOODLE ở khía cạnh xây dựng bài học, bài kiểm tra và đánh giá quá trình học môn Tiếng Anh lớp 8.
- Tập trung đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học môn Tiếng Anh lớp 8.

- Đề xuất phương án sử dụng hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE để xây dựng bài học, bài kiểm tra và đánh giá quá trình học môn Tiếng Anh tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Tổ chức thực nghiệm các bài giảng, bài kiểm tra và đánh giá quá trình học trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Cơ sở lý luận

1.1. *Dạy học kết hợp (Blended Learning)*

1.1.1. Khái niệm dạy học kết hợp

Dạy học kết hợp (Blended Learning) là phương thức giáo dục tích hợp giữa học trực tiếp truyền thống và học trực tuyến, tận dụng ưu điểm của cả hai hình thức để tạo ra môi trường học tập toàn diện và hiệu quả. Garrison và Kanuka (2004) nhấn mạnh đây là sự tích hợp có chủ đích giữa trải nghiệm học tập trực tiếp và trực tuyến, trong đó điểm mạnh của mỗi phương thức được khai thác để bổ trợ lẫn nhau. Graham (2006) bổ sung rằng điều cốt lõi không chỉ là sự kết hợp công nghệ mà còn là sự tích hợp về phương pháp sư phạm, nơi các hoạt động trực tuyến và trực tiếp được thiết kế để hỗ trợ nhau một cách có hệ thống.

Tại Việt Nam, mô hình này phù hợp với định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT) về đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng khuyến khích triển khai dạy học kết hợp như một giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

1.1.2. Các mô hình dạy học kết hợp

Staker và Horn (2012) xác định bốn mô hình chính của dạy học kết hợp: (1) Mô hình luân phiên: học sinh luân phiên giữa học trực tuyến, học nhóm và học trực tiếp theo lịch cố định; (2) Mô hình linh hoạt: nội dung chủ yếu được cung cấp trực tuyến, giáo viên đóng vai trò hỗ trợ khi cần; (3) Mô hình tự chọn: học sinh chủ động bổ sung các khóa học trực tuyến ngoài chương trình bắt buộc; (4) Mô hình ảo tăng cường: học sinh học trực tuyến là chính, kết hợp các buổi gặp gỡ trực tiếp định kỳ với giáo viên.

Trong bối cảnh dạy học Tiếng Anh tại các trường THCS Việt Nam, mô hình luân phiên được đánh giá là phù hợp nhất. Theo Phạm Thị Hồng Nhung (2021), mô hình này cho phép học sinh tự học lý thuyết, ngữ pháp và từ vựng qua nền tảng trực tuyến ở nhà, trong khi thời gian trên lớp được dành cho thực hành giao tiếp và làm việc nhóm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên.

Từ góc nhìn của tác giả, đây cũng là mô hình khả thi khi triển khai tại các trường THCS hiện nay, nơi điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế nhưng học sinh đã có khả năng tiếp cận thiết bị cá nhân và internet ở mức độ nhất định, đồng thời mô hình này không làm xáo trộn hoàn toàn cấu trúc lớp học truyền thống vốn đã quen thuộc với cả giáo viên lẫn học sinh.

1.1.3. Lợi ích của dạy học kết hợp trong môn Tiếng Anh

Nghiên cứu của Banados (2006) về ứng dụng dạy học kết hợp trong giảng dạy tiếng Anh tại Chile chỉ ra năm lợi ích nổi bật. Thứ nhất, mô hình này giúp tối ưu hóa thời gian trên lớp, học sinh tự học lý thuyết, ngữ pháp và từ vựng trực tuyến trước, nhờ đó thời gian trên lớp được dành trọn cho thực hành giao tiếp và giải đáp thắc mắc, điều đặc biệt có ý nghĩa khi môn Tiếng Anh chỉ có 3 - 4 tiết mỗi tuần. Thứ hai, học tập được cá nhân hóa, mỗi học sinh có thể tự điều chỉnh tốc độ, xem lại tài liệu nhiều lần hoặc tiếp cận nội dung nâng cao tùy theo năng lực. Thứ ba, môi trường trực tuyến mở rộng cơ hội thực hành ngôn ngữ ngoài giờ học thông qua các hoạt động như diễn đàn, ghi âm hay viết blog. Thứ tư, không gian học tập riêng tư giúp giảm áp lực tâm lý, khuyến khích những học sinh rụt rè mạnh dạn hơn khi thực hành tiếng Anh. Thứ năm, mô hình này bồi dưỡng kỹ năng tự học - năng lực thiết yếu trong bối cảnh học tập suốt đời hiện nay.

Có thể thấy, những lợi ích trên không chỉ bổ trợ lẫn nhau mà còn trực tiếp giải quyết các hạn chế phổ biến trong dạy học Tiếng Anh tại bậc THCS hiện nay, từ việc thiếu thời gian thực hành đến rào cản tâm lý và môi trường ngôn ngữ chưa phong phú - qua đó củng cố cơ sở lý luận cho việc ứng dụng LMS MOODLE trong đề tài này.

1.2. Môi trường học tập trực tuyến trong dạy học ngoại ngữ theo Chương trình GDPT 2018

1.2.1. Khái niệm môi trường học tập trực tuyến

Môi trường học tập trực tuyến (E-learning Environment) là không gian số được thiết kế để hỗ trợ các hoạt động dạy và học thông qua công nghệ thông tin. Harasim (2012) nhấn mạnh đây không chỉ là việc số hóa nội dung giáo dục mà còn là việc tạo ra không gian tương tác, nơi người học có thể tiếp cận thông tin, giao tiếp với giáo

viên và bạn học, đồng thời chủ động xây dựng kiến thức và phát triển kỹ năng. Dabbagh và Bannan-Ritland (2005) bổ sung bằng cách mô tả môi trường này như một hệ sinh thái số gồm bốn thành phần cốt lõi: công nghệ, nội dung học tập, con người và các tương tác giữa các thành phần đó, trong đó thiết kế có chủ đích là yếu tố quyết định hiệu quả. Tại Việt Nam, Trần Kiều (2020) xác định môi trường học tập trực tuyến là không gian số tích hợp công cụ công nghệ, tài nguyên giáo dục và phương thức tương tác nhằm phát triển năng lực, phẩm chất người học theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Từ các quan điểm trên, tác giả cho rằng môi trường học tập trực tuyến không nên được xem là sự thay thế hoàn toàn lớp học truyền thống, mà là một không gian bổ trợ có chiều sâu, nơi những gì lớp học truyền thống còn hạn chế về thời gian, tương tác và cá nhân hóa có thể được mở rộng và bù đắp một cách có hệ thống, đặc biệt trong bối cảnh dạy học Tiếng Anh tại bậc THCS hiện nay.

1.2.2. Môi trường học tập trực tuyến trong dạy học ngoại ngữ theo Chương trình GDPT 2018

Chương trình GDPT 2018 khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, và thực tế cho thấy công nghệ đã mang lại những thay đổi căn bản trong dạy học ngoại ngữ. Cụ thể, công nghệ giúp mở rộng tiếp cận tài liệu chân thực và đa dạng từ khắp nơi trên thế giới; tạo không gian tương tác giữa học sinh với giáo viên, bạn học và người bản ngữ; cho phép cá nhân hóa nội dung và tốc độ học tập theo nhu cầu từng cá nhân (Beatty, 2010); cung cấp phản hồi tức thì giúp học sinh kịp thời điều chỉnh; đồng thời phát triển các kỹ năng số song song với năng lực ngôn ngữ. Nghiên cứu của Nguyễn Quốc Tuấn (2021) tại Việt Nam cũng xác nhận rằng việc tích hợp công nghệ vào dạy học tiếng Anh theo Chương trình 2018 đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học, tăng động lực học tập của học sinh và hỗ trợ giáo viên quản lý lớp học hiệu quả hơn.

Từ góc nhìn của tác giả, năm lợi ích trên có mối liên hệ chặt chẽ và cộng hưởng lẫn nhau — khi môi trường ngôn ngữ được mở rộng, tương tác được tăng cường và học tập được cá nhân hóa, động lực và hiệu quả học tập của học sinh sẽ được nâng cao một cách tự nhiên. Đây chính là nền tảng lý luận quan trọng để khẳng định tính

cần thiết của việc xây dựng môi trường học tập trực tuyến thông qua LMS MOODLE trong dạy học Tiếng Anh lớp 8.

1.3. Hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE

1.3.1. Định nghĩa hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE

Hệ thống quản lý khóa học (Learning Management System – LMS) là ứng dụng web chạy trên máy chủ và được truy cập qua trình duyệt, cho phép tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến. Trong số các LMS hiện có, MOODLE (Modular Object-Oriented Dynamic Learning Environment) là một trong những hệ thống phổ biến và được sử dụng rộng rãi nhất thế giới. Được Dougiamas sáng lập năm 1999 theo hướng mã nguồn mở và miễn phí, MOODLE được thiết kế hướng tới giáo dục với giao diện trực quan, dễ sử dụng, cho phép giáo viên nhanh chóng làm quen và tự triển khai mà không cần chuyên môn kỹ thuật sâu. Rice (2006) nhấn mạnh MOODLE là công cụ giúp các nhà giáo dục tạo ra khóa học trực tuyến hiệu quả với nhiều cơ hội tương tác phong phú. Tính đến năm 2023, MOODLE đã có hơn 400 triệu người dùng tại 245 quốc gia và vùng lãnh thổ (MOODLE Statistics, 2023), khẳng định vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực LMS toàn cầu. Tại Việt Nam, theo Trần Thị Thanh Hương (2021), MOODLE đã được nhiều trường đại học, cao đẳng và một số trường phổ thông triển khai, được đánh giá cao nhờ tính linh hoạt, khả năng tùy chỉnh và không tốn phí bản quyền, phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ sở giáo dục trong nước.

Từ góc nhìn của tác giả, chính sự kết hợp giữa tính mở, chi phí thấp và thiết kế hướng sư phạm đã làm cho MOODLE trở thành lựa chọn tối ưu để triển khai trong bối cảnh các trường THCS, nơi nguồn lực còn hạn chế nhưng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học đang ngày càng cấp thiết.

1.3.2. Các đặc điểm của hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE

Cũng giống như các hệ thống quản lý học tập khác, MOODLE có những đặc tính cơ bản sau đây:

– Tải và chia sẻ tài liệu: Hệ thống quản lý khóa học MOODLE thường cung cấp các công cụ xuất bản nội dung một cách dễ dàng cho phép lưu trữ chương trình học

trên máy chủ và truyền file (tài liệu). Giáo viên do đó có thể đưa bài giảng, bài tập, đề luyện thi lên trang web và học sinh có thể truy cập vào bất kỳ thời điểm nào.

– Diễn đàn trực tuyến và chat: Các diễn đàn trực tuyến và chat cung cấp phương tiện giao tiếp từ xa giữa người học và giáo viên và giữa người học và người học. Thông qua diễn đàn, người học có thể nêu lên vấn đề mình quan tâm và tham gia vào nhiều chủ đề thảo luận liên qua. Thông qua chat, giáo viên và người học có thể trao đổi trực tiếp và nhanh chóng các vấn đề trong lớp học.

– Bài kiểm tra và các khảo sát đánh giá chung: Các bài kiểm tra trực tuyến và các khảo sát chung có thể giúp giáo viên đánh giá ngay lập tức quá trình học của học sinh và nhận được phản hồi nhanh chóng từ học sinh. Giáo viên có thể sử dụng các công cụ do hệ thống cung cấp để thiết kế đề thi trực tuyến, thông báo, báo cáo học sinh tham gia thi và kết quả đạt được.

– Theo dõi điểm số học tập: Bảng điểm trực tuyến cung cấp cho người học thông tin cập nhật quá trình học của họ trong một khoá học. Bảng điểm trực tuyến còn cho phép mỗi người học chỉ được xem bảng điểm của mình và không xem được điểm của người học khác.

1.3.3. Các chức năng chính của hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE

a. Chức năng quản lý nội dung học tập

Giáo viên có thể tổ chức nội dung khóa học theo chủ đề hoặc theo tuần, tích hợp đa dạng định dạng tài liệu gồm văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, PDF và liên kết ngoài (Rice, 2006). Brandl (2005) nhấn mạnh khả năng tích hợp đa phương tiện của MOODLE đặc biệt phù hợp với dạy học ngôn ngữ, trong khi Nguyễn Thị Lan Anh (2020) bổ sung rằng học sinh có thể truy cập và tải tài liệu bất cứ lúc nào, đảm bảo tính liên tục trong học tập.

b. Chức năng tương tác và giao tiếp

MOODLE cung cấp hệ thống công cụ tương tác đa dạng gồm diễn đàn thảo luận, chat trực tuyến, tin nhắn nội bộ và wiki làm việc nhóm - được thiết kế dựa trên nguyên lý học tập hợp tác và kiến tạo xã hội (Dougiamas & Taylor, 2003). Mazzolini và Maddison (2007) cho thấy diễn đàn trên MOODLE thúc đẩy tư duy phản biện hiệu quả hơn thảo luận lớp học truyền thống.

c. Chức năng đánh giá và theo dõi tiến độ

MOODLE cung cấp hệ thống đánh giá toàn diện và linh hoạt với hệ thống Bài kiểm tra (Quiz), Bài tập (Assignment), Sổ điểm (Gradebook), Báo cáo hoạt động (Activity Reports) (Cole & Foster, 2008; Nguyễn Thị Hương Giang, 2019). Nguyễn Thị Phương Thảo (2020) xác nhận việc ứng dụng các chức năng này trong dạy học tiếng Anh tại Việt Nam đã góp phần tăng động lực và cải thiện kết quả học tập so với phương pháp truyền thống.

Từ góc nhìn của tác giả, sự kết hợp của ba nhóm chức năng trên tạo nên một vòng khép kín trong quá trình dạy học: nội dung được cung cấp có hệ thống, tương tác được duy trì liên tục và kết quả học tập được theo dõi, phản hồi kịp thời, đây chính là những yếu tố mà lớp học truyền thống khó có thể đáp ứng đầy đủ trong điều kiện thực tế hiện nay.

TIỂU KẾT PHẦN 1

Cơ sở lý luận của sáng kiến được xây dựng theo một trình tự logic chặt chẽ: từ phương pháp dạy học kết hợp, môi trường học tập trực tuyến; và LMS MOODLE - công cụ hiện thực hóa các yêu cầu sư phạm trong môi trường số. Dạy học kết hợp với mô hình luân phiên cho phép học sinh chuẩn bị kiến thức trước lớp, thực hành tương tác trong lớp và củng cố mở rộng sau giờ lên lớp. Môi trường học tập trực tuyến do LMS MOODLE tạo ra đáp ứng đặc thù của dạy học ngoại ngữ theo chương trình mới - cần có môi trường tương tác phong phú, cơ hội thực hành liên tục và phản hồi kịp thời để phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ. Sự kết hợp hài hòa này tạo nên một hệ thống lý luận vững chắc, khoa học và phù hợp với điều kiện thực tế của các trường THCS tại Lạng Sơn, làm cơ sở cho việc triển khai sáng kiến trong thực tiễn giảng dạy theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực trạng dạy và học môn Tiếng Anh tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

2.1.1. Về điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tỉnh Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới phía Bắc, với địa hình phức tạp và dân cư phân bố không đều trên 11 huyện, thành phố. Điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến việc đầu tư cho giáo dục. Theo Báo cáo tổng kết Đề án dạy và học ngoại ngữ của UBND tỉnh Lạng Sơn năm 2025, toàn tỉnh có 224 trường có cấp THCS đang triển khai dạy học tiếng Anh với tổng số 57.210 học sinh học các chương trình tiếng Anh (100% học sinh THCS).

Qua khảo sát thực tế tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh, cơ sở vật chất phục vụ dạy học môn Tiếng Anh còn có những hạn chế nhất định. Phần lớn các trường đã được trang bị phòng học bộ môn Tiếng Anh với các thiết bị cơ bản như máy chiếu, loa, màn hình. Tuy nhiên, chất lượng và số lượng thiết bị chưa đồng đều giữa các trường vùng trung tâm và vùng xa. Các trường ở thành phố Lạng Sơn và một số huyện lỵ có điều kiện tốt hơn với phòng học được trang bị hiện đại, trong khi nhiều trường vùng cao, vùng sâu còn thiếu thốn về trang thiết bị dạy học.

Báo cáo của UBND tỉnh chỉ ra rằng "cơ sở vật chất của nhà trường chưa đồng bộ, điều kiện trang thiết bị dạy học ngoại ngữ còn thiếu ở nhiều trường". Việc mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học ngoại ngữ còn gặp khó khăn do quy trình mua sắm phức tạp và mức giá mời thầu thấp nên không thu hút các nhà cung cấp. Công tác xã hội hóa nguồn kinh phí dành cho mua sắm trang thiết bị dạy học ngoại ngữ trong các trường phổ thông còn hạn chế.

Hệ thống mạng internet tại các trường đã được phủ sóng khá rộng thông qua chương trình "Sóng và máy tính cho em", song băng thông chưa ổn định, đặc biệt tại các trường vùng xa, ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến. Mặc dù tỉnh đã thực hiện tích cực Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, nhưng việc đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho việc triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến hiệu quả.

2.1.2. Về đội ngũ giáo viên

Theo số liệu thống kê trong báo cáo tổng kết năm 2025, tổng số giáo viên ngoại ngữ các cấp học trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 978 người, trong đó có 963 giáo viên tiếng Anh và 15 giáo viên tiếng Trung Quốc. Đội ngũ giáo viên Tiếng Anh tại các trường THCS cơ bản đáp ứng về số lượng và trình độ chuyên môn. Phần lớn giáo viên đã tốt nghiệp đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn theo quy định.

Về công tác bồi dưỡng, trong giai đoạn từ 2017 đến 2025, tỉnh đã cử 1.250 lượt giáo viên phổ thông tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn/năng lực sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh. Tỉnh đã phối hợp với các trường đại học và tổ chức quốc tế để tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn, sư phạm, kiểm tra đánh giá theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; bồi dưỡng tổ chức ôn thi tốt nghiệp, tuyển sinh lớp 10 THPT, ôn thi học sinh giỏi các cấp. Tỉnh cũng đã phối hợp với Hội đồng Anh, Đại sứ quán Hoa Kỳ, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, và Trường Đại học Leeds (Anh Quốc) để tổ chức các khóa bồi dưỡng cho giáo viên Tiếng Anh.

Tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ ra những hạn chế: "Một bộ phận giáo viên chưa đầu tư vào công tác tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, hiệu quả dạy ngoại ngữ chưa cao, nhất là vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phương pháp dạy học còn chậm đổi mới, thiếu linh hoạt, sáng tạo; hình thức tổ chức dạy học thiếu phù hợp với chương trình GDPT mới". Trình độ ngoại ngữ của giáo viên chưa đồng đều, một số giáo viên ở vùng xa còn hạn chế về kỹ năng giao tiếp và phát âm chuẩn.

Về năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, báo cáo đánh giá "năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên ngoại ngữ được nâng lên, ứng dụng hiệu quả trong dạy học". Tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ ra rằng "một số giáo viên còn ngại bồi dưỡng, chưa tích cực tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, rèn kỹ năng sư phạm; chưa chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá". Vẫn còn một số giáo viên, đặc biệt là giáo viên lớn tuổi, chưa tự tin trong việc vận dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, chưa biết cách khai thác hiệu quả các nền tảng học trực tuyến hay hệ thống quản lý học tập.

2.1.3. Về học sinh

Học sinh THCS tại Lạng Sơn có xuất phát điểm và điều kiện học tập khác nhau tùy theo từng địa bàn. Học sinh ở các trường thành phố Lạng Sơn và trung tâm huyện lỵ thường có nền tảng tiếng Anh từ tiểu học tốt hơn. Theo báo cáo năm 2025, toàn tỉnh có 43.537 học sinh tiểu học (100% học sinh từ lớp 3 đến lớp 5) đang học tiếng Anh. Ngoài ra, 11/11 huyện, thành phố (100%) đã triển khai chương trình môn ngoại ngữ tự chọn lớp 1 và lớp 2 tại 77 trường, 475 lớp, với 11.895 học sinh (41,7%). Những học sinh này khi lên THCS sẽ có lợi thế về vốn từ vựng và kỹ năng cơ bản.

Ngược lại, học sinh vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thường gặp nhiều khó khăn hơn do rào cản ngôn ngữ, điều kiện kinh tế gia đình và môi trường tiếng Anh hạn chế. Báo cáo của UBND tỉnh chỉ ra rằng "thiếu môi trường sử dụng ngoại ngữ, nhận thức về vai trò ngoại ngữ của người học chưa rõ nét". Báo cáo cũng nhấn mạnh "điều kiện sử dụng ngoại ngữ và môi trường, cơ hội việc làm có sử dụng ngoại ngữ còn thiếu".

Đặc điểm chung của học sinh lớp 8 là đang ở độ tuổi quan tâm đến công nghệ, thích khám phá các thiết bị điện tử và mạng xã hội. Phần lớn học sinh đã quen thuộc với smartphone, máy tính bảng và có thể truy cập internet tại nhà hoặc qua điện thoại di động. Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ của các em chủ yếu phục vụ giải trí, chưa được định hướng và khai thác hiệu quả cho mục đích học tập. Động lực học Tiếng Anh của học sinh còn chưa cao, nhiều em cảm thấy môn học khó, nhàm chán do phương pháp giảng dạy chưa thực sự hấp dẫn và thiếu tính tương tác.

2.1.4. Về phương pháp dạy học

Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh đang dần chuyển đổi theo hướng tích cực, phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Theo báo cáo năm 2025, Sở Giáo dục và Đào tạo đã hàng năm ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dạy học ngoại ngữ các cấp học, trong đó có Công văn số 2716/SGDDĐT-GDTrH ngày 22/8/2024 về việc hướng dẫn dạy học ngoại ngữ cấp THCS, THPT năm học 2024-2025. Tỉnh cũng đã tổ chức nhiều hội thảo, các lớp bồi dưỡng tập trung các chuyên đề về thực hiện chương trình giáo dục

phổ thông 2018, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá.

Báo cáo đánh giá rằng "đổi mới tương đối rõ nét về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá các môn ngoại ngữ, chú trọng phát huy năng lực, phẩm chất người học". Nhiều giáo viên đã áp dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, tổ chức các hoạt động theo cặp, theo nhóm, sử dụng trò chơi ngôn ngữ và các tình huống giao tiếp thực tế. Việc sử dụng các phương tiện dạy học trực quan như tranh ảnh, video, audio đã được chú trọng hơn, giúp bài học sinh động và dễ tiếp thu hơn.

Tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ rõ những hạn chế: "Phương pháp dạy học còn chậm đổi mới, thiếu linh hoạt, sáng tạo; hình thức tổ chức dạy học thiếu phù hợp với chương trình GDPT mới". Trên thực tế, phương pháp giảng dạy truyền thống vẫn còn phổ biến ở nhiều lớp học. Giáo viên vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc truyền đạt kiến thức, học sinh còn thụ động trong tiếp nhận thông tin.

Việc rèn luyện các kỹ năng nghe, nói chưa được chú trọng đúng mức, trong khi đó kỹ năng đọc hiểu và ngữ pháp vẫn chiếm thời lượng lớn trong tiết học. Hạn chế về thời gian trên lớp (chỉ 3-4 tiết/tuần) khiến giáo viên khó có thể tổ chức đủ các hoạt động thực hành ngôn ngữ cho tất cả học sinh, đặc biệt là với sĩ số lớp đông.

Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có một công cụ hỗ trợ dạy học ngoài giờ lên lớp. LMS MOODLE có thể đảm nhận vai trò đó, không thay thế giáo viên, mà bổ trợ để giải phóng thời gian trên lớp cho thực hành giao tiếp, trong khi phần lý thuyết và luyện tập có thể được triển khai linh hoạt trên hệ thống.

2.1.5. Về đánh giá kết quả học tập

Công tác đánh giá kết quả học tập đã có những chuyển biến theo tinh thần đổi mới giáo dục. Các trường đã thực hiện đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và đánh giá cuối năm học theo quy định. Báo cáo năm 2025 cho thấy tỉnh đã "tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn giáo viên về kỹ thuật xây dựng câu hỏi kiểm tra, đánh giá theo Chương trình GDPT. Xây dựng ma trận đề kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo Chương trình".

Tỉnh đã thực hiện Công văn số 730/QLCL-QLT ngày 25/4/2024 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tập huấn xây dựng ngân hàng câu hỏi

thi. Giáo viên cốt cán môn Tiếng Anh đã tham dự tập huấn về khảo thí, xây dựng ngân hàng câu hỏi; tổ chức Hội đồng đề xuất đề thi cho các kỳ thi.

Theo báo cáo, tỉnh đã "áp dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong kỳ thi tốt nghiệp. Áp dụng loại hình câu hỏi, kiểm tra kỹ năng theo định dạng đề chuẩn quốc tế. Khai thác đề thi theo định dạng chuẩn VSTEP trong kiểm tra". Tỉnh cũng đã "bồi dưỡng kỹ năng khai thác phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi thi, phần mềm hỗ trợ thi nghe, nói cho giáo viên ngoại ngữ". Nhiều giáo viên đã đa dạng hóa hình thức đánh giá với các bài kiểm tra miệng, bài tập nhóm, dự án nhỏ và portfolio học tập.

Tuy nhiên, hình thức đánh giá chủ yếu vẫn là kiểm tra viết, tập trung vào kiến thức ngữ pháp và từ vựng. Việc đánh giá kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nói, còn hạn chế do thiếu thời gian và công cụ đánh giá phù hợp. Báo cáo chỉ ra rằng "việc triển khai ngân hàng câu hỏi chưa được cập nhật, bổ sung thường xuyên; việc xây dựng mới câu hỏi cho ngân hàng câu hỏi theo Chương trình GDPT mới còn gặp nhiều khó khăn do yêu cầu về đầu tư công sức, thời gian, nguồn tài liệu tham khảo; năng lực đội ngũ không đồng đều, khả năng, tiến độ thực hiện đôi lúc còn chậm, chưa đảm bảo theo kế hoạch".

Việc theo dõi, đánh giá quá trình học tập của từng học sinh chưa được thực hiện thường xuyên và bài bản. Giáo viên khó có thể theo dõi chi tiết tiến bộ cũng như những khó khăn cụ thể của mỗi em để có biện pháp hỗ trợ kịp thời khi chưa có công cụ quản lý và đánh giá phù hợp.

2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học môn Tiếng Anh tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

2.2.1. Về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Trong những năm gần đây, tỉnh Lạng Sơn đã chú trọng đầu tư cho cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giáo dục. Theo báo cáo tổng kết Đề án năm 2025, tỉnh đã triển khai tích cực Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Báo cáo nhấn mạnh "đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với đa dạng các mô hình dạy học tạo cơ hội thúc đẩy đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ngoại ngữ".

Hầu hết các trường THCS trên toàn tỉnh đã được trang bị phòng máy tính với số lượng máy tính dao động từ 20-40 máy/phòng, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập và giảng dạy. Các phòng học bộ môn được lắp đặt máy chiếu, màn hình, hệ thống loa, tạo điều kiện cho việc sử dụng các bài giảng điện tử và tài liệu đa phương tiện.

Báo cáo cho thấy tỉnh đã "đầu tư cơ sở vật chất, phòng học trực tuyến, trang thiết bị dạy học ngoại ngữ theo hướng hiện đại, linh hoạt". Tỉnh đã "thực hiện quản lý, sử dụng thiết bị dạy học đúng quy định, hiệu quả; rà soát, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị hiện có để chuẩn bị các điều kiện về dạy học ngoại ngữ chương trình phổ thông mới. Bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học ngoại ngữ theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phòng học ngoại ngữ".

Hệ thống mạng internet đã được phủ sóng đến hầu hết các trường học trên địa bàn tỉnh thông qua chương trình kết nối internet cho các cơ sở giáo dục. Báo cáo nhấn mạnh việc "phát huy hiệu quả chương trình 'Sóng và máy tính cho em' làm cơ sở cho dạy học ngoại ngữ trực tuyến, từ xa". Tuy nhiên, chất lượng kết nối internet chưa đồng đều, tốc độ truy cập ở một số trường vùng xa còn thấp, thường xuyên bị gián đoạn, ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến và truy cập các nguồn học liệu số.

Báo cáo cũng chỉ ra những hạn chế: "Cơ sở vật chất của nhà trường chưa đồng bộ, điều kiện trang thiết bị dạy học ngoại ngữ còn thiếu ở nhiều trường. Việc mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học ngoại ngữ còn gặp khó khăn do quy trình mua sắm, mức giá mời thầu thấp nên không thu hút các nhà cung cấp. Công tác xã hội hóa nguồn kinh phí dành cho mua sắm trang thiết bị dạy học ngoại ngữ trong các trường phổ thông còn hạn chế".

2.2.2. Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên

Theo kết quả đánh giá trong báo cáo tổng kết năm 2025, phần lớn giáo viên Tiếng Anh đã sử dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy. Báo cáo đánh giá rằng "năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên ngoại ngữ được nâng lên, ứng dụng hiệu quả trong dạy học; các tiết học liên trường, xuyên biên giới được triển khai; đổi mới, áp dụng hiệu quả các hình thức tổ chức dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin".

Về công tác đào tạo và bồi dưỡng, trong giai đoạn từ 2017 đến 2025, tỉnh đã cử 1.250 lượt giáo viên phổ thông tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên

môn/năng lực sư phạm, trong đó có nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Sở Giáo dục và Đào tạo đã "tiếp tục chỉ đạo hướng dẫn giáo viên ngoại ngữ tham gia chương trình bồi dưỡng trên hệ thống quản lý trực tuyến theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức hội thảo, các lớp bồi dưỡng tập trung các chuyên đề về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học".

Báo cáo cho thấy tỉnh đã "tăng cường khai thác phòng họp trực tuyến trên các nền tảng công nghệ khác nhau phục vụ công tác dạy học và tập huấn, sinh hoạt chuyên môn; khai thác phương thức dạy học kết nối, tổ chức giờ học xuyên biên giới trong việc nâng cao hiệu quả việc dạy và học ngoại ngữ". Tỉnh đã "tổ chức các giờ học xuyên biên giới; giao lưu tiếng Anh với các trường học nước ngoài".

Tỉnh cũng đã "tiếp tục khai thác các chuyên đề tiếng Anh trên truyền hình; chia sẻ các nguồn tài nguyên dạy học trên mạng Internet; chú trọng khai thác công nghệ thông tin trong công tác quản lý". Về soạn giảng và chuẩn bị bài giảng, hầu hết giáo viên đã sử dụng máy tính để soạn thảo giáo án điện tử, tạo file bài giảng PowerPoint với hình ảnh, âm thanh minh họa. Nhiều giáo viên biết cách tải và sử dụng các tài liệu số từ internet, khai thác các website học Tiếng Anh, video trên YouTube phục vụ giảng dạy.

Trong giờ giảng trên lớp, việc sử dụng bài giảng điện tử đã trở nên phổ biến, giúp bài học trực quan và sinh động hơn. Một số giáo viên có sử dụng các phần mềm hỗ trợ để tạo trò chơi ôn tập, kiểm tra kiến thức, thu hút sự hứng thú của học sinh.

Tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ ra những hạn chế: "Một số giáo viên còn ngại bồi dưỡng, chưa tích cực tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, rèn kỹ năng sư phạm; chưa chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá". Phần lớn giáo viên mới chỉ dừng lại ở việc chiếu bài giảng thay cho việc viết bảng, chưa khai thác tối đa tính tương tác và khả năng cá nhân hóa của công nghệ.

Báo cáo cũng nhấn mạnh "việc lạm dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học dẫn đến hình thức, thiếu phù hợp, lười tư duy". Hạn chế lớn nhất là việc quản lý và hỗ trợ học sinh học tập ngoài giờ lên lớp. Phần lớn giáo viên chưa có công cụ để giao bài tập trực tuyến, theo dõi tiến độ học tập của từng học sinh, cung cấp phản hồi kịp thời.

Việc tương tác với học sinh chủ yếu qua nhóm Zalo, Facebook của lớp, thiếu tính hệ thống và chuyên nghiệp. Báo cáo chỉ rõ "các nhà trường chưa khai thác hiệu quả công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nguồn lực mở để phục vụ học ngoại ngữ". Nhiều giáo viên bày tỏ mong muốn có một nền tảng quản lý học tập tập trung nhưng chưa biết cách triển khai hoặc chưa được đào tạo về các hệ thống này.

2.2.3. Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của học sinh

Phần lớn học sinh là thế hệ "digital native" - sinh ra và lớn lên cùng với công nghệ số. Phần lớn học sinh lớp 8 đã có smartphone cá nhân hoặc được gia đình cho mượn để phục vụ học tập. Các em quen thuộc với việc sử dụng internet, mạng xã hội và các ứng dụng giải trí.

Trong học tập môn Tiếng Anh, học sinh thường sử dụng từ điển điện tử trên điện thoại, ứng dụng dịch thuật để tra cứu từ vựng. Một số em chủ động tìm kiếm video học Tiếng Anh trên YouTube, sử dụng các ứng dụng học từ vựng. Tuy nhiên, việc sử dụng này còn mang tính tự phát, thiếu sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên, dẫn đến hiệu quả chưa cao.

Báo cáo của UBND tỉnh chỉ ra rằng "thiếu môi trường sử dụng ngoại ngữ, nhận thức về vai trò ngoại ngữ của người học chưa rõ nét". Báo cáo cũng nêu rõ "điều kiện sử dụng ngoại ngữ và môi trường, cơ hội việc làm có sử dụng ngoại ngữ còn thiếu". Việc thiếu một môi trường học tập trực tuyến có tổ chức khiến nhiều học sinh cảm thấy lạc lõng, không biết cách tự học và tự rèn luyện kỹ năng ngoài giờ lên lớp.

Hạn chế lớn là học sinh chưa được trang bị kỹ năng tìm kiếm thông tin hiệu quả, đánh giá độ tin cậy của nguồn thông tin trên internet. Các em thường xuyên sử dụng công nghệ để giải trí nhiều hơn là học tập, dễ bị phân tâm bởi game, mạng xã hội khi học trực tuyến.

2.2.4. Các ứng dụng công nghệ thông tin đang được sử dụng

Hiện tại, các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đang sử dụng một số ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến trong dạy học môn Tiếng Anh. Theo báo cáo của UBND tỉnh năm 2025, các ứng dụng bao gồm: Microsoft PowerPoint để tạo bài giảng điện tử; các phần mềm phát âm thanh, video; một số website học Tiếng Anh trực tuyến.

Về công cụ đánh giá, báo cáo cho biết tỉnh đã "bồi dưỡng kỹ năng khai thác phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi thi, phần mềm hỗ trợ thi nghe, nói cho giáo viên ngoại ngữ". Báo cáo cũng nhấn mạnh "khai thác đa dạng các phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi, phần mềm luyện thi trực tuyến". Tuy nhiên, việc sử dụng các phần mềm này chưa thống nhất và đồng bộ giữa các trường.

Về quản lý và giao tiếp, các trường sử dụng hệ thống quản lý giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo để quản lý thông tin học sinh, điểm số. Báo cáo cho thấy tỉnh đã "xây dựng hệ thống biểu mẫu thu thập thông tin của năm học để thực hiện công tác quản lý, thống kê, báo cáo tình hình thực hiện dạy học ngoại ngữ". Tỉnh cũng đã "tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, thống kê số liệu và báo cáo kết quả thực hiện". Việc tương tác giữa giáo viên và học sinh, phụ huynh chủ yếu thông qua các nhóm Zalo, Facebook của lớp.

Báo cáo nhấn mạnh tỉnh đã "tăng cường khai thác phòng họp trực tuyến trên các nền tảng công nghệ khác nhau phục vụ công tác dạy học và tập huấn chuyên môn". Tuy nhiên, sau khi trở lại học tập thường, việc sử dụng các nền tảng học trực tuyến không được duy trì thường xuyên.

Đáng chú ý là chưa có trường nào trong số 224 trường THCS trên địa bàn tỉnh triển khai chính thức một hệ thống quản lý khóa học (LMS) tích hợp và chuyên biệt như MOODLE để hỗ trợ toàn diện cho quá trình dạy và học môn Tiếng Anh. Báo cáo chỉ ra "các nhà trường chưa khai thác hiệu quả công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nguồn lực mở để phục vụ học ngoại ngữ". Việc thiếu một nền tảng LMS đồng bộ dẫn đến tình trạng phân mảnh trong việc quản lý tài liệu, giao bài tập, đánh giá và theo dõi tiến độ học tập của học sinh đang học tiếng Anh.

2.2.5. Những khó khăn, hạn chế trong ứng dụng công nghệ thông tin

Mặc dù trong giai đoạn từ 2017 đến 2025 đã có 1.250 lượt giáo viên được bồi dưỡng về năng lực chuyên môn/năng lực sư phạm, báo cáo đánh giá "việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa thường xuyên và chưa đi sâu vào các kỹ năng thực hành". Thêm vào đó, khối lượng công việc của giáo viên đã nhiều, việc đầu tư thời gian để học hỏi và chuẩn bị các bài giảng ứng dụng công nghệ cao trở thành gánh nặng.

Về phía học sinh, tuy quen thuộc với công nghệ nhưng các em chưa được định hướng đúng đắn về cách sử dụng công nghệ cho học tập. Điều kiện kinh tế gia đình khác nhau dẫn đến không phải học sinh nào cũng có thiết bị và kết nối internet ổn định tại nhà, tạo ra khoảng cách số. Báo cáo chỉ rõ "nền kinh tế có xuất phát điểm thấp, quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; đời sống người dân khu vực nông thôn, vùng cao, biên giới còn gặp nhiều khó khăn".

Về cơ sở vật chất, báo cáo cho thấy "cơ sở vật chất của nhà trường chưa đồng bộ, điều kiện trang thiết bị dạy học ngoại ngữ còn thiếu ở nhiều trường". Việc đầu tư thiết bị vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu. Báo cáo cũng nêu rõ "việc mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học ngoại ngữ còn gặp khó khăn do quy trình mua sắm, mức giá mời thầu thấp nên không thu hút các nhà cung cấp. Công tác xã hội hóa nguồn kinh phí dành cho mua sắm trang thiết bị dạy học ngoại ngữ trong các trường phổ thông còn hạn chế".

Về quản lý và tổ chức, báo cáo chỉ ra "các nhà trường chưa khai thác hiệu quả công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nguồn lực mở để phục vụ học ngoại ngữ". Thiếu sự hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp khi gặp sự cố, giáo viên thường phải tự giải quyết, dẫn đến tâm lý lo lắng khi sử dụng công nghệ trong giảng dạy. Mặc dù đã có những nỗ lực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, báo cáo tổng kết Đề án của UBND tỉnh Lạng Sơn năm 2025 đã chỉ ra nhiều khó khăn cần được giải quyết. Về phía giáo viên, hạn chế lớn nhất là năng lực và kỹ năng sử dụng công nghệ chưa đồng đều; một số giáo viên còn ngại bồi dưỡng, chưa chủ động cập nhật kiến thức và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá. Khối lượng công việc nhiều khiến việc đầu tư thời gian để chuẩn bị bài giảng ứng dụng công nghệ trở thành gánh nặng.

Về phía học sinh, tuy quen thuộc với công nghệ nhưng chưa được định hướng đúng đắn về cách sử dụng công nghệ cho học tập; điều kiện kinh tế gia đình khác nhau tạo ra khoảng cách số giữa các em. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu và chưa đồng bộ ở nhiều trường. Về quản lý và tổ chức, báo cáo chỉ ra các nhà trường chưa khai thác hiệu quả công nghệ thông tin và nguồn lực mở; thiếu hỗ trợ kỹ thuật

chuyên nghiệp khi gặp sự cố; việc lạm dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học dẫn đến hình thức, thiếu phù hợp, lười tư duy.

Những khó khăn trên không phải là lý do để trì hoãn, mà là cơ sở để xây dựng một kế hoạch triển khai thực tiễn và khả thi. Kinh nghiệm từ các địa phương đã triển khai LMS thành công cho thấy: khi giáo viên được hỗ trợ đủ và hệ thống được thiết kế đơn giản, trực quan, rào cản về công nghệ sẽ nhanh chóng được vượt qua.

2.3. Mức độ cần thiết sử dụng hệ thống quản lý khóa học trong dạy và học môn Tiếng Anh tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

2.3.1. Từ yêu cầu đổi mới giáo dục và chương trình giáo dục phổ thông mới

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả giáo dục. Tại Lạng Sơn, theo số liệu tháng 12/2024, tất cả các trường THCS đã triển khai dạy học tiếng Anh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Con số này cho thấy quy mô triển khai chương trình mới đã hoàn tất, tất cả học sinh THCS đều đang học theo chương trình mới.

Theo báo cáo của UBND tỉnh năm 2025, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 2716/SGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2024 về việc hướng dẫn dạy học ngoại ngữ cấp THCS theo Chương trình 2018. Chương trình này hướng đến phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh cho học sinh, đặc biệt chú trọng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách cân đối.

Tuy nhiên, báo cáo chỉ ra rằng "phương pháp dạy học còn chậm đổi mới, thiếu linh hoạt, sáng tạo; hình thức tổ chức dạy học thiếu phù hợp với chương trình GDPT mới". Việc dạy học cần chuyển từ phương pháp thuyết trình một chiều sang tổ chức các hoạt động học tập tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, khuyến khích tự học và học suốt đời.

2.3.2. Từ đặc thù của môn Tiếng Anh và thực trạng dạy học

Môn Tiếng Anh có đặc thù riêng so với các môn học khác, đòi hỏi người học phải được rèn luyện thường xuyên, liên tục các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Tại Lạng Sơn, học sinh THCS đang học theo Chương trình 2018, việc học ngôn ngữ

không thể chỉ giới hạn trong tiết học trên lớp mà cần có sự thực hành, ôn tập hàng ngày.

Báo cáo của UBND tỉnh chỉ ra rằng "thiếu môi trường sử dụng ngoại ngữ, nhận thức về vai trò ngoại ngữ của người học chưa rõ nét". Báo cáo cũng nhấn mạnh "điều kiện sử dụng ngoại ngữ và môi trường, cơ hội việc làm có sử dụng ngoại ngữ còn thiếu". Với thời lượng chỉ 3-4 tiết/tuần, giáo viên Tiếng Anh khó có thể đảm bảo thời gian thực hành cho học sinh, đặc biệt là kỹ năng nói và nghe.

LMS MOODLE giúp giải quyết vấn đề này bằng cách cung cấp môi trường học tập mở rộng ngoài giờ lên lớp: học sinh có thể truy cập bài tập nghe, video phát âm, bài đọc hiểu, bài tập từ vựng và ngữ pháp bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu có kết nối internet. Đồng thời, các hoạt động được thiết kế có mục đích sư phạm rõ ràng giúp khắc phục tình trạng lạm dụng công nghệ một cách hình thức.

2.3.3. Từ nhu cầu thực tế của giáo viên

Qua khảo sát ý kiến và phân tích thực trạng của 963 giáo viên Tiếng Anh toàn tỉnh (bao gồm giáo viên THCS), phần lớn giáo viên bày tỏ những khó khăn trong việc quản lý quá trình dạy và học với số lượng lớn học sinh như việc giao bài tập, thu bài, chấm bài và cung cấp phản hồi.

Báo cáo của UBND tỉnh cho thấy mặc dù "năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên ngoại ngữ được nâng lên, ứng dụng hiệu quả trong dạy học", nhưng "các nhà trường chưa khai thác hiệu quả công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nguồn lực mở để phục vụ học ngoại ngữ". Với phương thức truyền thống, giáo viên phải in hoặc viết tay đề bài, phát cho học sinh, sau đó thu bài và chấm thủ công.

Báo cáo cũng chỉ ra "việc triển khai ngân hàng câu hỏi chưa được cập nhật, bổ sung thường xuyên; việc xây dựng mới câu hỏi cho ngân hàng câu hỏi theo Chương trình GDPT mới còn gặp nhiều khó khăn do yêu cầu về đầu tư công sức, thời gian, nguồn tài liệu tham khảo; năng lực đội ngũ không đồng đều". Nhiều giáo viên mong muốn có một công cụ để lưu trữ và chia sẻ tài liệu giảng dạy một cách có hệ thống, tránh tình trạng mất mát hoặc lộn xộn tài liệu.

Các thầy cô cũng muốn có thể theo dõi được tiến độ học tập của từng học sinh đang học theo chương trình mới, những khó khăn cụ thể của từng em để có thể hỗ

trợ kịp thời và phù hợp. Báo cáo nhấn mạnh "công tác kiểm tra việc tổ chức dạy học ngoại ngữ, công tác thông kê, báo cáo từ các cơ sở giáo dục đôi khi chưa kịp thời, còn thiếu thông tin". Việc sử dụng các nhóm chat Zalo, Facebook hiện tại tuy tiện lợi nhưng thiếu tính chuyên nghiệp, khó quản lý và không có đầy đủ các tính năng cần thiết cho việc tổ chức dạy học.

Hệ thống LMS MOODLE đáp ứng được những nhu cầu này. Giáo viên có thể tạo khóa học, đăng tải tài liệu, giao bài tập trực tuyến với nhiều dạng bài đa dạng. Hệ thống tự động chấm các bài trắc nghiệm, lưu trữ bài làm của học sinh, cho phép giáo viên dễ dàng theo dõi và đánh giá. Các báo cáo chi tiết về hoạt động của học sinh giúp giáo viên nắm bắt được tình hình học tập và đưa ra những can thiệp phù hợp.

2.3.4. Từ nhu cầu thực tế của học sinh

Học sinh thế hệ hiện nay là những "công dân số" (digital natives), quen thuộc và yêu thích việc sử dụng công nghệ trong sinh hoạt hàng ngày. Việc tích hợp công nghệ vào học tập phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi và phong cách học tập của các em.

Qua khảo sát, nhiều học sinh bày tỏ mong muốn có thêm tài liệu học tập phong phú, bài tập thú vị và cơ hội được thực hành nhiều hơn ngoài giờ lên lớp. Báo cáo của UBND tỉnh chỉ ra rằng "thiếu môi trường sử dụng ngoại ngữ, nhận thức về vai trò ngoại ngữ của người học chưa rõ nét". Báo cáo cũng nhấn mạnh "điều kiện sử dụng ngoại ngữ và môi trường, cơ hội việc làm có sử dụng ngoại ngữ còn thiếu".

Các em cũng mong muốn được học theo cách linh hoạt hơn, có thể ôn tập lại những phần chưa hiểu, học trước những nội dung mới hoặc bổ sung kiến thức nâng cao tùy theo năng lực và nhu cầu của mình. Việc học trên lớp với thời gian cố định và cùng một tiến độ cho tất cả học sinh không phù hợp với sự khác biệt về năng lực và tốc độ tiếp thu của mỗi em.

Báo cáo năm 2025 cho thấy có sự chênh lệch lớn về điều kiện học tập giữa các vùng. Trong khi học sinh ở thành phố Lạng Sơn và một số huyện lỵ có điều kiện tiếp cận nhiều nguồn học liệu, thì học sinh vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn hơn. Báo cáo nhấn mạnh "đời sống người dân khu vực nông thôn, vùng cao, biên giới còn gặp nhiều khó khăn".

Hệ thống LMS MOODLE cung cấp một môi trường học tập cá nhân hóa, cho phép học sinh truy cập tài liệu, làm bài tập và kiểm tra theo tốc độ riêng. Các hoạt động học tập trên hệ thống được thiết kế phong phú, tương tác, thu hút sự hứng thú của học sinh. Việc nhận được phản hồi ngay lập tức từ hệ thống hoặc từ giáo viên giúp học sinh biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình để điều chỉnh cách học.

2.3.5. Từ xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục và chính sách của tỉnh

Chuyển đổi số trong giáo dục là xu hướng tất yếu và đang được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ số trong giáo dục.

Tỉnh Lạng Sơn đã triển khai tích cực Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Báo cáo của UBND tỉnh năm 2025 nhấn mạnh tỉnh đã "đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với đa dạng các mô hình dạy học tạo cơ hội thúc đẩy đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ngoại ngữ".

Báo cáo cũng ghi nhận tỉnh đã "tăng cường khai thác phòng học trực tuyến trên các nền tảng công nghệ khác nhau phục vụ công tác dạy học và tập huấn chuyên môn; khai thác phương thức dạy học kết nối, tổ chức giờ học xuyên biên giới trong việc nâng cao hiệu quả việc dạy và học ngoại ngữ". Tỉnh đã tổ chức các giờ học xuyên biên giới, giao lưu tiếng Anh với các trường học nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, việc các trường THCS trên địa bàn tỉnh triển khai sử dụng hệ thống LMS MOODLE trong dạy học môn Tiếng Anh là một bước đi phù hợp với xu hướng chung, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục.

TIỂU KẾT PHẦN 2

Từ những phân tích dựa trên số liệu thực tế của tỉnh Lạng Sơn, có thể khẳng định rằng việc sử dụng hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy học

môn Tiếng Anh tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh là cần thiết và cấp bách. Việc triển khai LMS MOODLE sẽ góp phần giải quyết các hạn chế đã nêu, nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Anh, tạo môi trường học tập hiện đại, chủ động và linh hoạt cho học sinh, đồng thời hỗ trợ giáo viên Tiếng Anh trong việc tổ chức, quản lý và đánh giá quá trình học tập một cách hiệu quả. Đây là bước đi quan trọng trong việc đổi mới giáo dục, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ cho thế hệ trẻ Lạng Sơn trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

III. NỘI DUNG

1. Nội dung và những kết quả nghiên cứu của sáng kiến

1.1. Khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 8 tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1.1.1. Lưu trữ tài nguyên học tập

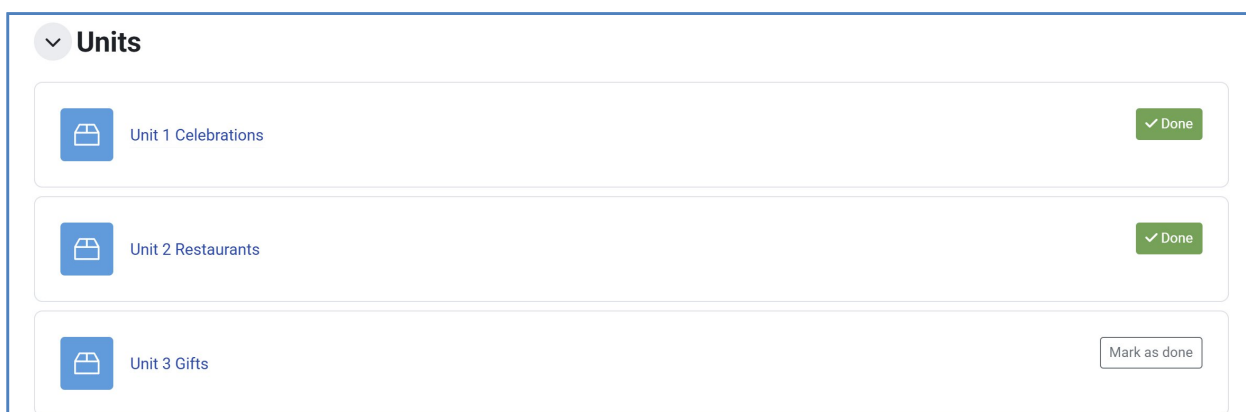
Tại giao diện khóa học Tiếng Anh 8 trên MOODLE, các tài nguyên liên quan đến môn học đều được giáo viên cung cấp và chia sẻ công khai trước khi bắt đầu học kỳ mới. Đây là tài nguyên dùng chung cho học sinh thuộc tất cả các lớp, được giáo viên tạo một lần và sử dụng cho các năm học hiện tại lẫn về sau.

Tài nguyên học tập được tổ chức và chia sẻ trên MOODLE bao gồm:

- Kế hoạch bài dạy (phân phối chương trình, kế hoạch dạy học theo từng Unit)
- Sách giáo khoa điện tử (e-book Tiếng Anh 8)
- Hệ thống bài giảng (slides trình chiếu theo từng Unit)

- Bài giảng E-learning: Giáo viên thiết kế các bài giảng tương tác dưới dạng video bài giảng, bài giảng SCORM hoặc H5P tích hợp trực tiếp trên MOODLE. Học sinh có thể xem lại bài giảng, dừng, tua và tương tác với nội dung bài học bất cứ lúc nào, phù hợp với tốc độ tiếp thu của từng cá nhân. Đây là nguồn học liệu đặc biệt hữu ích cho học sinh vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn khi không có điều kiện học thêm bên ngoài

- Hệ thống bài tập theo từng kỹ năng và từng Unit



- Tài liệu tham khảo hỗ trợ kiến thức ngôn ngữ và văn hóa
- Các thông tin hữu ích liên quan đến môn học như lịch kiểm tra, hướng dẫn ôn tập, đáp án tham khảo

Giáo viên có thể tải dữ liệu trực tiếp lên khóa học dưới dạng tập tin (file), thư mục (folder) hoặc dẫn liên kết (link) từ các nguồn lưu trữ bên ngoài. Để giao diện tài nguyên học tập được đơn giản, dễ tìm kiếm, dễ khai thác và tiết kiệm dung lượng máy chủ, tác giả đã kết hợp:

- Dẫn link học liệu từ thư mục tài nguyên dùng chung của Tổ chuyên môn trên Google Drive
- Nhúng trực tiếp bài giảng E-learning từ YouTube, Google Sites hoặc các nền tảng thiết kế bài giảng như Canva, Genially, iSpring vào giao diện MOODLE
- Tích hợp các hoạt động tương tác H5P ngay trong nội dung bài giảng để học sinh vừa xem vừa luyện tập

Nhờ đó, học sinh có thể truy cập và khai thác tài nguyên bất cứ lúc nào, tại bất kỳ đâu chỉ với thiết bị có kết nối Internet, góp phần thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời, điều đặc biệt có ý nghĩa đối với học sinh tại các vùng còn nhiều khó khăn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

1.1.2. Triển khai hoạt động học tập

a) Trắc nghiệm (Quiz)

Chương trình môn Tiếng Anh lớp 8 được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp, tích hợp bốn kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết, đồng thời chú trọng kiến thức ngôn ngữ gồm Từ vựng, Ngữ pháp và Phát âm. Theo đó, các khâu giảng dạy và đánh giá đều hướng đến mục tiêu giúp học sinh đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tương đương bậc A2 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Cấu trúc đề kiểm tra môn Tiếng Anh lớp 8 thường bao gồm phần trắc nghiệm với các câu hỏi 4 lựa chọn kiểm tra các kỹ năng ngôn ngữ. Do đó, công cụ Quiz của MOODLE được xem là công cụ then chốt được tác giả khai thác trong việc giúp học sinh luyện tập các dạng bài tập theo chương trình Tiếng Anh 8, cả tại lớp học trực tiếp lẫn ngoài giờ lên lớp theo mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning).

Tác giả thường sử dụng công cụ này trong các khâu:

- Giới thiệu hoặc củng cố kiến thức về Từ vựng (Vocabulary), Ngữ pháp (Grammar), Phát âm (Pronunciation) theo từng Unit.

- Luyện tập kỹ năng Đọc hiểu (Reading comprehension) và Nghe hiểu (Listening) với các bài tập hỗ trợ như: luyện tập theo từng Unit, kiểm tra giữa kỳ, ôn tập cuối học kỳ.

Công cụ Quiz trên MOODLE hỗ trợ đầy đủ các tính năng cần thiết phù hợp với đặc thù môn Tiếng Anh 8, cụ thể:

- Không giới hạn số lượng câu hỏi và lựa chọn, đáp ứng linh hoạt các dạng bài từ dễ đến khó.
- Cho phép chèn hình ảnh phục vụ bài tập mô tả tranh, đọc hiểu có minh họa.
- Cho phép chèn âm thanh phục vụ các bài tập luyện nghe theo từng Unit.
- Chèn đoạn văn hướng dẫn (Directions) giúp học sinh làm quen với cấu trúc đề kiểm tra chuẩn.

Bên cạnh đó, MOODLE còn hỗ trợ một số tính năng vượt trội khác. MOODLE cho phép giáo viên nhập (import) danh sách câu hỏi theo nhiều định dạng khác nhau, trong đó định dạng Plain Text được tác giả khai thác nhiều nhất do tính thân thiện và dễ sử dụng. Tính năng này giúp giáo viên tiết kiệm đáng kể thời gian soạn thảo và đảm bảo độ chính xác khi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm.

Ngoài ra, MOODLE cho phép thiết lập số lần làm bài linh hoạt từ 1 đến không giới hạn. Tùy theo tính chất và mục đích từng bài, tác giả áp dụng như sau:

- Bài kiểm tra định kỳ hoặc cuối học kỳ: Giới hạn 1 lần làm bài nhằm đảm bảo tính nghiêm túc và khách quan.
- Bài luyện tập ngoài giờ lên lớp: Cho phép học sinh làm không giới hạn số lần, MOODLE sẽ ghi nhận kết quả của lần đạt điểm cao nhất, nhằm khuyến khích học sinh tự ôn luyện, đào sâu kiến thức và phát triển tư duy ngôn ngữ.

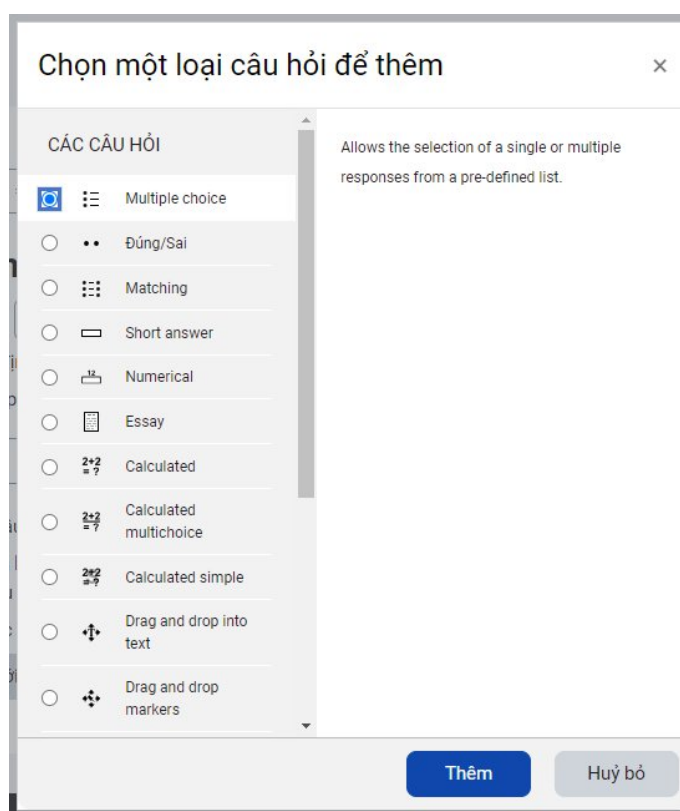
Tại giao diện quản lý ngân hàng câu hỏi, click vào nút **“Tạo câu hỏi mới...”** để thêm câu hỏi. Tại giao diện lựa chọn loại câu hỏi, GV chọn loại câu hỏi trắc nghiệm và click nút **“Thêm”**.

Các loại câu hỏi MOODLE hỗ trợ:

- **Multiple choice** – Câu hỏi một hoặc nhiều lựa chọn.
- **Đúng/Sai** – Câu hỏi dạng đúng/sai
- **Matching** – Câu hỏi ghép đôi

- **Short answer** – Câu trả lời ngắn
- **Numerical** – Đánh số
- **Essay** – Câu viết luận
- **Calculated multichoice** – Câu hỏi trắc nghiệm tính toán
- **Calculated simple** – Câu hỏi tính toán đơn giản
- **Drag and drop into text** – Kéo thả điền từ
- **Drag and drop markers** – Kéo thả mục đánh dấu

Sau khi lựa chọn loại câu hỏi mong muốn. MOODLE chuyển sang giao diện soạn thảo câu hỏi. (Hình 2)



Hình 1: Chọn loại câu hỏi

Dưới đây minh họa các bước soạn thảo câu hỏi dạng lựa chọn (một hoặc nhiều)

Những thông tin cần chú ý:

- **Tên câu hỏi:** Nên đặt sao cho dễ nhận diện câu hỏi trong ngân hàng (trường hợp một course có nhiều GV phụ trách, những GV này cùng tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi cho course đó có thể đặt tên sao cho dễ nhận diện người tạo câu hỏi, mức độ khó của câu hỏi .v.v..).

Ví dụ: **PhamMai_MucDo3_Cau1; PhamMai_MucDo3_Cau2;**
LanAnh_MucDo5_Cau1; LanAnh_MucDo5_Cau2; .v.v..

- **Đoạn văn câu hỏi:** Soạn nội dung câu hỏi (có thể chèn ảnh, âm thanh, video,...)

The screenshot shows the 'Nghe 3' interface with a blue header bar containing navigation links: 'Khoá học', 'Cài đặt', 'Danh sách thành viên', 'Điểm số', 'Báo cáo', and 'Xem thêm'. Below the header, the title 'Nghe 3' is displayed. The main content area is titled 'Adding a Multiple choice question'. It includes a 'Chung' (General) section with the following fields: 'Danh mục' (Category) set to 'Mặc định cho Nghe 3', 'Tên câu hỏi' (Question name) set to 'Nghe3_C1', and 'Đoạn văn câu hỏi' (Question text) containing a paragraph about a game. A rich text editor toolbar is visible above the text field.

Hình 2: Giao diện soạn thảo câu hỏi

Tiếp tục kéo xuống điền các thông tin cho câu hỏi:

- **Điểm mặc định:** Nên để mặc định (1), điểm của câu hỏi trong một quiz cụ thể có thể được thay đổi tùy thuộc vào thiết lập của quiz.
- **One or multiple answers?** Chọn One answer only nếu câu hỏi có một lựa chọn, và chọn Multiple... nếu câu hỏi có nhiều lựa chọn.
- **Shuffle the choices?** Thứ tự các lựa chọn sẽ được đảo ngẫu nhiên khi sử dụng câu hỏi trong bài kiểm tra.

The screenshot shows the configuration settings for the question. It includes the following fields: 'Điểm mặc định' (Default points) set to 1, 'Phản hồi chung' (General feedback) with a rich text editor, 'ID number' (empty), 'One or multiple answers?' (dropdown menu with 'One answer only' selected), 'Shuffle the choices?' (checkbox checked), 'Number the choices?' (dropdown menu with 'a., b., c., ...' selected), and 'Show standard instructions' (dropdown menu with 'Không' selected).

Hình 3: Thiết lập thông tin Điểm, số lựa chọn và đảo ngẫu nhiên lựa chọn

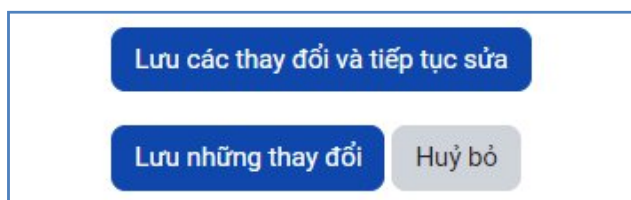
Thiết lập nội dung cho các lựa chọn: Tại mục **Các câu trả lời**, GV nhận nội dung của các lựa chọn. Mục Điểm cho mỗi lựa chọn được xác định theo % của Điểm câu hỏi.

The image shows a user interface for setting up quiz questions. It is divided into two main sections, each titled 'Các câu trả lời' (Answers). Each section contains a choice (Choice 1 and Choice 2) with a text editor and a points dropdown menu. The first choice has the text 'football' and a points dropdown set to '100%'. The second choice is empty and its points dropdown is open, showing a list of percentage options from 'Không' to '10%'.

Hình 4: Nhập nội dung của các lựa chọn

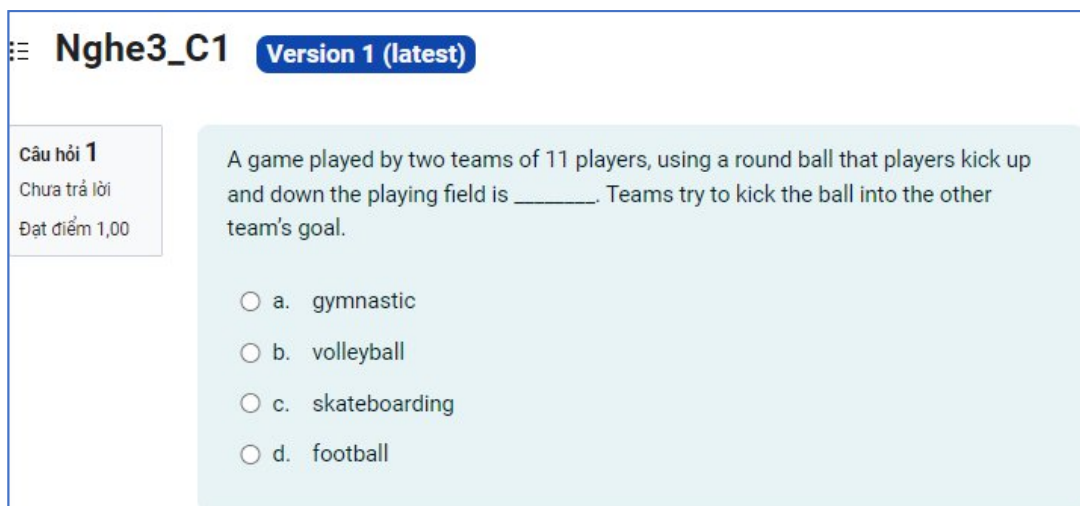
Nếu câu hỏi có 1 lựa chọn thì chọn 100% điểm cho lựa chọn là đáp án đúng. Nếu câu hỏi có nhiều lựa chọn, có thể chia đều điểm cho các lựa chọn hoặc chọn theo tỉ lệ phần trăm tùy ý (tổng % các đáp án phải đủ 100%).

Sau khi nhập đủ các thông tin, GV click nút **Lưu những thay đổi** để lưu câu hỏi và trở về giao diện quản lý ngân hàng câu hỏi. Hoặc click nút **Lưu các thay đổi và tiếp tục sửa** để lưu và tiếp tục soạn thảo cho câu hỏi này.



Hình 5: Lưu câu hỏi

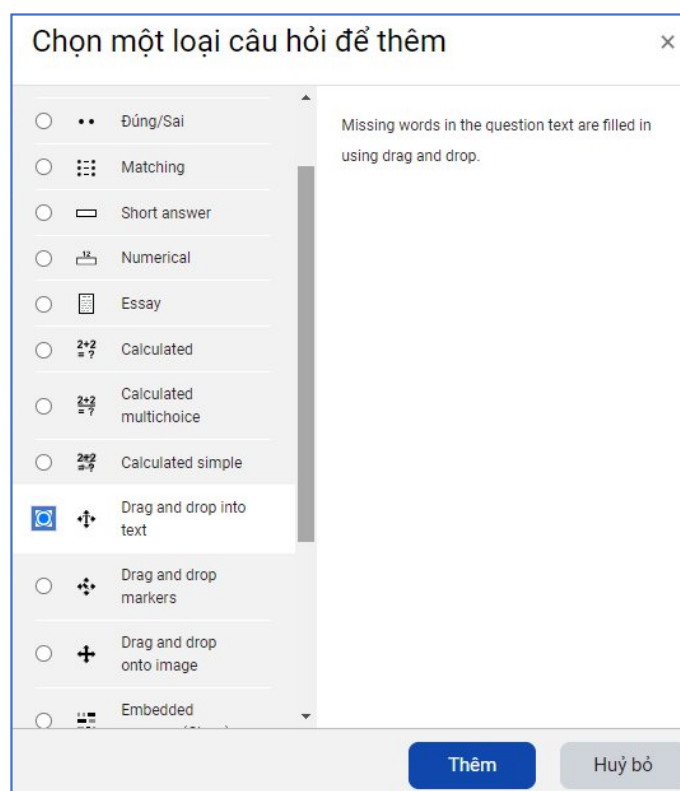
Câu hỏi soạn thảo khi sử dụng trong quiz sẽ được hiển thị như hình 4



Hình 6: Câu hỏi dạng lựa chọn khi được hiển thị trong bài kiểm tra

Minh họa các bước tạo câu hỏi điền từ kéo-thả:

Tại giao diện chọn loại câu hỏi, lựa chọn **Drag and drop into text**.



Hình 7: Tạo câu hỏi dạng điền từ kéo/thả

Các bước soạn thảo tương tự trường hợp soạn thảo câu hỏi dạng lựa chọn đã trình bày. Tuy nhiên đối với câu hỏi dạng điền từ kéo/thả cần chú ý: vị trí cần điền được đánh dấu theo cú pháp:

[[số]]

- Hai cặp dấu ngoặc vuông là chuỗi ký tự đánh dấu vị trí cần kéo/thả đáp án.
- Giá trị số nằm trong 2 cặp dấu ngoặc đơn là chỉ thị đáp án đúng khi kéo thả vào vị trí này.

Như minh họa tại hình 8: vị trí cần kéo thả ở cuối câu, đáp án đúng cho vị trí cần điền này là lựa chọn số 1 (**Choice [[1]]**)

The image shows two screenshots of a software interface for creating listening exercises. The top screenshot is titled 'Nghe 3' and shows the 'Adding a drag and drop into text' section. It includes a text editor with a toolbar and a question: 'The highest authority of a Hồ Chí Minh Communist Youth Union (HCYU) chapter is [[1]].'. The bottom screenshot shows the 'Choices' section, which lists six choices with their corresponding answers and group settings. The 'Shuffle' checkbox is checked.

Nghe 3 Các câu hỏi Editing a drag and drop into text

Adding a drag and drop into text Mở rộng tất cả

Chung

Danh mục: Mặc định cho Nghe 3 (1)

Tên câu hỏi: Nghe3_C2

Đoạn văn câu hỏi:

Edit View Insert Format Tools Table Help

← → B I [Image] [Image] [Image] H-P [Image] [Image] ...

Drag and drop the correct responses to the empty box to answer the questions below

The highest authority of a Hồ Chí Minh Communist Youth Union (HCYU) chapter is [[1]].

30 words tiny

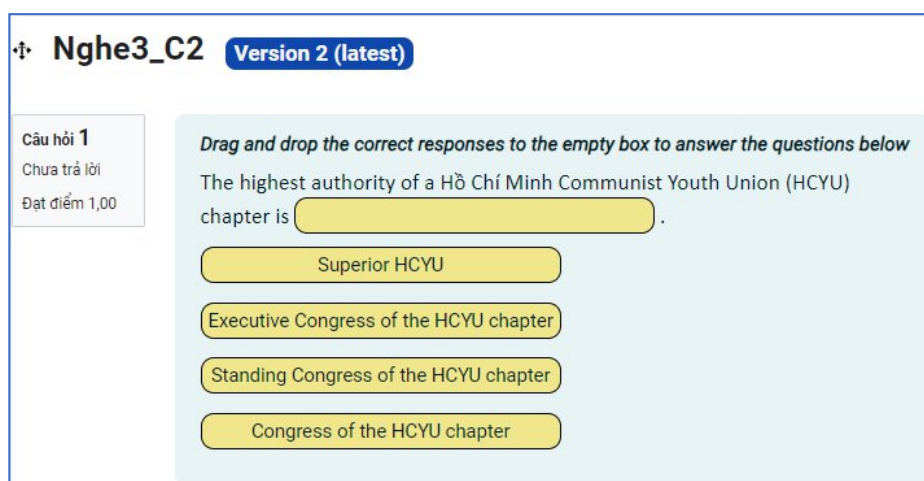
Choices

☒ Shuffle

Choice [[1]]	Answer: Congress of the HCYU chapter	Group: A	☐ Unlimited
Choice [[2]]	Answer: Standing Congress of the HCYU chapter	Group: A	☐ Unlimited
Choice [[3]]	Answer: Executive Congress of the HCYU chapter	Group: A	☐ Unlimited
Choice [[4]]	Answer: Superior HCYU	Group: A	☐ Unlimited
Choice [[5]]	Answer:	Group: A	☐ Unlimited
Choice [[6]]	Answer:	Group: A	☐ Unlimited

Blanks for 3 more choices

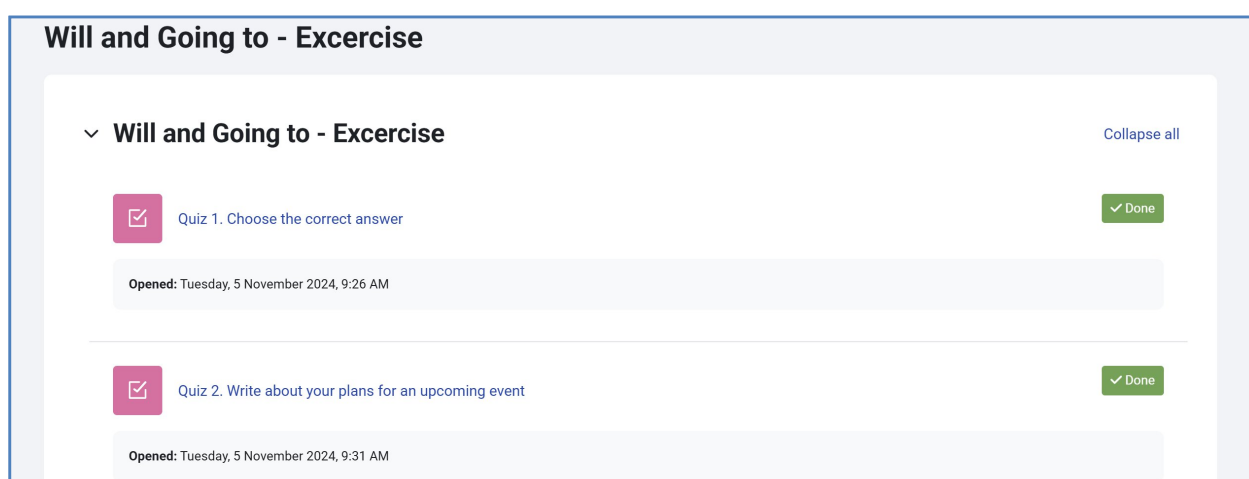
Hình 8: Soạn thảo câu hỏi điền từ kéo/thả



Hình 9: Câu hỏi kéo/thả hiển thị khi sử dụng trong MOODLE Quiz

b) Bài tập (Assignment)

Đây là công cụ mà tác giả thường xuyên sử dụng để giao nhiệm vụ tự học ngoài giờ lên lớp với mục đích củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng đã được học tại lớp theo mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning), cũng như để chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo mô hình lớp học đảo ngược (Flipped Classroom).



Học sinh được yêu cầu đăng ký tài khoản người dùng và chụp màn hình minh chứng kết quả bài làm để nộp cho giáo viên qua MOODLE trước buổi học kế tiếp. Minh chứng được yêu cầu có đầy đủ các thông tin về tên tài khoản người dùng, ngày làm bài, thời lượng thực hiện và kết quả đạt được. Giáo viên sẽ kiểm tra và thống kê kết quả. Tương ứng mỗi bài luyện tập đạt yêu cầu, học sinh sẽ nhận được 1 điểm khuyến khích (điểm tốt). Nếu số lượng bài luyện tập nhiều hơn 1 thì học sinh cũng sẽ nhận được số điểm tương ứng. Tất cả các điểm khuyến khích này được giáo viên thông báo công khai vào buổi học kế tiếp và lưu trữ để tổng hợp vào cuối học kỳ nhằm cải thiện kết quả học tập cho học sinh.

Đáng ghi nhận là hình thức này được đa số học sinh hưởng ứng và tham gia tích cực, chiếm khoảng 70% – 80% sĩ số lớp. Không những học sinh luyện tập được nhiều bài hơn mà còn có thể làm lại nhiều lần cho đến khi đạt kết quả như mong muốn.

Kênh Assignment cũng được tác giả sử dụng để giao nhiệm vụ và thu thập sản phẩm trong các hoạt động tự nghiên cứu bài mới theo hình thức cá nhân hoặc theo nhóm, với một số chủ điểm nổi bật trong chương trình Tiếng Anh 8 như:

- Sưu tầm tranh ảnh, video minh họa chủ đề theo từng Unit (*Unit topic illustration*)
- Làm bảng từ vựng theo chủ đề (*Vocabulary map/mind map*)
- Viết đoạn văn ngắn theo gợi ý (*Guided writing*)
- Thực hành hội thoại theo cặp, quay video nộp bài (*Speaking task*)
- Tìm hiểu văn hóa, phong tục các nước nói Tiếng Anh liên quan đến chủ đề bài học (*Cultural project*)

Giống như công cụ Quiz, Assignment cũng cho phép giáo viên dễ dàng tạo hoặc cập nhật các tùy chỉnh cần thiết như hạn nộp bài, định dạng thông tin cần nộp (văn bản hoặc tập tin), giới hạn dung lượng tập tin, kiểu phản hồi của giáo viên (bình luận, chú thích trực tiếp trên file PDF hoặc gửi tập tin phản hồi).

Có thể thấy công cụ này giúp tăng cường và phát huy tối đa năng lực tự chủ, tự duy độc lập của học sinh. Ngoài việc lựa chọn nền tảng và loại bài tập phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân, học sinh còn có thể truy cập, học và nộp bài bất cứ lúc nào, tại bất kỳ đâu, tự điều chỉnh tốc độ và thời lượng học phù hợp với nhu cầu và điều kiện của bản thân. Nhờ đó, việc học tập diễn ra thuận tiện, hiệu quả và đầy hứng thú.

c) Diễn đàn (*Forum*)

MOODLE cung cấp 6 kiểu diễn đàn khác nhau. Trong đó, tác giả ưu tiên sử dụng kiểu diễn đàn "Q&A Forum" như một bảng thông báo đầu năm học hoặc bản tin chung trong suốt học kỳ cho các lớp. Bên cạnh đó, tác giả còn khai thác kênh này vào hoạt động thảo luận ngoài giờ lên lớp để chuẩn bị bài mới theo mô hình lớp học đảo ngược.

Forum

Display mode
forum_displaymode

Display replies in nested form Default: Display replies in nested form

The default display mode for discussions if one isn't set.

Short post
forum_shortpost

300 Default: 300

Any post under this length (in characters not including HTML) is considered short (see below).

Long post
forum_longpost

600 Default: 600

Any post over this length (in characters not including HTML) is considered long. Posts displayed on the site home, social format course pages, or user profiles are shortened to a natural break somewhere between the forum_shortpost and forum_longpost values.

Discussions per page
forum_manydiscussions

100 Default: 100

Maximum number of discussions shown in a forum per page

Maximum attachment size
forum_maxbytes

500 KB Default: 500 KB

Đây là nơi tương tác, thảo luận giữa giáo viên và học sinh cũng như giữa học sinh với nhau về một hay nhiều chủ đề do giáo viên đặt ra liên quan đến nội dung các Unit trong chương trình Tiếng Anh 8. Kênh tương tác này không yêu cầu phải thực hiện đồng thời, khi giáo viên đăng chủ đề thảo luận, tất cả học sinh được yêu cầu gửi ý kiến cá nhân (dạng văn bản hoặc tập tin) trong một thời hạn nhất định. Chỉ sau khi hoàn thành việc gửi ý kiến cá nhân, học sinh mới có thể xem bài hoặc ý kiến của bạn khác và tiếp tục phúc đáp nếu muốn.

Qua thực tế triển khai, tác giả nhận thấy diễn đàn này tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả học sinh khi tham gia chia sẻ ý kiến, tránh được tình trạng né tránh thể hiện quan điểm — vốn thường gặp ở những học sinh thụ động, ít nói hoặc ngại giao tiếp trước đám đông. Điều này đồng nghĩa với việc giáo viên có thể huy động tối đa ý kiến từ học sinh, đồng thời giúp các em:

- Rèn tính trách nhiệm cá nhân trong học tập.
- Phát triển tư duy độc lập thông qua việc chia sẻ và bảo vệ quan điểm.
- Phát triển tư duy phản biện thông qua việc nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn bè.

Tác giả thường triển khai hoạt động Q&A Forum theo hình thức cá nhân hoặc theo nhóm, đồng thời thiết lập các tính năng hỗ trợ quản lý như hạn gửi ý kiến, khả năng đính kèm file minh chứng. Để khuyến khích học sinh tích cực tham gia, tác giả áp dụng chính sách thưởng điểm tốt cho những chia sẻ có đầu tư, có chiều sâu cũng như những ý kiến phản biện hay, sáng tạo. Căn cứ vào kết quả thảo luận trên diễn

đàn, giáo viên sẽ tổng hợp, nhận xét và kết luận vấn đề ngay tại buổi học kế tiếp trên lớp (Flipped Classroom).

Các chủ đề thường được tác giả gợi mở để học sinh thảo luận và chia sẻ bao gồm:

- Chia sẻ kinh nghiệm học từ vựng theo chủ đề của từng Unit (*How do you learn new vocabulary effectively?*)
- Thảo luận về nội dung văn hóa, phong tục trong bài đọc (*What did you find interesting about the culture in this Unit?*)
- Chia sẻ cách luyện kỹ năng nghe, đọc hiểu ở nhà (*How do you practice listening/reading outside class?*)
- Đề xuất các ứng dụng, trang web hữu ích để học Tiếng Anh lớp 8 (*What apps or websites help you learn English best?*)
- Nhận xét, góp ý về nội dung bài học trước khi lên lớp theo chủ đề từng Unit (*What did you learn from the new lesson? What do you find difficult?*)

1.1.3. Xây dựng công cụ kiểm tra - đánh giá

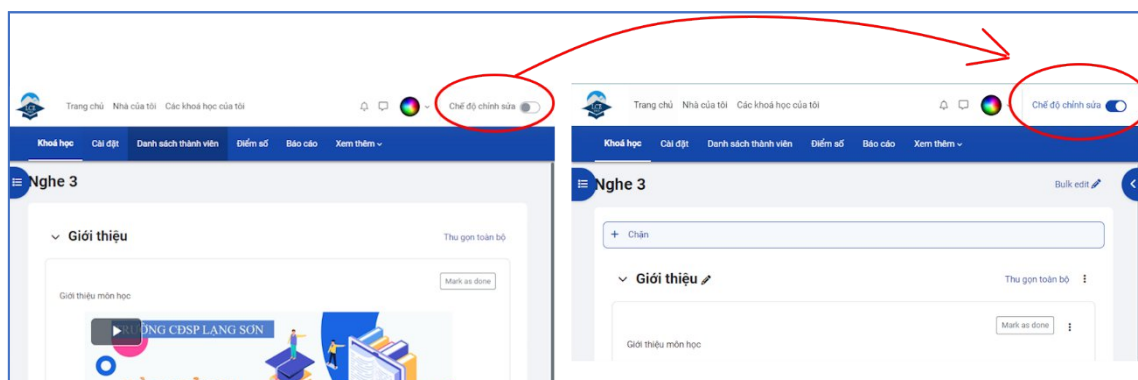
Questions Bank (Ngân hàng câu hỏi) là một tính năng quan trọng giúp quản trị viên, GV quản lý và sử dụng các câu hỏi trong quá trình tạo bài kiểm tra, bài thi, v.v. Questions Bank cho phép tổ chức và lưu trữ các câu hỏi theo danh mục tương tự cấu trúc thư mục/tập tin trong máy tính. Khi cần sử dụng một tập hợp câu hỏi để tạo bài kiểm tra, quản trị viên/GV có thể nhanh chóng lựa chọn từ ngân hàng câu hỏi.

Question name / ID number	Actions	Status	Version	Created by First name / Last name / Date	Comments	Needs checking?	Facility index	Discriminative efficiency	Usage	Last used	Modified by First name / Last name / Date
Q1Q1	Edit	Ready	v1	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:38 AM	0	Very likely	55.25%	36.63%	1	Monday, 6 November 2023, 12:00 AM	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:38 AM
Choose the best answer to fill in the gap: "Do you enjoy _____ with your friends online?"											
Q1Q10	Edit	Ready	v1	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:54 AM	0	Likely	31.77%	42.37%	1	Monday, 6 November 2023, 12:00 AM	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:54 AM
The 5 criteria of the title "Students with 5 good merits" include good ethics, good learning, good physical strength, good volunteer and good _____.											
Q1Q11	Edit	Ready	v2	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:55 AM	0	Likely	71.55%	54.69%	1	Monday, 6 November 2023, 12:00 AM	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:55 AM
_____ are the second largest ethnic group in Vietnam according to the statistic in 2022											
Q1Q12	Edit	Ready	v1	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:55 AM	0	Likely	64.09%	62.90%	1	Monday, 6 November 2023, 12:00 AM	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:55 AM
In _____, a young man named Nguyễn Tất Thành, who later became President Hồ Chí Minh, left Vietnam from Nhà Rồng harbor on a French ship, beginning a 30-year journey to find a path to national salvation for ...											
Q1Q13	Edit	Ready	v1	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:56 AM	0	Likely	53.87%	60.11%	1	Monday, 6 November 2023, 12:00 AM	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:56 AM
Who is the First General Secretary of the Communist Party of Vietnam?											
Q1Q14	Edit	Ready	v1	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:57 AM	0	Unlikely	55.25%	73.04%	1	Monday, 6 November 2023, 12:00 AM	Lan Anh Tô 31 October 2023, 7:57 AM
_____ is the scientific study of the life and structure of plants and animals.											

Hình 10: Ngân hàng câu hỏi đã được tạo

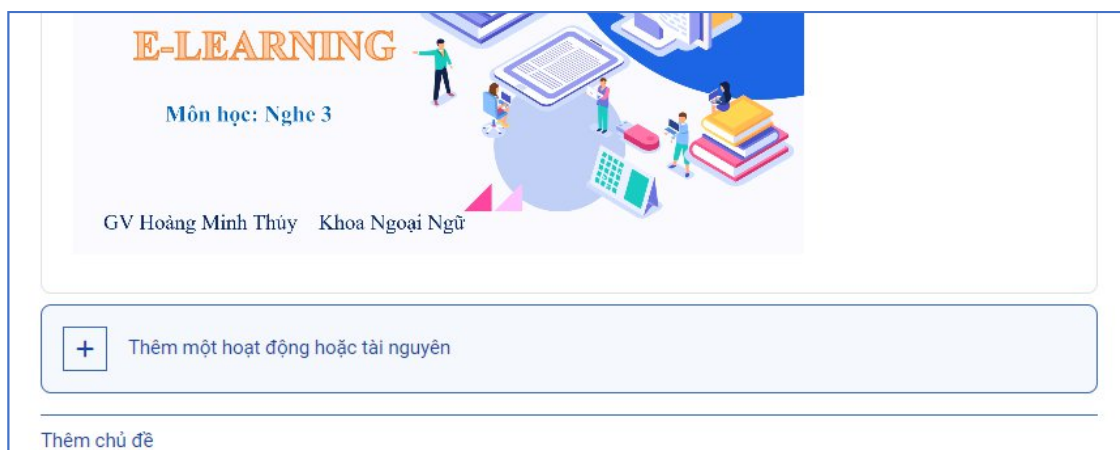
Tạo bài thi cho khóa học từ ngân hàng câu hỏi (Quiz)

Từ trang chủ của khóa học, GV/quản trị viên bật Chế độ chỉnh sửa ở góc trên bên phải:



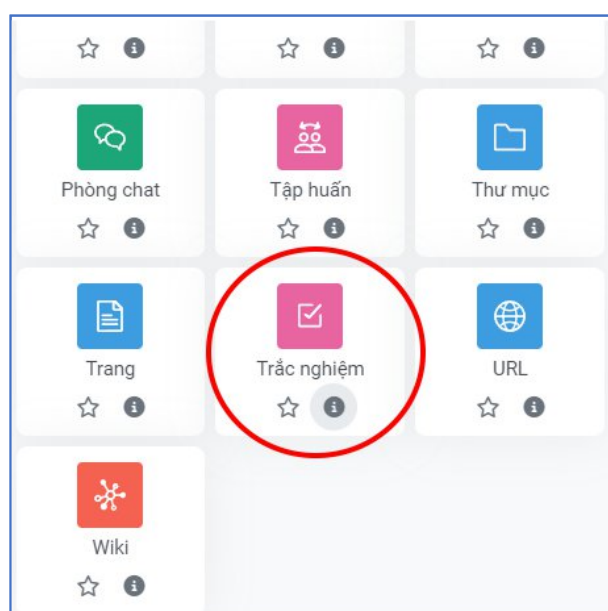
Hình 11: Bật chế độ chỉnh sửa

Trong tiến trình của một khóa học có nhiều phân đoạn, GV/quản trị viên di chuyển đến vị trí cần tạo bài thi/kiểm tra và chọn **Thêm hoạt động hoặc tài nguyên** (*Add activity or resource*) (hình 10)



Hình 12: Mục thêm hoạt động hoặc tài nguyên

MOODLE sẽ hiển thị các nội dung có thể thêm vào khóa học. Lựa chọn mục **Trắc nghiệm (Quiz)**



Hình 13: Chọn mục Trắc nghiệm để tạo bài thi với câu hỏi trắc nghiệm

Thiết lập các thông tin cần thiết cho bài kiểm tra:

Tên: Tên bài thi/kiểm tra

Tính giờ: Thời gian bắt được phép truy cập và thời gian đóng bài trắc nghiệm. Ngoài khoảng thời gian này, các học viên không được phép truy cập vào bài kiểm tra nữa.

Giới hạn thời gian: Tích chọn Mở và đặt thời gian làm bài.

Điểm để qua: đặt giới hạn học viên phải đạt ít nhất bao nhiêu điểm để qua bài kiểm tra.

Số lần làm bài: Số lần được phép làm lại bài.

Thay đổi vị trí đáp án trong các câu hỏi: Đặt Có

Sau khi hoàn thành các thiết lập, ấn “**Lưu và trở về khóa học**” để lưu kỳ thi/kiểm tra. Bài thi sẽ được mở tự động theo thời gian biểu đã đặt, trong khoảng thời

gian này, học viên sẽ được phép truy cập và làm bài, thời gian làm bài được giới hạn theo thiết lập đã xác định.

Sau khi HS truy cập và làm bài thi, hệ thống sẽ tự động chấm điểm và lên bảng thống kê chi tiết kết quả bài làm của từng HS, kết quả trả lời từng câu hỏi, thời điểm hoàn thành trong bài kiểm tra cho GV:

Tải dữ liệu bảng dưới dạng

Microsoft Excel (.xlsx)

Tải xuống

Tên đệm và tên / Họ	Địa chỉ thư điện tử	Trạng thái	Bắt đầu vào lúc	Thời gian hoàn thành	Điểm/20,00	Q. 1 /1,00	Q. 2 /1,00	Q. 3 /1,00	Q. 4 /1,00	Q. 5 /1,00	Q. 6 /1,00	Q. 7 /1,00	Q. 8 /1,00
☐ Lâm Hoàng	lamhoang0811@gmail.com	Đã xong	24 tháng 11 2023 12:08 AM	24 tháng 11 2023 12:21 AM 13 phút 5 giây	12,00	✓ 1,00	✗ 0,00	✓ 1,00	✗ 0,00	✓ 1,00	✗ 0,00	✓ 1,00	✓ 1,00
☐ Tường Lương	tuongphotos@gmail.com	Đã xong	24 tháng 11 2023 12:10 AM	24 tháng 11 2023 12:40 AM 30 phút 17 giây	17,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✗ 0,00	✓ 1,00
☐ Trần Thu Hà	tthuha350@gmail.com	Đã xong	24 tháng 11 2023 12:22 AM	24 tháng 11 2023 12:31 AM 9 phút	16,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00
☐ Thầy giáo LIÊN QUÂN	thaygiaolienquan@gmail.com	Đã xong	24 tháng 11 2023	24 tháng 11 2023 6 phút 20	18,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00	✓ 1,00

Từ dữ liệu thống kê của hệ thống, GV có thể xuất dữ liệu sang định dạng excel, cHS để tạo các báo cáo cá nhân:

	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q
1	Họ tên	Email address	State	Started on	Completed	Time taken	Grade/10,00	Q. 1 /0,50	Q. 2 /0,50	Q. 3 /0,50	Q. 4 /0,50	Q. 5 /0,50	Q. 6 /0,50	Q. 7 /0,50	Q. 8 /0,50
2	Nguyễn Cẩm	nguyenthuycam1806@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:9 mins 26 secs	3,5	0	0	0	0	0	0,5	0,5	0
3	Lăng Mẫn Mẫn	langmanmandtmd@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:5 mins 52 secs	4	0,5	0	0,5	0,5	0	0	0	0
4	Trịnh niên	nient0802@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:18 mins 26 secs	4	0	0	0,5	0	0,5	0	0	0,5
5	Triệu Linh	trieulinh06112004@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:1 min 56 secs	3,5	0,5	0	0,5	0,5	0,5	0	0	0,5
6	Hoàng Mai	hoangmai19042005@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:19 mins 32 secs	7,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5	0,5
7	Bế Hồng Liên	bethihonglien05@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:18 mins 12 secs	7	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0
8	Thu Hà Trần	tthuha350@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:12 mins 47 secs	9,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5
9	Nguyễn Thao	nguyenthithaotd505@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:13 mins 21 secs	7	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0
10	Hoàng Bình	hoangthibinh11a9@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:29 mins 10 secs	7	0	0	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5
11	Nguyễn Phương	nguyenhongphuong.13@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:15 mins	6,5	0,5	0	0,5	0	0,5	0,5	0	0
12	Thủy Hồng	ngonthuyhong2004@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:25 mins 56 secs	4	0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0
13	Hoàng Ngọc	h17082005@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:27 mins 31 secs	7,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0
14	Nguyễn Hào	ngkimhao02@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	1:12 mins 51 secs	5,5	0,5	0	0,5	0,5	0	0,5	0,5	-
15	Lý Lâm	lylam062001@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:3 mins 5 secs	9,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
16	Lộc Đạt	datbc234@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:54 secs	2	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Huệ Minh	ngonhueninh920@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:1 min 45 secs	9,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
18	Mã Lệ Nhất	nhatma882@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:5 mins 1 sec	4	0,5	0	0,5	0	0,5	0	0	0
19	Thủy Tiên	leethuytien@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:4 mins 51 secs	1,5	0	0	0	0,5	0	0	0	0
20	son vy	vyson020@gmail.com	Finished	1 November 2023	2:5 November 2023	114 days 9 hours	2,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0	0	0,5
21	Phương Lý Thị	lyphuongly04@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:5 mins 3 secs	1,5	0	0	0,5	0	0	0	0	0
22	Nông Tú	ngongquangtu.05082003@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:55 secs	4	0	0,5	0	0	0	0,5	0,5	0,5
23	Thu Thuong	thuthuong921@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:8 mins 7 secs	3,5	0	0	0	0	0	0,5	0,5	0
24	Chu Le	chul26471@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:3 mins 31 secs	5,5	0	0	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5
25	Nông Văn Quốc	knong1847@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:1 min 27 secs	1	0	0	0,5	0	0	0	0	0
26	Lục Văn Thảo	lucvanthaotuby@gmail.com	Finished	1 November 2023	1 November 2023	2:1 min 5 secs	2,5	0	0,5	0	0,5	0	0,5	0,5	0

1.1.4. Quản lý hồ sơ học tập

Trong bối cảnh môi trường học tập trực tuyến ngày càng phát triển, tính năng quản lý hồ sơ học tập trên MOODLE trở thành một phần quan trọng giúp GV và học viên tương tác, theo dõi tiến độ học tập và phản hồi một cách hiệu quả. Một trong những tính năng chính của quản lý hồ sơ học tập trên MOODLE là khả năng theo dõi tiến trình học tập của học viên.

Thông qua việc đánh giá, bài kiểm tra và hoạt động khác, MOODLE tự động cập nhật và hiển thị tiến trình học tập của từng học viên. Điều này giúp GV và học viên có cái nhìn tổng quan về những gì đã hoàn thành và những gì còn phải làm, từ đó tạo điều kiện cho việc điều chỉnh và cải thiện quá trình học tập. Ngoài ra, tính năng này còn cung cấp khả năng tùy chỉnh hồ sơ học tập theo nhu cầu cụ thể của từng người dùng. Học viên có thể thêm thông tin cá nhân, hình ảnh, sở thích và mục tiêu học tập vào hồ sơ của mình, giúp tạo ra một không gian học tập cá nhân hóa và thân thiện.

MOODLE cũng cung cấp công cụ để tạo và quản lý danh sách công việc và nhiệm vụ. GV có thể thiết lập các bài tập, bài kiểm tra và hoạt động khác trong hồ sơ học tập của học viên, cung cấp hướng dẫn chi tiết và thời hạn nộp bài. Học viên có thể dễ dàng truy cập và hoàn thành các nhiệm vụ này, đồng thời nhận được phản hồi và điểm số từ GV.

Đối với HS, có thể truy cập hồ sơ học tập của cá nhân từ trang chủ để xem quá trình học tập của bản thân theo các học phần.

Bạn đang đăng nhập với tên Quốc Khánh Nguyễn

BL

Accessibility

Hồ sơ

Điểm

Lịch

Tập tin riêng tư

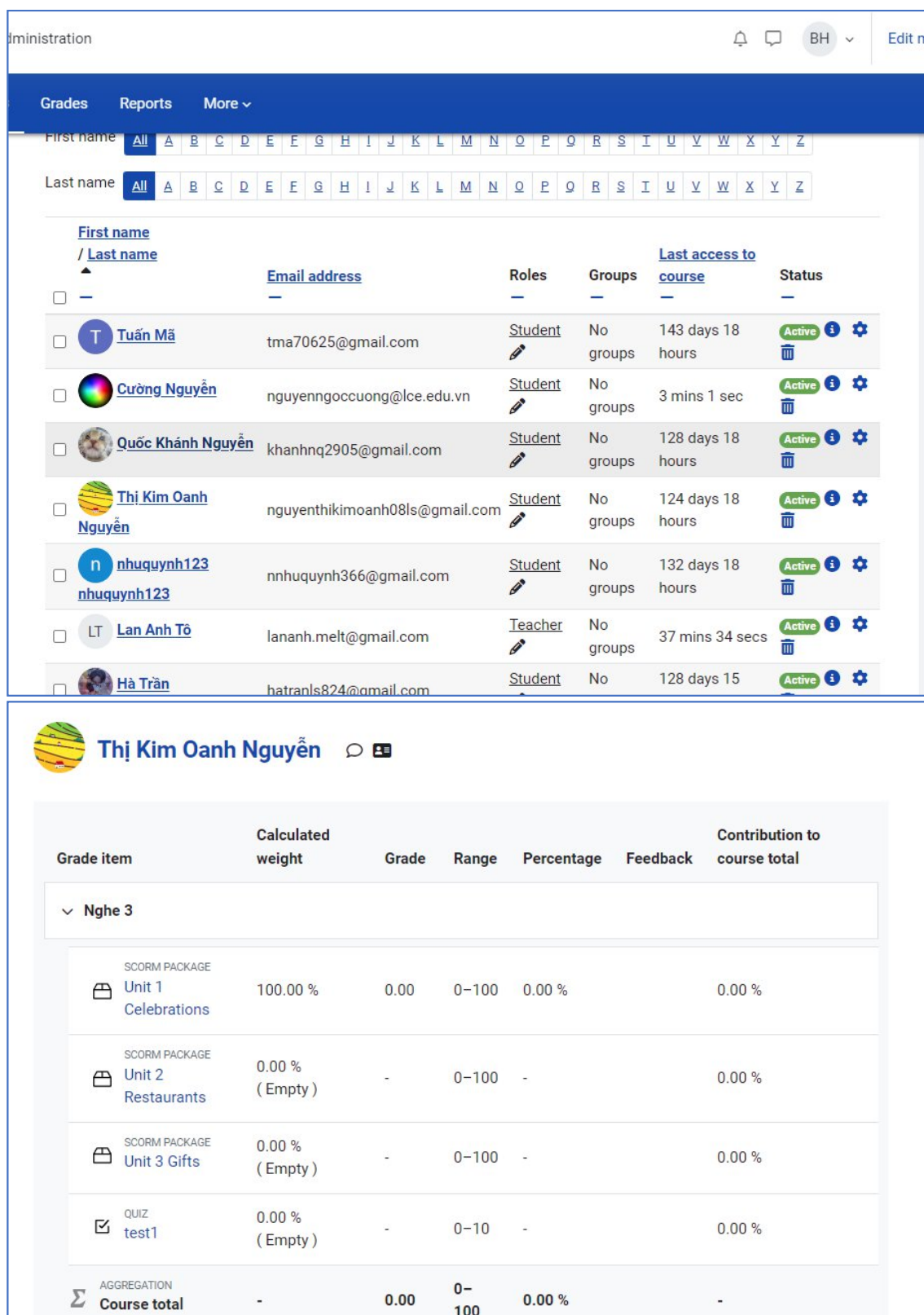
Thu Báo cáo

Quốc Khánh Nguyễn

Điểm số

Mục điểm	Khối	Điểm	Khoảng	Phần trăm	Phản hồi	Contribution to course total
Nghe 3						
GỒI SCORM Unit 1 Celebrations	100,00 %	0,00	0-100	0,00 %		0,00 %
GỒI SCORM Unit 2 Restaurants	0,00 % (Empty)	-	0-100	-		0,00 %
GỒI SCORM Unit 3 Gifts	0,00 % (Empty)	-	0-100	-		0,00 %
TRẮC NGHIỆM test1	0,00 % (Empty)	-	0-10	-		0,00 %

Đối với quản trị viên hoặc GV, từ trang chủ, truy cập vào khu vực quản trị tài khoản hoặc quản trị khóa học và chọn một tài khoản HS cần quản lý hồ sơ học tập:



The screenshot shows the Moodle Administration interface. The top navigation bar includes 'Grades', 'Reports', and 'More'. Below this, there are filters for 'First name' and 'Last name'. The main table lists users with columns for 'First name / Last name', 'Email address', 'Roles', 'Groups', 'Last access to course', and 'Status'. The user 'Thị Kim Oanh Nguyễn' is selected, and a detailed view of her grade item is shown below.

First name / Last name	Email address	Roles	Groups	Last access to course	Status
Tuấn Mã	tma70625@gmail.com	Student	No groups	143 days 18 hours	Active
Cường Nguyễn	nguyenngoccuong@lce.edu.vn	Student	No groups	3 mins 1 sec	Active
Quốc Khánh Nguyễn	khanhnq2905@gmail.com	Student	No groups	128 days 18 hours	Active
Thị Kim Oanh Nguyễn	nguyenthikimoanh08ls@gmail.com	Student	No groups	124 days 18 hours	Active
nhuquynh123	nnhuquynh366@gmail.com	Student	No groups	132 days 18 hours	Active
Lan Anh Tô	lananh.melt@gmail.com	Teacher	No groups	37 mins 34 secs	Active
Hà Trần	hatranls824@gmail.com	Student	No groups	128 days 15	Active

Grade item	Calculated weight	Grade	Range	Percentage	Feedback	Contribution to course total
Nghe 3						
SCORM PACKAGE Unit 1 Celebrations	100.00 %	0.00	0-100	0.00 %		0.00 %
SCORM PACKAGE Unit 2 Restaurants	0.00 % (Empty)	-	0-100	-		0.00 %
SCORM PACKAGE Unit 3 Gifts	0.00 % (Empty)	-	0-100	-		0.00 %
QUIZ test1	0.00 % (Empty)	-	0-10	-		0.00 %
AGGREGATION Course total	-	0.00	0-100	0.00 %		-

Hình 14: Quản lý hồ sơ học tập, điểm số của học sinh

Tính năng quản lý hồ sơ học tập trên MOODLE không chỉ là một phần quan trọng của nền tảng học tập trực tuyến này mà còn là một công cụ quan trọng giúp tối

ưu hóa quá trình quản lý thông tin học tập và tiến trình học tập. Bằng cách cung cấp các công cụ linh hoạt và tiện lợi, MOODLE hỗ trợ cả GV và HS trong việc tạo ra một môi trường học tập hiệu quả và tích cực.

1.2. Thực nghiệm sư phạm

1.2.1. Mục đích thực nghiệm

Đánh giá hiệu quả của việc khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy và học môn Tiếng Anh lớp 8 tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, từ đó khẳng định tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp mà sáng kiến đề xuất.

1.2.2. Đối tượng, thời gian và địa bàn thực nghiệm

a) Đối tượng thực nghiệm: Thực nghiệm được triển khai với sự tham gia của:

- 08 giáo viên Tiếng Anh tại 03 trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: trường TH&THCS Lê Quý Đôn – phường Lương Văn Tri, trường THCS Na Dương – xã Na Dương, trường TH&THCS Lâm Sơn – xã Nhân Lý, đây là các trường đại diện cho khu vực thành phố, huyện lỵ và vùng khó khăn (theo trước khi sáp nhập), đảm bảo tính đại diện về điều kiện cơ sở vật chất và trình độ ứng dụng công nghệ của giáo viên.

- 147 học sinh lớp 8 được chia thành 02 nhóm đảm bảo tương đương về trình độ đầu vào thông qua kết quả kiểm tra tiền thực nghiệm:

Nhóm đối chứng: 39 học sinh lớp 8A1 trường TH&THCS Lê Quý Đôn.

Nhóm thực nghiệm: 108 học sinh lớp 8A2 trường TH&THCS Lê Quý Đôn, lớp 8 trường THCS Na Dương và lớp 8 trường TH&THCS Lâm Sơn.

Việc đối chiếu, so sánh trực tiếp giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng được thực hiện chủ yếu dựa trên cặp lớp 8A1 và 8A2 của trường TH&THCS Lê Quý Đôn vì hai lớp cùng trường, cùng giáo viên, cùng điều kiện dạy học, đảm bảo độ tin cậy cao trong so sánh. Đối với lớp 8 trường THCS Na Dương và lớp 8 trường TH&THCS Lâm Sơn, do không có lớp đối chứng tương ứng, việc đánh giá chỉ dừng lại ở so sánh kết quả trước và sau thực nghiệm (tiền thực nghiệm và hậu thực nghiệm) trong nội bộ từng lớp, nhằm bổ sung minh chứng về tính khả thi của giải pháp trong các điều kiện địa bàn khác nhau.

b) Thời gian thực nghiệm: Thực nghiệm được tiến hành trong

- Giai đoạn chuẩn bị (02 tuần): Tập huấn giáo viên, xây dựng ngân hàng câu hỏi, thiết kế khóa học trên MOODLE và kiểm tra tiền thực nghiệm.
- Giai đoạn triển khai chính thức (08 tuần, tương đương 02 tháng): Áp dụng MOODLE vào dạy học các Unit thuộc học kỳ I, môn Tiếng Anh lớp 8.
- Giai đoạn đánh giá và tổng kết (01 tuần): Kiểm tra hậu thực nghiệm, thu thập phản hồi, phân tích và đánh giá kết quả.

1.2.3. Nội dung thực nghiệm

Do thời gian và điều kiện có hạn, sáng kiến bước đầu triển khai thực nghiệm các nội dung sau:

- Tập huấn, hỗ trợ 08 giáo viên làm quen và sử dụng thành thạo các công cụ trên MOODLE như Quiz, Assignment, Forum và tài nguyên E-learning phục vụ dạy học Tiếng Anh 8.
- Triển khai khóa học MOODLE với 147 học sinh lớp 8, theo dõi mức độ tham gia, hứng thú và kết quả học tập trong quá trình thực nghiệm.
- Đánh giá tính khả thi của việc triển khai MOODLE trong điều kiện thực tế tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thông qua phản hồi của cả giáo viên và học sinh, kết quả học tập của học sinh.

1.2.4. Quá trình thực nghiệm

a) Giai đoạn 1: Chuẩn bị (Tuần 1-2)

* Mục đích: Đảm bảo giáo viên có đủ khả năng tự vận hành MOODLE trước khi đứng lớp; xây dựng nguồn tài nguyên và ngân hàng câu hỏi đầy đủ để hệ thống vận hành ổn định trong suốt 08 tuần triển khai.

* Cách tiến hành: Trước khi triển khai chính thức, tác giả tiến hành các bước chuẩn bị như sau:

- Tập huấn giáo viên: Tổ chức 02 buổi sinh hoạt chuyên môn cho 08 giáo viên tham gia thực nghiệm. Nội dung tập huấn bao gồm: giới thiệu tổng quan về LMS MOODLE và vai trò trong đổi mới dạy học Tiếng Anh; hướng dẫn thực hành đăng nhập, quản lý khóa học, tải tài liệu và thiết lập hoạt động; hướng dẫn xây dựng các loại câu hỏi (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, điền vào chỗ trống, kéo thả đáp án, sắp xếp

thứ tự, viết đoạn văn ngắn); hướng dẫn theo dõi hoạt động và đọc báo cáo tiến độ học tập của học sinh. Mỗi giáo viên được yêu cầu tự thiết kế ít nhất 01 hoạt động dạy học trên MOODLE trước khi bước vào giai đoạn triển khai.

Giáo viên: Đăng nhập hệ thống, tự tạo tài liệu, tự thiết lập một bài kiểm tra Quiz hoàn chỉnh (thiết kế câu hỏi, cài đặt thời gian làm bài, chốt đáp án) và theo dõi kết quả ngay trong buổi tập huấn. Sau khi tập huấn, mỗi giáo viên phải tự thiết kế được ít nhất 01 hoạt động dạy học hoàn chỉnh trên MOODLE — đây là ngưỡng tối thiểu để đảm bảo giáo viên có thể vận hành độc lập khi bắt đầu triển khai với học sinh.

- Xây dựng khóa học và ngân hàng câu hỏi: Tác giả xây dựng ngân hàng câu hỏi bám sát chương trình SGK Tiếng Anh 8, gồm tổng cộng 350 câu hỏi được phân loại theo từng Unit, từng kỹ năng (Từ vựng, Ngữ pháp, Phát âm, Đọc hiểu, Nghe hiểu) và theo mức độ từ nhận biết đến vận dụng. Toàn bộ câu hỏi được rà soát kỹ lưỡng trước khi đưa vào sử dụng. Trên cơ sở đó, các đề kiểm tra trực tuyến được thiết lập với 35 câu hỏi ngẫu nhiên mỗi bài, đảm bảo tính công bằng và hạn chế trùng lặp giữa các học sinh.

- Kiểm tra tiền thực nghiệm: Tác giả phối hợp với giáo viên tại các trường tổ chức kiểm tra đầu vào chuẩn hóa cho 147 học sinh lớp 8.

Giáo viên: Phát đề kiểm tra và chấm bài theo biểu điểm thống nhất; bàn giao kết quả cho tác giả để phân tích và phân nhóm học sinh.

Học sinh: 147 học sinh lớp 8 được kiểm tra đầu vào bằng đề kiểm tra trên giấy gồm bốn kỹ năng (Từ vựng, Ngữ pháp, Đọc hiểu, Nghe hiểu), chuẩn hóa nhằm xác định trình độ ban đầu và đảm bảo tương đương giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, đảm bảo tính khách quan khi so sánh kết quả sau thực nghiệm.

b) Giai đoạn 2: Triển khai chính thức (Tuần 3-10)

* Mục đích: Thiết thực hóa mô hình Blended Learning tại lớp học thực tế: MOODLE đóng vai trò hỗ trợ và giải phóng thời gian trên lớp cho các hoạt động thực hành giao tiếp mà công nghệ không thể thay thế, đồng thời theo dõi độ tiến bộ của từng học sinh trong suốt quá trình.

* Cách tiến hành:

Trong 08 tuần triển khai, MOODLE được tích hợp vào dạy học theo mô hình luân phiên cho nhóm thực nghiệm, được tích hợp vào dạy học theo nhịp 3 bước lặp lại mỗi tuần, đảm bảo sự nhất quán giữa ba trường dù điều kiện địa bàn khác nhau, cụ thể:

Bước 1. Trước giờ lên lớp (học ở nhà): Giáo viên đăng tải tài liệu, video bài học và bài tập chuẩn bị lên MOODLE trước mỗi tuần học (thường vào tối Chủ nhật); cài đặt thời hạn nộp bài và điểm tối thiểu cần đạt trước khi lên lớp. Học sinh đăng nhập MOODLE qua điện thoại hoặc máy tính bảng tại nhà, đọc tài liệu, xem video hướng dẫn và hoàn thành bài tập chuẩn bị được giao; nếu gặp vấn đề khó hiểu, học sinh đặt câu hỏi trên Forum hoặc ghi chú lại để hỏi giáo viên đầu giờ hôm sau.

Bước 2. Trong giờ lên lớp (thực hành trực tiếp): Giáo viên kiểm tra nhanh mức độ chuẩn bị qua báo cáo MOODLE (xem ai chưa hoàn thành bài đầu vào), giải đáp nhanh vắn tắt có nhiều học sinh gặp nhất, sau đó dành toàn bộ thời gian còn lại cho hoạt động thực hành giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết tình huống ngôn ngữ thực tế. Học sinh thực hành nói, viết và tương tác theo cặp và theo nhóm; không dành thời gian trên lớp để chép lý thuyết vì đã tự học trước ở nhà qua MOODLE.

Bước 3. Sau giờ lên lớp (củng cố và theo dõi): Học sinh làm bài kiểm tra nhanh (Quiz) trên MOODLE để củng cố kiến thức, nhận phản hồi tức thì về điểm số và lỗi sai cụ thể sau khi nộp bài; nếu cần xem lại, học sinh có thể làm lại bài tập nhiều lần để nắm chắc kiến thức. Giáo viên theo dõi báo cáo hoạt động trên hệ thống mỗi tuần, nắm bắt tiến độ của từng học sinh, phát hiện sớm các em chưa hoàn thành hoặc có kết quả thấp để nhắn tin nhắc nhở hoặc hỗ trợ thêm.

Lưu ý 1: Điều chỉnh linh hoạt theo địa bàn: Tại TH&THCS Lâm Sơn (vùng khó khăn, nhiều học sinh thiếu thiết bị cá nhân), giáo viên giảm tỷ trọng tự học trực tuyến ở nhà, tăng thời gian hướng dẫn sử dụng nền tảng ngay tại lớp để học sinh không bị bỏ lại. Học sinh vùng khó khăn được ưu tiên cho phép sử dụng thiết bị của nhà trường trong giờ thực hành, đảm bảo mọi học sinh đều được tiếp cận hệ thống ít nhất một lần mỗi tuần dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên.

Lưu ý 2: Nhóm đối chứng là lớp 8A1 trường TH&THCS Lê Quý Đôn, học theo phương pháp truyền thống với cùng nội dung chương trình và cùng giáo viên giảng dạy với lớp 8A2 nhưng không sử dụng MOODLE.

c) Giai đoạn 3: Đánh giá và tổng kết (Tuần 11)

* Mục đích: Đo lường hiệu quả thực sự của sáng kiến; tổng hợp bằng chứng đủ để khẳng định tính khả thi, tính hiệu quả và tạo cơ sở cho việc nhân rộng mô hình.

* Cách tiến hành:

- Giáo viên: Tổ chức kiểm tra hậu thực nghiệm cho cả hai nhóm bằng cùng định dạng đề như kiểm tra tiền thực nghiệm; chấm bài, ghi điểm và bàn giao kết quả cho tác giả để so sánh. Hoàn thành nhật ký dạy học (ghi chép suốt 08 tuần) và phiếu khảo sát về trải nghiệm sử dụng MOODLE.

- Học sinh: Làm bài kiểm tra hậu thực nghiệm; hoàn thành phiếu khảo sát trực tuyến về trải nghiệm học tập với MOODLE (mức độ hữu ích của tính năng, cảm nhận cá nhân, các ý kiến đề xuất).

- Tác giả tổng hợp và phân tích dữ liệu từ ba nguồn song song: kết quả bài kiểm tra (so sánh tiền - hậu thực nghiệm và so sánh giữa nhóm thực nghiệm - đối chứng), dữ liệu hệ thống MOODLE (tỷ lệ hoàn thành bài tập, điểm trung bình Quiz, mức độ tham gia Forum) và phản hồi định tính từ phiếu khảo sát. Dữ liệu của từng trường được giữ nguyên riêng trước khi tổng hợp, đảm bảo không làm mờ sự khác biệt có ý nghĩa giữa các địa bàn, giúp rút ra bài học cụ thể cho việc nhân rộng mô hình trong tương lai.

1.2.5. Cách thức thu thập phản hồi

Để đảm bảo tính toàn diện và khách quan trong đánh giá, tác giả sử dụng kết hợp nhiều công cụ thu thập phản hồi từ cả giáo viên và học sinh:

a) Phản hồi từ 08 giáo viên

Phiếu khảo sát: Sau giai đoạn triển khai, 08 giáo viên hoàn thành phiếu khảo sát gồm 20 câu hỏi đánh giá theo thang Likert 5 mức độ, tập trung vào các khía cạnh: mức độ dễ sử dụng của MOODLE, hiệu quả trong quản lý lớp học và theo dõi học sinh, tính phù hợp với chương trình Tiếng Anh 8, ý kiến về những khó khăn gặp phải và đề xuất cải thiện.

- Nhật ký dạy học: Giáo viên ghi chép ngắn gọn sau mỗi tuần về những quan sát liên quan đến sự tham gia của học sinh, những thuận lợi và khó khăn trong việc sử dụng MOODLE, cũng như những so sánh giữa ứng dụng này và các ứng dụng khác.

b) Phản hồi từ 108 học sinh

- Phiếu khảo sát trực tuyến: Cuối giai đoạn thực nghiệm, 108 học sinh hoàn thành phiếu khảo sát trực tuyến gồm 15 câu hỏi đánh giá theo thang Likert và 03 câu hỏi mở, tập trung vào: mức độ hứng thú và động lực học Tiếng Anh khi sử dụng MOODLE, tính dễ sử dụng của hệ thống, mức độ hữu ích của phản hồi tức thì và tài liệu trực tuyến, so sánh trải nghiệm học với MOODLE và học theo phương pháp truyền thống.

1.2.6. Đánh giá kết quả thực nghiệm

a) Kết quả tập huấn giáo viên

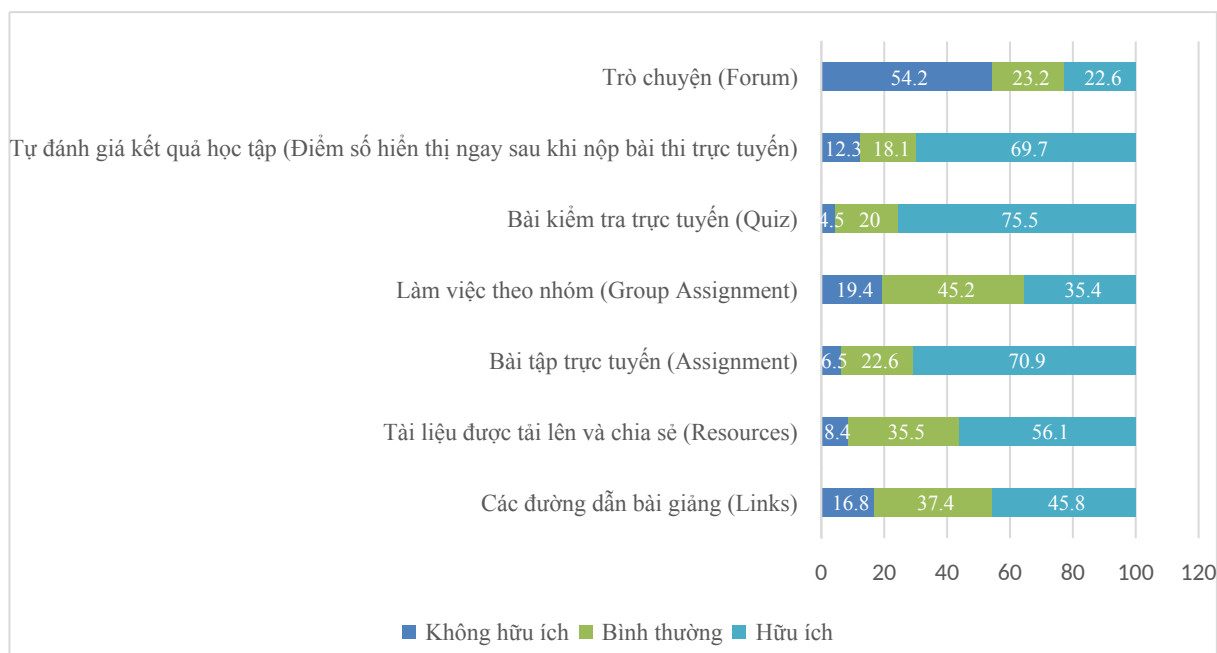
Sau 02 buổi tập huấn, toàn bộ 08 giáo viên tham gia đều có khả năng đăng nhập, quản lý khóa học và thiết lập các hoạt động cơ bản trên MOODLE. 06/08 giáo viên (75%) tự thiết kế được ít nhất 01 bài kiểm tra Quiz hoàn chỉnh; 08/08 giáo viên đều đánh giá giao diện MOODLE ở mức dễ sử dụng hoặc tương đối dễ sử dụng sau khi được hướng dẫn. Phần lớn giáo viên bày tỏ mong muốn tiếp tục sử dụng MOODLE trong các năm học tiếp theo và đề xuất được hỗ trợ thêm về kỹ thuật trong quá trình triển khai.

b) Kết quả thiết kế khóa học và xây dựng ngân hàng câu hỏi

Tác giả đã xây dựng thành công 350 câu hỏi đa dạng bám sát chương trình SGK Tiếng Anh 8, bao gồm các loại: trắc nghiệm nhiều lựa chọn, điền vào chỗ trống, câu hỏi đọc hiểu, câu hỏi nghe hiểu có tích hợp âm thanh và hình ảnh. Trên cơ sở đó, các đề kiểm tra trực tuyến gồm 35 câu hỏi ngẫu nhiên được thiết lập, đảm bảo tính công bằng và hạn chế tình trạng trùng lặp giữa các học sinh. Sau khi nộp bài, học sinh nhận được phản hồi ngay lập tức về điểm số và nhận xét chi tiết cho từng câu, giúp các em kịp thời nhận ra lỗi sai và điều chỉnh việc học.

c) Kết quả đánh giá của học sinh về trải nghiệm học tập với LMS MOODLE

*) Đánh giá của học sinh về mức độ hữu ích của các tính năng MOODLE tích hợp trong môn Tiếng Anh 8



Biểu đồ 1: Đánh giá của HS về các tính năng của MOODLE

Kết quả khảo sát cho thấy học sinh đánh giá tích cực về hầu hết các tính năng của MOODLE, đặc biệt ở các tính năng liên quan trực tiếp đến học tập và kiểm tra. Quiz được đánh giá hữu ích nhất nhờ khả năng làm bài, nhận kết quả ngay lập tức và luyện tập nhiều lần, tạo động lực học tập rõ rệt phù hợp với đặc thù môn Tiếng Anh lớp 8. Assignment xếp thứ hai, phản ánh hiệu quả của việc giao bài linh hoạt ngoài giờ lên lớp khi học sinh được tự chủ về thời gian và địa điểm nộp bài. Đây chính là cơ sở để giáo viên tiếp tục ưu tiên khai thác hai công cụ này trong dạy học Tiếng Anh 8.

Tính năng Hiển thị điểm số ngay sau khi nộp bài cũng được ghi nhận tích cực, cho thấy phản hồi tức thì là yếu tố quan trọng giúp học sinh nhận ra lỗi sai và điều chỉnh kịp thời. Trong khi đó, Resources và Links được đánh giá ở mức khá, song tỉ lệ "Bình thường" còn cao cho thấy một bộ phận học sinh chưa hình thành thói quen chủ động khai thác tài liệu và tự học qua liên kết ngoài. Group Assignment nhận được đánh giá thấp hơn, có thể do học sinh lớp 8 chưa quen với hình thức làm việc nhóm trực tuyến, còn thiếu kỹ năng phối hợp và giao tiếp qua môi trường số. Đáng chú ý nhất là Forum, tính năng duy nhất bị đánh giá tiêu cực rõ rệt, phản ánh thực tế rằng học sinh lớp 8 chưa quen với hình thức thảo luận học thuật bằng văn bản; hơn

nữa, với sự phổ biến của các nhóm chat trên Facebook, Zalo, TikTok, ... MOODLE rõ ràng không phải lựa chọn ưu tiên của các em cho mục đích giao tiếp và trao đổi.

****) Đánh giá của học sinh về trải nghiệm học tập với LMS MOODLE***

Bảng 1: Thống kê đánh giá của học sinh về trải nghiệm học tập với LMS MOODLE

STT	Các tiêu chí	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Em trở nên tự tin hơn khi sử dụng MOODLE trong việc học tập trực tuyến	1.9	27.7	36.1	32.3	1.9
2	Em thấy rằng hiệu suất học tập của tôi được nâng cao nhờ sử dụng MOODLE	0.0	20.0	40.0	33.5	6.5
3	Em thấy rằng tôi nâng cao khả năng sắp xếp việc học tập khi sử dụng MOODLE	1.9	21.3	36.1	36.1	4.5
4	Em thấy rằng tôi nâng cao tính tự giác và kỷ luật trong việc tự học khi sử dụng MOODLE	1.9	18.1	15.5	51.0	13.5
5	Em cảm thấy thoải mái với việc sử dụng MOODLE trong việc học tự học	5.8	22.6	36.8	26.5	8.4
6	Em không gặp phải khó khăn gì trong việc hoàn thành các bài tập trên MOODLE	6.5	26.5	40.0	20.0	6.5
7	Em thích phương pháp học tập kết hợp trực tuyến và truyền thống hơn là chỉ sử dụng MOODLE	0.0	20.6	38.7	29.7	11.0
8	Em chỉ sử dụng MOODLE vì đó là yêu cầu của khóa học	0.0	16.8	31.0	45.8	6.5

Kết quả khảo sát về trải nghiệm học tập với MOODLE cho thấy bức tranh khá thực tế và đa chiều. Điểm tích cực nổi bật nhất là MOODLE giúp học sinh nâng cao tính tự giác và kỷ luật trong tự học, đây là tiêu chí được đồng ý cao nhất, phản ánh đúng bản chất của mô hình Blended Learning khi học sinh buộc phải chủ động hơn với việc học ngoài giờ lên lớp. Tiêu chí sử dụng MOODLE vì yêu cầu khóa học cũng nhận được tỉ lệ đồng ý cao, cho thấy động lực sử dụng MOODLE của phần lớn học sinh hiện vẫn đến từ yêu cầu bên ngoài hơn là nhu cầu tự thân, đây là điều hoàn toàn bình thường ở giai đoạn đầu triển khai. Về hiệu suất học tập và khả năng sắp xếp việc học, đa số học sinh đánh giá ở mức trung lập hoặc đồng ý, chưa có sự đột biến rõ rệt, điều này có thể lý giải bởi thời gian thực nghiệm còn ngắn, chưa đủ để tạo ra sự thay đổi thói quen học tập căn bản. Đáng chú ý là tiêu chí tự tin khi sử dụng MOODLE có tỉ lệ không đồng ý khá cao, cho thấy một bộ phận không nhỏ học sinh vẫn còn lúng túng, chưa thành thạo với nền tảng, đây là tín hiệu để giáo viên cần tăng

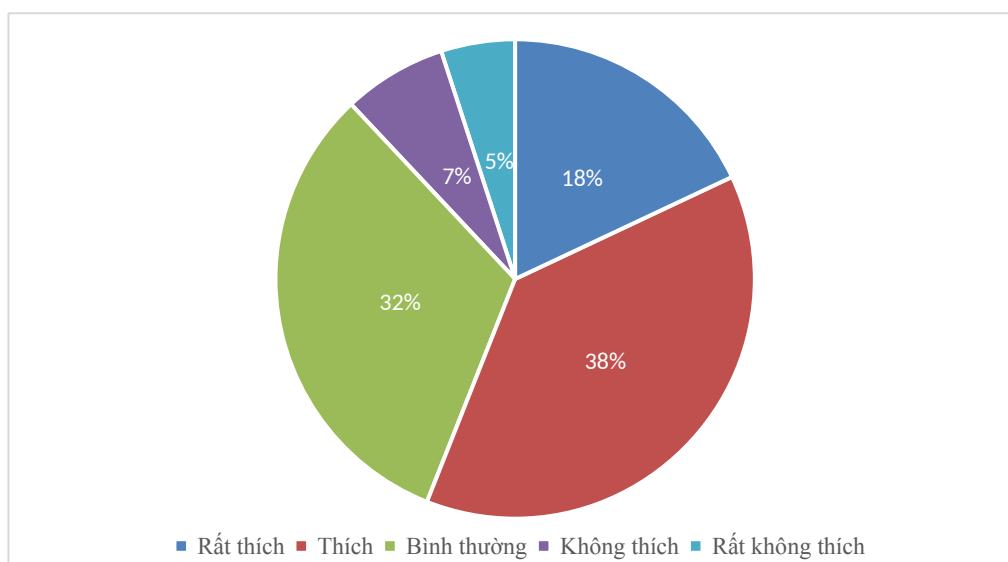
cường hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho học sinh trong giai đoạn đầu. Về khó khăn khi hoàn thành bài tập, tỉ lệ gặp khó khăn còn đáng kể, phản ánh thực tế hạ tầng Internet và thiết bị tại một số địa bàn tỉnh Lạng Sơn còn hạn chế. Cuối cùng, việc học sinh thích phương pháp kết hợp trực tuyến và truyền thống hơn là chỉ dùng MOODLE là tín hiệu tích cực, khẳng định tính đúng đắn của mô hình Blended Learning mà sáng kiến hướng đến, MOODLE không thay thế lớp học truyền thống mà bổ trợ và nâng cao hiệu quả của nó.

Nhận xét chung:

Tổng hợp kết quả từ hai khảo sát cho thấy học sinh có thái độ tích cực có chọn lọc đối với MOODLE, đánh giá cao các tính năng mang tính thực hành và phản hồi tức thì như Quiz, Assignment và hiển thị điểm số ngay sau khi nộp bài, trong khi còn dè dặt với các tính năng đòi hỏi kỹ năng hợp tác và thảo luận trực tuyến như Forum và Group Assignment. Về trải nghiệm tổng thể, MOODLE bước đầu góp phần nâng cao tính tự giác và kỷ luật tự học của học sinh, đây là tác động tích cực quan trọng nhất mà mô hình Blended Learning mang lại. Tuy nhiên, cần thẳng thắn nhận rằng động lực sử dụng MOODLE của phần lớn học sinh hiện vẫn đến từ yêu cầu của khóa học hơn là nhu cầu tự thân; một bộ phận học sinh còn lúng túng với nền tảng và gặp khó khăn về hạ tầng Internet tại địa phương. Đặc biệt, việc học sinh ưa thích mô hình kết hợp trực tuyến và truyền thống hơn là học hoàn toàn qua MOODLE chính là minh chứng thực tế khẳng định tính đúng đắn của sáng kiến, MOODLE không nhằm thay thế lớp học truyền thống mà bổ trợ và nâng cao hiệu quả của nó. Những hạn chế còn tồn tại hoàn toàn có thể khắc phục được thông qua việc tăng cường hướng dẫn kỹ thuật cho học sinh, cải thiện hạ tầng công nghệ thông tin và tiếp tục đổi mới thiết kế các hoạt động học tập trên nền tảng này.

d) Thái độ của học sinh đối với việc sử dụng LMS MOODLE trong học tập

***) Thái độ của học sinh đối với việc học tập trên LMS MOODLE**

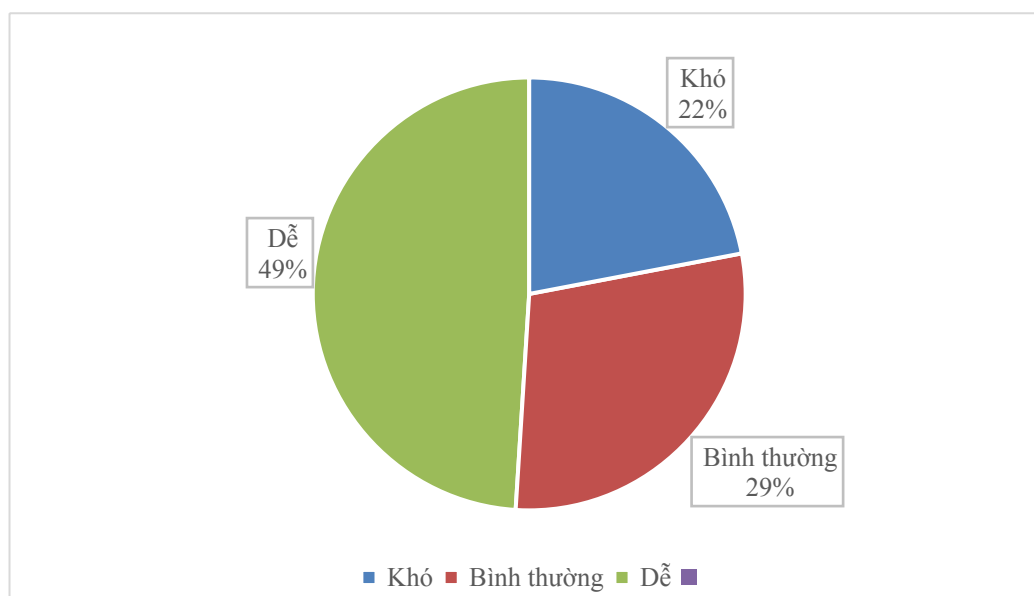


Biểu đồ 2: Thái độ của học sinh đối với việc học tập trên MOODLE

Khi được hỏi về mức độ yêu thích việc học môn Tiếng Anh trên MOODLE, kết quả khảo sát 108 học sinh cho thấy phản hồi tích cực chiếm ưu thế rõ rệt. Cụ thể, 18% học sinh cho biết rất thích và 38% thích — tổng cộng 56% học sinh có thái độ tích cực với hình thức học tập này. Ở chiều ngược lại, chỉ 7% học sinh không thích và 5% rất không thích, tức tổng số học sinh có thái độ tiêu cực chỉ chiếm 12%. Số học sinh chọn mức bình thường chiếm 32%.

Kết quả này cho thấy tỉ lệ học sinh có thái độ tích cực gấp hơn 4.5 lần so với nhóm tiêu cực, phản ánh sự đón nhận khá thuận lợi của học sinh đối với MOODLE. Đáng chú ý, việc tách thành 5 mức độ cho thấy nhóm "bình thường" (32%) có xu hướng nghiêng về phía tích cực hơn là tiêu cực — bởi nếu các em thực sự phản đối, tỉ lệ không thích sẽ cao hơn nhiều. Điều này gợi mở rằng với sự hỗ trợ và làm quen thêm, một phần đáng kể trong nhóm này có thể chuyển dịch sang thái độ tích cực trong các giai đoạn triển khai tiếp theo.

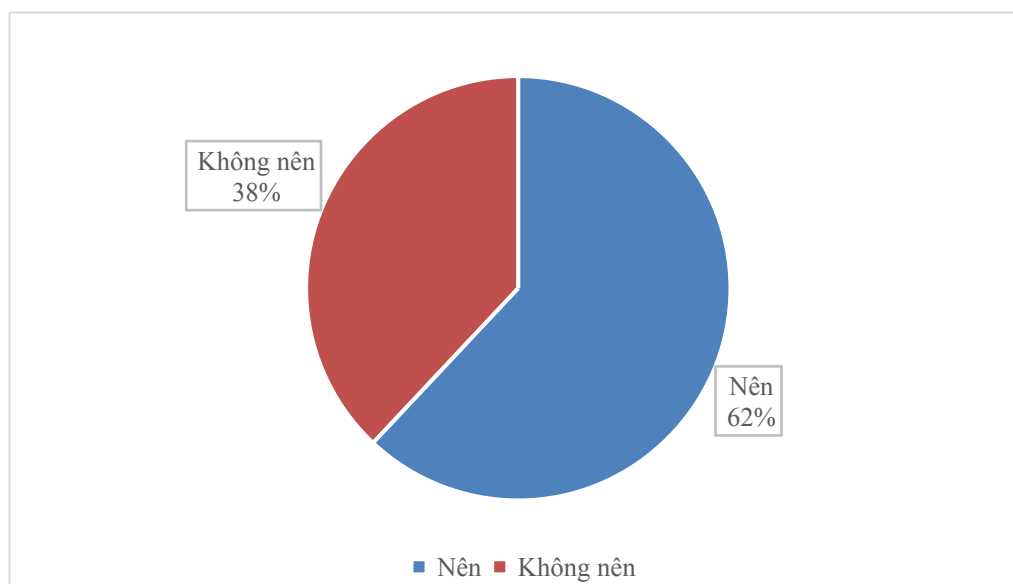
*) Ý kiến của học sinh về việc sử dụng LMS MOODLE trong học tập môn Tiếng Anh 8



Biểu đồ 3: Ý kiến của HS về việc sử dụng LMS MOODLE trong học tập môn Tiếng Anh 8

Đối với việc sử dụng MOODLE, theo khảo sát thì gần 1/3 HS tham gia khảo sát cho rằng MOODLE dễ sử dụng, trong khi đó 22% HS cho rằng họ gặp khó khăn khi sử dụng MOODLE trong quá trình học tập và luyện tập. Đáng chú ý, có đến gần 1 nửa HS cho rằng MOODLE không khó mà cũng không dễ sử dụng. Điều này cho thấy rằng HS vẫn có thể sử dụng MOODLE được trong khả năng của họ.

***) Ý kiến của học sinh về việc sử dụng LMS MOODLE trong học tập các môn học khác**



Biểu đồ 4: Ý kiến của học sinh về việc sử dụng LMS MOODLE trong học tập các môn học khác

Khi được hỏi về việc có nên sử dụng MOODLE trong học tập các môn học khác ngoài Tiếng Anh hay không thì hơn 2/3 HS cho rằng nên áp dụng trên MOODLE đối

với các môn học khác, trong khi đó số HS còn lại thì cho rằng không nên. Kết quả khảo sát trên cho thấy đa số HS vẫn có thái độ tích cực đối với việc sử dụng MOODLE trong học tập môn Tiếng Anh. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận HS cảm thấy chưa tự tin khi sử dụng công cụ học tập trực tuyến này.

Nhận xét chung:

Kết quả khảo sát về thái độ và mức độ chấp nhận MOODLE của học sinh cho thấy tín hiệu khá tích cực. Hơn một nửa học sinh bày tỏ sự yêu thích đối với việc học Tiếng Anh qua MOODLE, số học sinh có thái độ tiêu cực chỉ chiếm thiểu số, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận đáng kể chưa có quan điểm rõ ràng, phản ánh thực tế rằng MOODLE vẫn còn khá mới mẻ với nhiều em. Về mức độ dễ sử dụng, phần lớn học sinh đánh giá MOODLE ở mức chấp nhận được, không quá khó nhưng cũng chưa thực sự thuận thực, đây là điều hoàn toàn bình thường ở giai đoạn đầu làm quen với một nền tảng học tập mới. Đặc biệt đáng khích lệ là hơn hai phần ba học sinh đồng ý rằng nên mở rộng ứng dụng MOODLE sang các môn học khác, cho thấy các em đã nhận ra giá trị thực tiễn của nền tảng này vượt ra ngoài phạm vi môn Tiếng Anh. Nhìn chung, kết quả này củng cố thêm tính khả thi và triển vọng của việc nhân rộng mô hình dạy học kết hợp có ứng dụng MOODLE tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong thời gian tới.

d) Kết quả học tập của học sinh

***) Kết quả kiểm tra tiền thực nghiệm và hậu thực nghiệm của lớp đối chứng và lớp thực nghiệm**

Kết quả so sánh giữa lớp 8A1 (nhóm đối chứng, 39 học sinh, dạy theo phương pháp truyền thống) và lớp 8A2 (nhóm thực nghiệm, 39 học sinh, áp dụng MOODLE) tại trường TH&THCS Lê Quý Đôn cho thấy sự chênh lệch rõ rệt sau 08 tuần triển khai. Hai lớp cùng giáo viên, cùng chương trình, cùng điều kiện cơ sở vật chất — yếu tố duy nhất khác biệt là phương pháp dạy học, đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy cao của kết quả so sánh.

Bảng 2. So sánh kết quả kiểm tra tiền thực nghiệm và hậu thực nghiệm giữa lớp 8A1 và 8A2

	8A1		8A2	
Nội dung đánh giá	Tiền thực nghiệm	Hậu thực nghiệm	Tiền thực nghiệm	Hậu thực nghiệm
Từ vựng	6,1	6,5	6,0	7,4
Ngữ pháp	5,9	6,3	5,8	7,1
Đọc hiểu	5,7	6,2	5,6	7,3
Nghe hiểu	5,4	5,8	5,3	7,0
Điểm trung bình chung	5,78	6,20	5,68	7,20
Mức tiến bộ (điểm tăng)	+0,42 điểm		+1,52 điểm	

(Thang điểm 10; Số liệu lấy từ kết quả kiểm tra chuẩn hóa đầu vào và cuối thực nghiệm)

Số liệu tại Bảng 1 cho thấy mức độ tiến bộ của hai nhóm có sự khác biệt đáng kể. Nhóm đối chứng (8A1) có điểm trung bình chung tăng từ 5,78 lên 6,20 sau 08 tuần, tương ứng mức tăng 0,42 điểm. Trong khi đó, nhóm thực nghiệm (8A2) tăng từ 5,68 lên 7,20, tức tăng 1,52 điểm — gấp hơn 3,6 lần mức tiến bộ của nhóm đối chứng. Tiến điểm bắt đầu tương đương nhau (5,78 và 5,68), đảm bảo độ so sánh là khách quan và chênh lệch ở đầu ra phản ánh đúng tác động của biện số can thiệp.

Mức tiến bộ đặc biệt rõ nét ở kỹ năng nghe hiểu (tăng 1,7 điểm, tương ứng 32%) và từ vựng (tăng 1,4 điểm, tương ứng 23%) — hai kỹ năng được hỗ trợ trực tiếp nhất bởi tài liệu đa phương tiện và bài tập tương tác trên MOODLE. Kỹ năng đọc hiểu và ngữ pháp cũng có mức tăng ở nhóm 8A2 vượt trội so với 8A1 ($\approx 1,4$ điểm so với $\approx 0,5$ điểm). Điều này phản ánh hiệu quả của việc học sinh tự học có cấu trúc qua tài liệu số trước giờ lên lớp, từ đó giải phóng thời gian trên lớp cho thực hành giao tiếp.

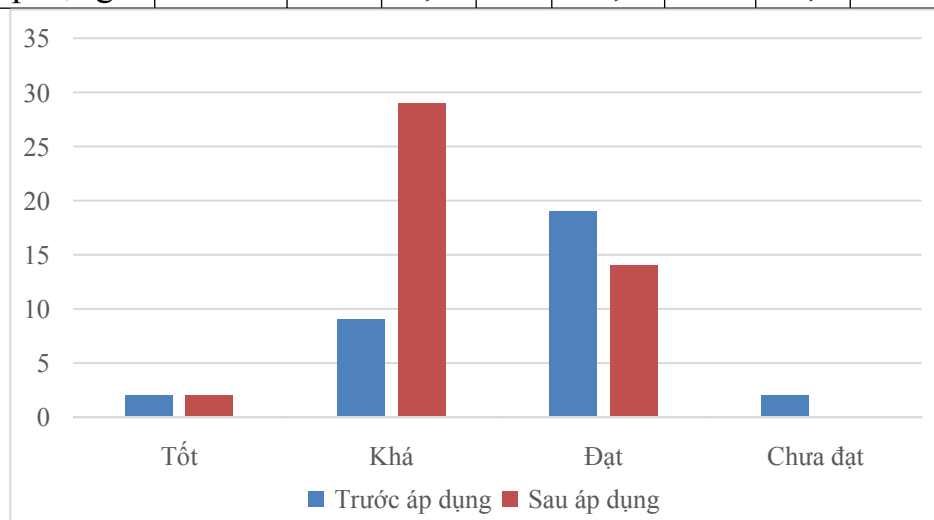
Về mức độ tham gia, tỉ lệ học sinh 8A2 hoàn thành bài tập trực tuyến đúng hạn đạt trung bình trên 85% trong suốt 08 tuần triển khai (cao nhất là 92% vào tuần 6–7, thấp nhất là 78% vào tuần đầu tiên do học sinh còn làm quen với hệ thống), trong khi tỉ lệ này ở lớp 8A1 không đo được qua MOODLE và phụ thuộc hoàn toàn vào sự theo dõi thủ công của giáo viên. Điều này cho thấy MOODLE không chỉ nâng cao kết quả học tập mà còn cải thiện đáng kể tính chủ động và ý thức tự giác của học sinh.

*) Kết quả kiểm tra tiền thực nghiệm và hậu thực nghiệm của 2 lớp tại TH&THCS Lâm Sơn và THCS Na Dương

- Kết quả bài kiểm tra thường xuyên của HS tại trường TH&THCS Lâm Sơn, xã Nhân Lý trước và sau khi áp dụng biện pháp

Bảng 3. So sánh kết quả bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng biện pháp tại trường TH&THCS Lâm Sơn, xã Nhân Lý

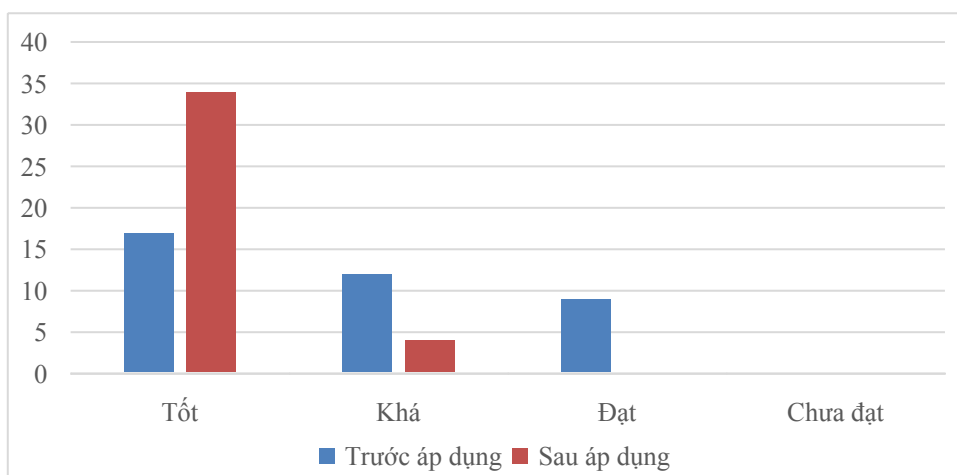
Thời điểm đánh giá	Tổng số HS	Mức độ đánh giá							
		<i>Giỏi</i>		<i>Khá</i>		<i>Đạt</i>		<i>Chưa đạt</i>	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Trước khi áp dụng	31	2	6,5	9	29,0	18	58,0	2	6,5
Sau khi áp dụng	31	2	6,5	15	48,4	14	45,1	0	0



- Kết quả bài kiểm tra thường xuyên của HS tại trường THCS Na Dương, xã Na Dương trước và sau khi áp dụng biện pháp

Bảng 4. So sánh kết quả bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng biện pháp tại trường THCS Na Dương

Thời điểm đánh giá	Tổng số HS	Mức độ đánh giá							
		<i>Giỏi</i>		<i>Khá</i>		<i>Đạt</i>		<i>Chưa đạt</i>	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Trước khi áp dụng	38	17	44,7	12	31,6	9	23,7	0	0
Sau khi áp dụng	38	34	89,5	4	10,5	0	0	0	0



Kết quả thực nghiệm tại hai cơ sở giáo dục cho thấy việc áp dụng sáng kiến đã mang lại những chuyển biến tích cực và rõ rệt về chất lượng học tập của học sinh. Đáng chú ý, tại Trường TH&THCS Lâm Sơn (xã Nhân Lý) – một địa bàn thuộc vùng 3 còn nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng, hiệu quả của biện pháp vẫn được thể hiện tương đối rõ. Trước khi áp dụng, tỷ lệ học sinh khá và giỏi còn hạn chế, trong đó học sinh khá chiếm 29,0%, giỏi 6,5%, và vẫn còn 6,5% học sinh chưa đạt. Sau khi triển khai, tỷ lệ học sinh khá tăng lên 48,4%, số học sinh chưa đạt giảm xuống 0%, đồng thời duy trì ổn định nhóm học sinh đạt yêu cầu. Kết quả này cho thấy sáng kiến không chỉ phù hợp mà còn phát huy hiệu quả ngay cả trong điều kiện khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng đại trà và hỗ trợ học sinh yếu vươn lên.

Tại Trường THCS Na Dương (xã Na Dương), hiệu quả của sáng kiến được thể hiện rõ nét hơn ở việc nâng cao chất lượng mũi nhọn. Trước khi áp dụng, tỷ lệ học sinh giỏi là 44,7%, khá 31,6% và còn 23,7% học sinh ở mức đạt. Sau khi áp dụng, tỷ lệ học sinh giỏi tăng mạnh lên 89,5%, số học sinh khá giảm xuống còn 10,5% do chuyển dịch lên mức giỏi, đồng thời không còn học sinh ở mức đạt hoặc chưa đạt. Điều này cho thấy sáng kiến không chỉ giúp nâng cao mặt bằng chung mà còn tạo điều kiện để học sinh khá phát triển lên mức giỏi một cách rõ rệt.

Tổng thể, việc áp dụng LMS MOODLE trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 8 đã góp phần cải thiện đáng kể kết quả học tập của học sinh ở cả hai đơn vị, làm tăng tỷ lệ học sinh khá, giỏi và xóa bỏ hoàn toàn học sinh chưa đạt. Đặc biệt, hiệu quả đạt được tại trường thuộc vùng khó khăn như Lâm Sơn càng khẳng định tính phù hợp,

khả thi và khả năng nhân rộng của sáng kiến trong nhiều điều kiện giáo dục khác nhau.

e) So sánh của giáo viên về ưu thế của việc học tập trên LMS MOODLE so với các công cụ khác

Bảng 5: So sánh của giáo viên về tính năng học tập trên LMS MOODLE

STT	Tiêu chí	MOODLE	Google Classroom	Google Forms	Zalo/ Facebook	Kahoot
A. Lưu trữ tài nguyên học tập						
1	Tổ chức tài nguyên theo Unit/chủ đề	✓	✓	✗	✗	✗
2	Tích hợp đa định dạng (video, H5P, SCORM, âm thanh)	✓	—	✗	✗	✗
3	Tái sử dụng tài nguyên cho nhiều năm học	✓	✓	—	✗	—
4	Nhúng bài giảng E-learning tương tác trực tiếp	✓	—	✗	✗	✗
B. Kiểm tra – Đánh giá (Quiz)						
5	Đa dạng loại câu hỏi (trắc nghiệm, điền từ, kéo thả, ghép đôi...)	✓	✗	—	✗	—
6	Tích hợp âm thanh, hình ảnh vào câu hỏi	✓	✗	—	✗	—
7	Ngân hàng câu hỏi, rút câu ngẫu nhiên	✓	✗	✗	✗	—
8	Thiết lập số lần làm bài, thời gian linh hoạt	✓	—	—	✗	✗
9	Phản hồi kết quả tức thì và chi tiết	✓	—	✓	✗	✓
10	Nhập câu hỏi hàng loạt (import)	✓	✗	✗	✗	—
C. Giao – Thu bài tập (Assignment)						
11	Giao bài tập cá nhân/nhóm linh hoạt	✓	✓	✗	—	✗
12	Thu bài, chấm điểm và phản hồi trực tiếp trên hệ thống	✓	✓	—	✗	✗
13	Thiết lập hạn nộp, nhắc nhở tự động	✓	✓	✗	✗	✗
14	Khuyến khích tự học qua hệ thống điểm thưởng	✓	✗	✗	✗	—
D. Tương tác – Thảo luận (Forum)						
15	Tổ chức thảo luận theo chủ đề bài học	✓	—	✓	✓	✗
16	Kiểm soát thứ tự đăng ý kiến (Q&A Forum)	✓	✗	✓	✓	✗

STT	Tiêu chí	MOODLE	Google Classroom	Google Forms	Zalo/Facebook	Kahoot
17	Tạo cơ hội bình đẳng cho học sinh thụ động	✓	✗	✓	✓	✗
E. Quản lý hồ sơ học tập						
18	Theo dõi tiến độ hoàn thành bài tập tự động	✓	—	✗	✗	✗
19	Lưu trữ và tổng hợp điểm số toàn diện (Gradebook)	✓	✓	✗	✗	✗
20	Thống kê lịch sử hoạt động từng học sinh	✓	✗	✗	✗	✗
21	Học sinh tự theo dõi tiến trình học tập cá nhân	✓	—	✗	✗	✗
F. Tính khả thi – Bảo mật						
22	Bảo mật thông tin học sinh	✓	✓	✗	✗	—
23	Sử dụng trên đa thiết bị (máy tính, điện thoại)	✓	✓	✓	✓	✓
24	Không cần Internet tốc độ cao	—	—	✓	✓	✗
25	Miễn phí, dễ triển khai tại trường THCS	✓	✓	✓	✓	✓

Chú thích:

✓: Hỗ trợ đầy đủ

—: Hỗ trợ một phần / có giới hạn

✗: Không hỗ trợ

Qua bảng so sánh 25 tiêu chí thuộc 6 nhóm, kết quả đánh giá cho thấy MOODLE là công cụ duy nhất được giáo viên đánh giá hỗ trợ đầy đủ ở tất cả 25 tiêu chí, trong khi các công cụ còn lại đều có những hạn chế nhất định ở một hoặc nhiều nhóm tiêu chí.

A. Lưu trữ tài nguyên học tập (4 tiêu chí)

MOODLE được đánh giá hỗ trợ đầy đủ cả 4 tiêu chí, nổi bật ở khả năng tích hợp đa định dạng học liệu (video, H5P, SCORM, âm thanh) và nhúng bài giảng E-learning tương tác trực tiếp - đây là những tính năng mà tất cả các công cụ còn lại đều không hỗ trợ hoặc chỉ hỗ trợ một phần. Google Classroom chỉ hỗ trợ đầy đủ 2/4 tiêu chí, trong khi Zalo/Facebook và Kahoot hầu như không đáp ứng được nhóm tiêu chí này.

B. Kiểm tra – Đánh giá (6 tiêu chí)

Đây là nhóm thể hiện ưu thế vượt trội rõ rệt nhất của MOODLE. MOODLE hỗ trợ đầy đủ cả 6 tiêu chí, đặc biệt là tính năng ngân hàng câu hỏi và rút câu ngẫu nhiên

(tiêu chí 7) và nhập câu hỏi hàng loạt (tiêu chí 10) - hai tính năng mà không công cụ nào khác hỗ trợ đầy đủ. Google Forms và Kahoot chỉ hỗ trợ một phần ở một số tiêu chí, Google Classroom và Zalo/Facebook hầu như không đáp ứng được nhóm này.

C. Giao – Thu bài tập (4 tiêu chí)

MOODLE và Google Classroom cùng hỗ trợ đầy đủ các tiêu chí cơ bản như giao bài, thu bài và thiết lập hạn nộp. Tuy nhiên, MOODLE vượt trội hơn ở tiêu chí khuyến khích tự học qua hệ thống điểm thưởng (tiêu chí 14) - tính năng mà Google Classroom và các công cụ còn lại không có. Zalo/Facebook chỉ hỗ trợ một phần, Kahoot gần như không phù hợp cho nhóm tiêu chí này.

D. Tương tác – Thảo luận (3 tiêu chí)

MOODLE là công cụ duy nhất hỗ trợ đầy đủ cả 3 tiêu chí, đặc biệt nổi bật ở tính năng kiểm soát thứ tự đăng ý kiến qua Q&A Forum (tiêu chí 16) và tạo cơ hội bình đẳng cho học sinh thụ động (tiêu chí 17) - hai tính năng mà tất cả các công cụ còn lại đều không hỗ trợ. Đây là ưu thế đặc trưng của MOODLE trong việc thúc đẩy tư duy phản biện và sự tham gia tích cực của học sinh.

E. Quản lý hồ sơ học tập (4 tiêu chí)

MOODLE hỗ trợ đầy đủ cả 4 tiêu chí, trong khi Google Classroom chỉ hỗ trợ đầy đủ 1/4 tiêu chí (Gradebook). Đặc biệt, tính năng thống kê lịch sử hoạt động từng học sinh (tiêu chí 20) và hỗ trợ học sinh tự theo dõi tiến trình học tập (tiêu chí 21) là những tính năng độc quyền của MOODLE mà không công cụ nào khác đáp ứng được.

F. Tính khả thi – Bảo mật (4 tiêu chí)

Đây là nhóm tiêu chí duy nhất mà MOODLE có hỗ trợ một phần: yêu cầu kết nối Internet tốc độ tương đối (tiêu chí 24). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong mạng nội bộ được cấu hình hợp lý, MOODLE vẫn có khả năng cung cấp các dịch vụ LMS đầy đủ như có kết nối internet, các máy tính của học sinh hoàn toàn có thể truy cập và sử dụng nếu kết nối trong mạng nội bộ của hệ thống - đây là một ưu điểm so với các dịch vụ khác: Hoạt động trong một mạng độc lập, lúc này tính bảo mật gần như tuyệt đối, điều này giúp MOODLE vượt trội về bảo mật thông tin học sinh so với Zalo/Facebook và Kahoot. Tất cả 5 công cụ đều hỗ trợ đa thiết bị và đều miễn phí, dễ triển khai tại trường THCS.

Nhận xét chung:

Kết quả so sánh cho thấy LMS MOODLE có ưu thế toàn diện và vượt trội so với tất cả các công cụ dạy học trực tuyến khác trên cả 6 nhóm tiêu chí. Tuy nhiên, các câu hỏi trong phiếu khảo sát khi đề xuất công cụ ưu việt cho từng mục đích sử dụng đã chỉ ra rằng, mỗi công cụ dạy học trực tuyến đều có những ưu điểm riêng phù hợp với những nhu cầu và bối cảnh nhất định. Zalo/Facebook được giáo viên đánh giá cao về tính tiện lợi, dễ tiếp cận và khả năng liên lạc nhanh với học sinh và phụ huynh mà không cần đăng ký tài khoản riêng - đây là lợi thế thực tế không thể phủ nhận, đặc biệt tại các vùng mà học sinh đã quen dùng mạng xã hội hàng ngày. Google Forms được ghi nhận là công cụ tạo bài kiểm tra nhanh, đơn giản, không đòi hỏi kỹ năng kỹ thuật cao và hoạt động ổn định ngay cả khi kết nối Internet hạn chế. Google Classroom nổi bật ở tính thân thiện, dễ làm quen và khả năng tích hợp liền mạch với hệ sinh thái Google Drive và Gmail mà nhiều giáo viên đã quen sử dụng. Kahoot được đánh giá đặc biệt hiệu quả trong việc tạo không khí học tập vui vẻ, hứng khởi thông qua hình thức gamification, phù hợp với các hoạt động ôn tập nhanh tại lớp.

Tuy nhiên, kết quả so sánh cũng cho thấy rõ rằng các công cụ trên đều chỉ đáp ứng được một phần nhỏ các yêu cầu của một môi trường dạy học trực tuyến toàn diện. Không một công cụ đơn lẻ nào trong số đó có thể đồng thời đảm nhận tốt cả bốn vai trò: lưu trữ tài nguyên có hệ thống, tổ chức kiểm tra đánh giá linh hoạt, quản lý hồ sơ học tập toàn diện và tạo không gian tương tác có kiểm soát. Hơn nữa, việc sử dụng song song nhiều công cụ rời rạc dễ gây phân tán cho cả giáo viên lẫn học sinh, thiếu tính nhất quán và khó theo dõi tiến độ học tập một cách hệ thống.

Chính trong bối cảnh đó, LMS MOODLE khẳng định vị thế là nền tảng dạy học trực tuyến toàn diện và phù hợp nhất cho môn Tiếng Anh lớp 8 tại các trường THCS tỉnh Lạng Sơn. Mặc dù MOODLE đòi hỏi đầu tư thời gian ban đầu để làm quen và xây dựng khóa học, cũng như yêu cầu kết nối Internet tương đối ổn định, song đây là những hạn chế hoàn toàn có thể khắc phục được thông qua tập huấn giáo viên và cải thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại nhà trường. Đổi lại, MOODLE mang đến một hệ sinh thái học tập khép kín, nơi giáo viên có thể lưu trữ tài nguyên, giao và thu bài tập, tổ chức kiểm tra, theo dõi tiến độ và tương tác với học sinh — tất cả trên một nền tảng duy nhất, nhất quán và bảo mật.

Kết quả khảo sát giáo viên cho thấy 72% giáo viên đồng ý rằng MOODLE vượt trội hơn các công cụ đã từng sử dụng về tổng thể, và 63% sẵn sàng tiếp tục sử dụng và giới thiệu MOODLE cho đồng nghiệp. Đây là minh chứng thực tế khẳng định rằng, dù không phải công cụ dễ dùng nhất hay vui nhộn nhất, MOODLE vẫn là lựa chọn hiệu quả, bền vững và phù hợp nhất cho mục tiêu đổi mới dạy học Tiếng Anh lớp 8 theo hướng hiện đại hóa và chuyển đổi số tại tỉnh Lạng Sơn.

2. Thảo luận và đánh giá kết quả thu được

2.1. Tính mới, tính sáng tạo

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số đang được triển khai mạnh mẽ trên phạm vi cả nước, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học không còn là điều xa lạ. Tuy nhiên, tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, một tỉnh miền núi với nhiều đặc thù về địa lý, kinh tế và dân cư, việc triển khai một hệ thống dạy học trực tuyến toàn diện, có hệ thống và gắn kết chặt chẽ với chương trình môn học cụ thể vẫn còn là hướng đi khá mới mẻ. Chính trong bối cảnh đó, sáng kiến này thể hiện rõ tính mới và sáng tạo trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, sáng kiến là một trong những công trình đầu tiên tại địa phương hệ thống hóa và triển khai đồng bộ toàn bộ hệ sinh thái công cụ trên LMS MOODLE, bao gồm Quiz, Assignment, Forum, tài nguyên E-learning, ngân hàng câu hỏi và hồ sơ học tập số, vào dạy và học một môn học cụ thể ở bậc THCS. Khác với cách tiếp cận phổ biến hiện nay là khai thác đơn lẻ từng công cụ hoặc sử dụng nhiều nền tảng rời rạc song song, sáng kiến xây dựng một môi trường học tập khép kín, nhất quán và có tính liên kết cao, nơi tất cả các hoạt động dạy học từ cung cấp tài nguyên, giao bài, kiểm tra, tương tác đến theo dõi tiến độ đều được tích hợp trên một nền tảng duy nhất.

Thứ hai, sáng kiến tiếp cận theo hướng tích hợp hai mô hình dạy học hiện đại là Blended Learning và Flipped Classroom vào thực tiễn dạy học Tiếng Anh lớp 8, một môn học vốn đòi hỏi sự kết hợp linh hoạt giữa luyện tập kỹ năng ngôn ngữ tại lớp và tự học, tự luyện ngoài giờ. Đây không đơn thuần là việc số hóa các hoạt động dạy học truyền thống, mà là sự tái cấu trúc căn bản quá trình dạy và học: học sinh chủ động tiếp cận bài học mới qua bài giảng E-learning trước khi đến lớp, thời gian trên lớp được dành cho luyện tập, thảo luận và giải đáp thắc mắc, từ đó tối ưu hóa hiệu quả của cả hai môi trường học tập.

Thứ ba, việc xây dựng hệ thống bài giảng E-learning tương tác tích hợp trực tiếp trên MOODLE, kết hợp video bài giảng, hoạt động H5P, ngân hàng câu hỏi theo từng Unit và tài nguyên đa phương tiện, là điểm sáng tạo nổi bật so với mặt bằng chung hiện nay. Trong khi phần lớn giáo viên THCS tại địa phương vẫn sử dụng MOODLE chủ yếu như một kho lưu trữ tài liệu đơn giản, sáng kiến khai thác MOODLE như một nền tảng học tập tương tác thực sự, nơi học sinh không chỉ đọc và tải tài liệu mà còn được trải nghiệm, thực hành và nhận phản hồi ngay trong quá trình học.

Thứ tư, sáng kiến chú trọng đặc biệt đến tính cá nhân hóa trong học tập, một trong những xu hướng giáo dục tiên tiến nhất hiện nay. Thông qua hệ thống theo dõi tiến độ tự động, phản hồi tức thì sau mỗi bài kiểm tra và hồ sơ học tập số cá nhân, mỗi học sinh có thể tự nhìn nhận điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp, điều mà lớp học truyền thống với sĩ số đông khó có thể thực hiện được một cách toàn diện và nhất quán.

Thứ năm, trong bối cảnh đặc thù của tỉnh Lạng Sơn, nơi nhiều học sinh thuộc các dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế còn khó khăn và ít có cơ hội tiếp cận các trung tâm ngoại ngữ, sáng kiến mang ý nghĩa công bằng giáo dục sâu sắc. MOODLE tạo ra một môi trường học tập mở, nơi mọi học sinh đều có thể tiếp cận bài giảng chất lượng, luyện tập đầy đủ và nhận phản hồi kịp thời bất kể điều kiện địa lý hay hoàn cảnh gia đình, góp phần thu hẹp khoảng cách về chất lượng học tập giữa các nhóm đối tượng học sinh khác nhau.

2.2. Khả năng áp dụng và lợi ích thiết thực

2.2.1. Về khả năng áp dụng

Trước hết, MOODLE là nền tảng mã nguồn mở, hoàn toàn miễn phí, không đòi hỏi chi phí bản quyền hay đầu tư phần mềm, rất phù hợp với ngân sách hạn chế của các trường THCS vùng miền núi. Nhà trường chỉ cần đầu tư một lần cho máy chủ hoặc sử dụng dịch vụ lưu trữ đám mây với chi phí thấp là có thể vận hành hệ thống cho toàn trường. Đây là lợi thế kinh tế rõ ràng so với các nền tảng thương mại khác.

Tiếp theo, hệ thống hoạt động được trên đa thiết bị, máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng, và không yêu cầu cấu hình cao. Trong bối cảnh điện thoại thông minh ngày càng phổ biến ngay cả tại các vùng nông thôn và miền núi, đây là

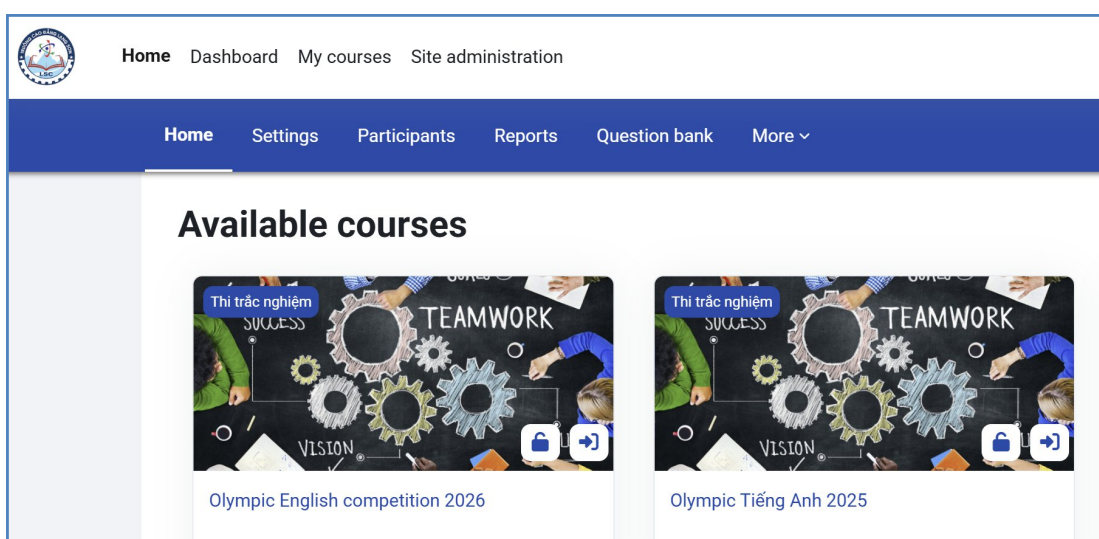
điều kiện kỹ thuật hoàn toàn có thể đáp ứng được. Kết quả khảo sát cũng cho thấy đa số học sinh không gặp khó khăn quá lớn trong việc truy cập và sử dụng MOODLE.

Quan trọng hơn, toàn bộ nội dung học liệu, bài tập và bài kiểm tra được xây dựng bám sát chương trình SGK Tiếng Anh 8 hiện hành theo từng Unit, nên giáo viên không cần thay đổi nội dung giảng dạy mà chỉ cần điều chỉnh phương thức tổ chức hoạt động. Điều này giúp giảm thiểu tối đa rào cản tâm lý và thời gian chuẩn bị cho giáo viên khi bắt đầu tiếp cận sáng kiến. Đặc biệt, kho học liệu và ngân hàng câu hỏi sau khi đã được xây dựng có thể tái sử dụng và chia sẻ giữa các giáo viên trong cùng tổ chuyên môn hoặc giữa các trường trong toàn tỉnh, tạo ra hiệu ứng lan tỏa và tiết kiệm nguồn lực đáng kể.

Cuối cùng, kết quả khảo sát cho thấy hơn hai phần ba học sinh ủng hộ việc mở rộng MOODLE sang các môn học khác, đây là tín hiệu rõ ràng từ chính đối tượng thụ hưởng, khẳng định rằng nền tảng này có đủ sức hấp dẫn và tính thực tiễn để được chấp nhận rộng rãi hơn trong cộng đồng học đường.

Triển khai áp dụng tại cuộc thi Olympic Tiếng Anh cấp trường

Ngoài áp dụng LMS MOODLE cho dạy và học môn Tiếng Anh, tác giả cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức cuộc thi trực tuyến “Olympic tiếng Anh trên Internet cấp trường” các năm 2025, 2026 qua nền tảng này.



Cuộc thi được tổ chức nhằm khích lệ, truyền cảm hứng học tiếng Anh cũng như tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, hỗ trợ phát triển kỹ năng hội nhập quốc tế cho đoàn

viên thanh niên, học sinh sinh viên. Hàng năm, cuộc thi được triển khai đến toàn thể học sinh sinh viên trong trường. Đề thi được sử dụng ứng dụng LMS MOODLE để xây dựng công cụ kiểm tra-đánh giá. Người thi sử dụng máy vi tính, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh có kết nối Internet để tham gia Cuộc thi. Hình thức thi trắc nghiệm về kiến thức và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, giao tiếp tiếng Anh với các trình độ khác nhau. Mỗi năm, cuộc thi thu hút gần hơn 1000 lượt tham gia. Ban Tổ chức đã trao giải cho các thí sinh có câu trả lời đúng và nhanh nhất theo từng tuần. LMS MOODLE không chỉ là một công cụ để kiểm tra và đánh giá học phần mà còn là một nền tảng linh hoạt cho việc tổ chức các cuộc thi qua mạng, cung cấp một loạt các tính năng để hỗ trợ quản lý và thực hiện các hoạt động này một cách hiệu quả.

2.2.2. Về lợi ích thiết thực

Sáng kiến mang lại lợi ích cụ thể và thiết thực cho cả ba đối tượng liên quan trực tiếp là học sinh, giáo viên và nhà trường.

Đối với học sinh, MOODLE tạo ra môi trường học tập linh hoạt và công bằng, nơi các em có thể tự học, tự luyện tập và tự kiểm tra kiến thức mọi lúc, mọi nơi mà không bị giới hạn bởi thời khóa biểu hay địa lý. Tính năng phản hồi tức thì sau mỗi bài Quiz giúp học sinh nhận ra lỗi sai ngay lập tức và điều chỉnh kịp thời, một lợi thế mà lớp học truyền thống khó đạt được. Quan trọng hơn, mô hình Blended Learning giúp học sinh từng bước hình thành thói quen tự học, nâng cao tính tự giác và kỷ luật, những phẩm chất nền tảng không chỉ phục vụ cho việc học Tiếng Anh mà còn có giá trị lâu dài cho toàn bộ hành trình học tập và phát triển của các em. Đặc biệt, đối với học sinh tại các vùng khó khăn của tỉnh Lạng Sơn, nơi ít có điều kiện học thêm tại các trung tâm ngoại ngữ, MOODLE trở thành người thầy thứ hai luôn sẵn sàng đồng hành cùng các em mọi lúc mọi nơi.

Đối với giáo viên, MOODLE mang lại sự chuyên nghiệp hóa và hiệu quả hóa trong công tác giảng dạy. Hệ thống tự động chấm bài, tổng hợp điểm số và theo dõi tiến độ giúp giáo viên tiết kiệm đáng kể thời gian cho các công việc hành chính, dành nhiều hơn cho việc thiết kế hoạt động học tập chất lượng cao và hỗ trợ cá nhân từng học sinh. Hệ thống Gradebook và Completion Tracking cung cấp dữ liệu học tập minh bạch, khách quan, cơ sở vững chắc cho các quyết định sư phạm và điều chỉnh

phương pháp dạy học kịp thời. Không kém phần quan trọng, việc xây dựng khóa học trên MOODLE giúp giáo viên hình thành thói quen thiết kế bài dạy có hệ thống, phát triển năng lực số và năng lực sư phạm theo hướng hiện đại, đây là hành trang quan trọng trong bối cảnh nghề giáo đang đứng trước những yêu cầu đổi mới căn bản.

Đối với nhà trường và ngành giáo dục tỉnh Lạng Sơn, sáng kiến góp phần cụ thể hóa lộ trình chuyển đổi số trong giáo dục theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc xây dựng được một mô hình dạy học kết hợp hoàn chỉnh, có cơ sở lý luận vững chắc và kết quả thực nghiệm thuyết phục tại điều kiện đặc thù của một tỉnh miền núi là đóng góp có giá trị tham khảo cho toàn ngành. Mô hình này hoàn toàn có thể được nhân rộng ra các môn học khác, các trường khác và các địa phương có điều kiện tương tự, tạo ra tác động lan tỏa sâu rộng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước thu hẹp khoảng cách về cơ hội học tập giữa các vùng miền trong cả nước.

Tất nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả của sáng kiến, cần tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng Internet và thiết bị công nghệ tại các trường; tổ chức tập huấn thường xuyên và có chiều sâu để giáo viên không chỉ biết dùng mà còn khai thác sáng tạo các tính năng nâng cao của MOODLE; đồng thời xây dựng lộ trình hướng dẫn học sinh làm quen với nền tảng ngay từ đầu năm học để rút ngắn thời gian thích nghi và tối đa hóa thời gian học tập thực sự. Đây là những điều kiện cần thiết, hoàn toàn có thể thực hiện được và xứng đáng được đầu tư để sáng kiến phát huy giá trị bền vững trong thực tiễn giáo dục tỉnh Lạng Sơn.

IV. KẾT LUẬN

Trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học không còn là lựa chọn mà đã trở thành đòi hỏi tất yếu của thực tiễn. Sáng kiến "Khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy và học môn Tiếng Anh lớp 8" được xây dựng và triển khai xuất phát từ chính nhu cầu thực tiễn, với mong muốn mang đến một hướng đi cụ thể, khả thi và hiệu quả cho giáo viên và học sinh tại một địa phương còn nhiều khó khăn về điều kiện dạy và học.

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, khảo sát thực trạng và triển khai thực nghiệm, sáng kiến đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Về mặt lý luận, sáng kiến đã hệ thống hóa cơ sở khoa học của mô hình dạy học kết hợp, làm rõ ưu thế vượt trội của LMS MOODLE so với các công cụ dạy học trực tuyến khác hiện đang được sử dụng phổ biến tại địa phương. Về mặt thực tiễn, sáng kiến đã xây dựng được một hệ sinh thái học tập số hoàn chỉnh trên nền tảng MOODLE, bao gồm ngân hàng câu hỏi, bài giảng E-learning tương tác, hệ thống bài tập, diễn đàn thảo luận và hồ sơ học tập số, bám sát chương trình SGK Tiếng Anh 8 và phù hợp với điều kiện thực tế của một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Kết quả thực nghiệm cho thấy học sinh có thái độ tích cực đối với việc học Tiếng Anh qua MOODLE, đặc biệt đánh giá cao các tính năng Quiz, Assignment và phản hồi tức thì, những công cụ trực tiếp nâng cao hiệu quả luyện tập kỹ năng ngôn ngữ. Quan trọng hơn, mô hình dạy học kết hợp đã bước đầu hình thành ở học sinh thói quen tự học, tính tự giác và kỷ luật trong học tập, những phẩm chất có giá trị lâu dài vượt ra ngoài phạm vi môn Tiếng Anh. Về phía giáo viên, MOODLE được đánh giá là công cụ toàn diện và vượt trội hơn hẳn các nền tảng khác ở hầu hết các tiêu chí, đặc biệt trong quản lý lớp học, kiểm tra đánh giá và theo dõi hồ sơ học tập.

Tuy nhiên, sáng kiến cũng thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế còn tồn tại: hạ tầng Internet tại một số địa bàn chưa đáp ứng tốt, một bộ phận học sinh và giáo viên cần thêm thời gian để làm quen và thành thạo nền tảng, tính năng Forum chưa phát huy hiệu quả do đặc thù tâm lý và thói quen giao tiếp của học sinh lứa tuổi THCS. Đây là những thách thức cần được tiếp tục giải quyết trong quá trình triển khai mở rộng.

Với những kết quả đạt được, tác giả tin tưởng rằng mô hình dạy học kết hợp có ứng dụng LMS MOODLE là hướng đi đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện đại và hoàn toàn có thể nhân rộng ra các môn học khác, các trường khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. MOODLE không thay thế người thầy hay lớp học truyền thống, mà là người đồng hành tin cậy, giúp giáo viên dạy tốt hơn, học sinh học hiệu quả hơn và nhà trường quản lý chất lượng giáo dục minh bạch, toàn diện hơn trong kỷ nguyên số.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐƠN VỊ
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

TÁC GIẢ

Tô Lan Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Banados, E. (2006). A blended-learning pedagogical model for teaching and learning EFL successfully through an online interactive multimedia environment. *CALICO Journal*, 23 (3), 533-550.
2. Beatty, K. (2010). *Teaching and researching: Computer-assisted language learning* (2nd ed.). Routledge.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018). Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Brandl, K. (2005). Are you ready to “MOODLE”? *Language Learning & Technology*, 9 (2), 16-23.
5. Cole, J., & Foster, H. (2008). *Using MOODLE: Teaching with the popular opensource course management system* (2nd ed.). O'Reilly Media.
6. Dabbagh, N., & Bannan-Ritland, B. (2005). *Online learning: Concepts, strategies, and application*. Pearson/Merrill/Prentice Hall.
7. Dougiamas, M., & Taylor, P. C. (2003). MOODLE: Using learning communities to create an opensource course management system. In D. Lassner & C. McNaught (Eds.), *Proceedings of ED-MEDIA 2003* (pp. 171-178). AACE.
8. Garrison, D.R., & Kanuka, H. (2004). Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education. *The Internet and Higher Education*, 7 (2), 95-105.
9. Graham, C.R. (2006). Blended learning systems: Definition, current trends, and future directions. In CJ Bonk & CR Graham (Eds.), *Handbook of blended learning: Global perspectives, local designs* (pp. 3-21). Pfeiffer Publishing.
10. Harasim, L. (2012). *Learning theory and online technologies*. Routledge.
11. Mazzolini, M., & Maddison, S. (2007). When to jump in: The role of the instructor in online discussion forums. *Computers & Education*, 49 (2), 193-213.
12. MOODLE Statistics. (2023). *MOODLE statistics*. Truy cập từ <https://stats.moodle.org/>
13. Nguyễn Quốc Tuấn. (2021). Tích hợp công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (17), 34-40.

14. Nguyễn Thị Hương Giang. (2019). Sử dụng các báo cáo hoạt động trên MOODLE để theo dõi và hỗ trợ học sinh. *Tạp chí Giáo dục*, (số đặc biệt tháng 9), 89-94.
15. Nguyễn Thị Lan Anh. (2020). Quản lý nội dung học tập trên hệ thống LMS MOODLE: Kinh nghiệm và khuyến nghị. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, (12), 67-73.
16. Nguyễn Thị Phương Thảo. (2020). Ứng dụng MOODLE trong dạy học tiếng Anh: Nghiên cứu tại các trường trung học phổ thông tỉnh Hà Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 16 (2), 78-84.
17. Phạm Thị Hồng Nhung. (2021). Mô hình dạy học kết hợp trong giảng dạy tiếng Anh tại trường trung học cơ sở. *Tạp chí Giáo dục*, (505), 23-27.
18. Rice, W. H. (2006). *MOODLE e-learning course development*. Pack Publishing.
19. Staker, H., & Horn, M.B. (2012). *Classifying K-12 blended learning*. Innosight Institute.
20. Trần Kiều. (2020). Môi trường học tập trực tuyến trong giáo dục phổ thông Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, (số đặc biệt tháng 7), 34-39.
21. Trần Thị Thanh Hương. (2021). Triển khai hệ thống MOODLE tại các trường đại học Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 57 (2), 89-95.
22. Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lạng Sơn. (2025). *Báo cáo tổng kết Đề án dạy và học ngoại ngữ của UBND tỉnh Lạng Sơn năm 2025*.

Phụ lục 01

UNIT 3: PROTECTING THE ENVIRONMENT

Lesson 1.1 – Vocabulary and Reading (Pages 24 & 25)

[GIÁO ÁN BLENDED LEARNING – CÓ PHÒNG MÁY TÍNH TẠI TRƯỜNG]

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ:

- Học và sử dụng từ vựng về ô nhiễm: affect, cause, pollute, disease, wildlife, tourism, environment, damage.
- Luyện đọc hiểu (gist and specific information) về các tác hại của ô nhiễm môi trường.

2. Năng lực:

- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tư duy phân tích và tư duy phản biện.
- Năng lực số: sử dụng thành thạo LMS MOODLE để học tập, làm bài và tương tác trực tuyến.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức bảo vệ môi trường, nhận thức rõ tác hại của ô nhiễm đối với cuộc sống.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: SGK, SBT, file audio CD1, slides PowerPoint, hệ thống LMS MOODLE (ngân hàng Quiz, Assignment, Forum), máy chiếu/tivi, phòng máy tính có kết nối Internet.

Học sinh: SGK, SBT, vở ghi, tài khoản MOODLE đã được kích hoạt trước.

MOODLE chuẩn bị sẵn: Quiz từ vựng Unit 3, bài giảng E-learning, Assignment chuẩn bị bài mới, Forum thảo luận chủ đề ô nhiễm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG – WARM UP (5')

Nội dung / Hoạt động	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS + MOODLE
WARM UP Game: POLLUTION QUIZ (MOODLE Quiz)	- GV yêu cầu HS mở MOODLE trên máy tính phòng máy. - GV kích hoạt bài Quiz 5 câu hỏi hình ảnh về các loại ô nhiễm (Air/Water/Land/Noise pollution). - GV chiếu kết quả lên màn hình, nhận xét và dẫn vào bài mới. → MOODLE: Quiz 'Warm-up – Pollution Images'	- HS đăng nhập MOODLE, vào Quiz Warm-up. - HS làm 5 câu hỏi nhận biết hình ảnh về ô nhiễm (2 phút). - HS xem kết quả tức thì, thảo luận nhanh với bạn bên cạnh. - HS chia sẻ: 'What kinds of pollution can you see?'

B. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÍNH (35')

Hoạt động 1: Pre-Reading – Từ vựng (12')

Nội dung / Hoạt động	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS + MOODLE
----------------------	------------------	---------------------------

Activity 1 PRE-READING Vocabulary (MOODLE Quiz + Audio)	Task a – Vocabulary Quiz (MOODLE): - GV hướng dẫn HS vào Quiz 'Unit 3 – Vocabulary' trên MOODLE. - HS làm bài điền từ có âm thanh kèm theo (affect, cause, pollute, disease, wildlife, tourism, environment, damage). - GV chiếu đáp án, phát âm mẫu, sửa lỗi phát âm. → MOODLE: Quiz 'Unit 3 Vocabulary – Fill in the blank + Audio' Task b – Speaking (MOODLE Forum preview): - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi: 'Which kinds of pollution affect tourism and cause diseases?' - GV gợi ý HS preview chủ đề Forum đã đăng sẵn trên MOODLE.	- HS vào Quiz Vocabulary trên MOODLE. - HS nghe audio, điền từ vào chỗ trống. - HS xem kết quả tức thì, ghi nhớ từ sai. - HS luyện phát âm theo GV. - HS thảo luận cặp đôi Task b. Gợi ý: Air, Water, Land, Noise pollution.
---	--	---

Hoạt động 2: While-Reading – Đọc hiểu (17')

Nội dung / Hoạt động	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS + MOODLE
Activity 2 WHILE-READING (MOODLE – Reading Quiz)	Task a – Choose the best introduction sentence: - GV yêu cầu HS đọc bài đọc trong SGK (trang 25). - GV kích hoạt Quiz đọc hiểu Task a trên MOODLE (chọn câu mở đầu đúng nhất). - GV chiếu kết quả, giải thích lý do chọn đáp án. → MOODLE: Quiz 'Unit 3 – Reading Task a' Task b – True / False / Doesn't say: - GV kích hoạt Quiz Task b trên MOODLE. - HS đọc lại bài, chọn True/False/Doesn't say, highlight câu hỗ trợ. - GV chiếu đáp án, cùng HS phân tích từng câu. → MOODLE: Quiz 'Unit 3 –	- HS đọc bài trong SGK. - HS vào Quiz Task a trên MOODLE, chọn đáp án. - HS xem kết quả, giải thích lựa chọn. - HS đọc lại, vào Quiz Task b. - HS chọn T/F/DS, ghi chú câu hỗ trợ trong SGK. - HS so sánh kết quả với bạn, thảo luận câu sai.

	Reading Task b'	
Hoạt động 3: Post-Reading – Nói và Thảo luận (6')		
Nội dung / Hoạt động	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS + MOODLE
Activity 3 POST-READING (MOODLE Forum)	- GV yêu cầu HS vào Forum 'Unit 3 – Pollution Discussion' trên MOODLE. - Chủ đề: 'What kinds of pollution are there in Lang Son? What are their effects?' - HS đăng ý kiến cá nhân trước (Q&A Forum: phải đăng mới xem được bài bạn). - GV khen ngợi, thưởng điểm tốt cho ý kiến hay, sâu sắc. → MOODLE: Forum 'Unit 3 – Pollution in Lang Son'	- HS mở Forum trên MOODLE. - HS gõ ý kiến cá nhân về thực trạng ô nhiễm tại Lạng Sơn. - HS đọc, phản hồi ý kiến của bạn. - HS trình bày miệng 2-3 ý chính trước lớp.

IV. Củng cố và Bài tập về nhà (5')

Củng cố:

- GV tổng kết từ vựng, điểm chính bài đọc qua Gradebook MOODLE (chiếu kết quả lớp).

Bài tập về nhà (qua MOODLE – Assignment):

- Assignment 1: Luyện thêm từ vựng qua Quizlet hoặc hoc10.vn, chụp màn hình kết quả nộp trên MOODLE.

- Assignment 2: Viết 5-7 câu về tình trạng ô nhiễm tại địa phương em, nộp qua MOODLE trước buổi học sau.

- Hoàn thành Forum: đọc và phản hồi ít nhất 2 ý kiến của bạn trên MOODLE.

- Chuẩn bị: Lesson 1.2 – Grammar (trang 25 & 26 – SGK) — xem trước bài giảng E-learning trên MOODLE.

V. PHẢN ÁNH SAU BÀI DẠY

a. Điều tôi tâm đắc nhất trong tiết dạy hôm nay:

.....

b. Điều tôi học được từ tiết dạy hôm nay:

.....

c. Điều tôi cần cải thiện cho tiết dạy sau:

.....

Dữ liệu MOODLE ghi nhận: Tỷ lệ hoàn thành Quiz:% | Điểm TB:/10 | Số HS tham gia Forum:%

UNIT 3: PROTECTING THE ENVIRONMENT
Lesson 1.1 – Vocabulary and Reading (Pages 24 & 25)
[GIÁO ÁN BLENDED LEARNING – KHÔNG CÓ PHÒNG MÁY TẠI TRƯỜNG
MOODLE GIAO VỀ NHÀ – FLIPPED CLASSROOM]

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ:

- Học và sử dụng từ vựng về ô nhiễm: affect, cause, pollute, disease, wildlife, tourism, environment, damage.
- Luyện đọc hiểu về các tác hại của ô nhiễm môi trường.

2. Năng lực:

- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tư duy phân tích và tư duy phản biện.
- Năng lực tự học: hoàn thành bài tập MOODLE ở nhà bằng điện thoại/máy tính cá nhân trước khi đến lớp.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức bảo vệ môi trường, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao qua MOODLE.

Lưu ý – Mô hình Flipped Classroom: Học sinh đã được giao trước trên MOODLE (buổi học trước): Quiz từ vựng Unit 3, xem video bài giảng E-learning và đăng ý kiến Forum. Tiết học này tập trung luyện tập, thảo luận và mở rộng kiến thức.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: SGK, SBT, file audio CD1, slides PowerPoint, máy chiếu/tivi, bảng/bảng phụ, thẻ từ vựng in sẵn.

Học sinh: SGK, SBT, vở ghi, điện thoại thông minh cá nhân (để kiểm tra kết quả MOODLE đã làm ở nhà).

MOODLE (giao trước ở nhà): Quiz từ vựng Unit 3, video bài giảng E-learning, Assignment viết đoạn văn về ô nhiễm, Forum thảo luận.

GV kiểm tra trước tiết học: Xem Completion Tracking và Gradebook trên MOODLE để nắm tỉ lệ HS đã hoàn thành bài tập về nhà, những HS có điểm thấp hoặc chưa nộp bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG – WARM UP (5')

Nội dung / Hoạt động	Hoạt động của GV trên lớp	Hoạt động của HS + Kết nối MOODLE
WARM UP Kiểm tra bài MOODLE về nhà (Flipped – Review)	- GV chiếu Gradebook MOODLE lên tivi/màn chiếu, thông báo tỉ lệ HS đã hoàn thành Quiz từ vựng ở nhà. - GV khen ngợi HS hoàn thành tốt, nhắc nhở HS chưa làm. - GV hỏi nhanh 3-4 HS: 'Em thấy từ nào khó nhất trong Quiz? Tại sao?'	- HS mở điện thoại, vào MOODLE xem lại kết quả Quiz từ vựng đã làm ở nhà. - HS chia sẻ điểm số và từ còn sai với GV. - HS trả lời câu hỏi GV đặt ra về từ khó. → GV xem Completion Tracking biết HS nào chưa làm

	- GV dẫn vào bài: 'Hôm nay chúng ta sẽ cùng luyện tập sâu hơn các từ đó.'	bài.
--	---	------

B. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÍNH (35')

Hoạt động 1: Pre-Reading – Luyện sâu từ vựng (12')

Nội dung / Hoạt động	Hoạt động của GV trên lớp	Hoạt động của HS + Kết nối MOODLE
Activity 1 PRE-READING Luyện sâu từ vựng (Trên lớp – dựa trên kết quả MOODLE)	- GV chiếu các từ HS sai nhiều nhất (từ dữ liệu Quiz MOODLE) lên bảng. - GV tổ chức game 'HOT SEAT': 1 HS ngồi quay lưng màn hình, cả lớp gợi ý bằng Tiếng Anh để HS đó đoán từ. - GV phát thẻ từ vựng in sẵn cho các nhóm, yêu cầu ghép từ với định nghĩa. - GV chốt phát âm, nghĩa và cách dùng từng từ. Task b – Speaking: - GV đặt câu hỏi: 'Which kinds of pollution affect tourism and cause diseases?' - HS thảo luận cặp đôi, trình bày trước lớp.	- HS tham gia game Hot Seat theo nhóm. - HS ghép thẻ từ với định nghĩa (hoạt động nhóm). - HS ghi lại các từ còn sai vào vở. - HS thảo luận cặp đôi Task b. Gợi ý trả lời: Air pollution, Water pollution, Land pollution, Noise pollution. → Nếu có điện thoại: HS tra cứu ví dụ thêm trên MOODLE (Resources).

Hoạt động 2: While-Reading – Đọc hiểu (17')

Nội dung / Hoạt động	Hoạt động của GV trên lớp	Hoạt động của HS + Kết nối MOODLE
Activity 2 WHILE-READING (SGK + Thảo luận)	Task a – Choose the best introduction sentence: - GV yêu cầu HS đọc bài đọc trang 25 – SGK cá nhân (3 phút). - GV hỏi: 'Which sentence is the best introduction? Why?' HS giơ tay trả lời. - GV giải thích lý do chọn đáp án, liên hệ với bài giảng E-learning HS đã xem ở nhà. Task b – True / False / Doesn't say: - GV yêu cầu HS đọc lại, làm Task b trong SGK cá nhân. - GV tổ chức 'Team Race': 2 đội lên bảng viết đáp án nhanh nhất. - GV cùng cả lớp kiểm tra, phân	- HS đọc bài cá nhân, chú ý từ vựng đã học. - HS chọn câu mở đầu đúng, giải thích lý do. - HS so sánh với bài giảng E-learning đã xem trên MOODLE ở nhà. - HS làm Task b, gạch chân câu hỗ trợ. - HS tham gia Team Race lên bảng. → HS dùng điện thoại check lại đáp án Quiz MOODLE Task b (nếu có).

	tích câu hỗ trợ trong bài.	
--	----------------------------	--

Hoạt động 3: Post-Reading – Nói và Tổng kết Forum (6')

Nội dung / Hoạt động	Hoạt động của GV trên lớp	Hoạt động của HS + Kết nối MOODLE
Activity 3 POST-READING Nói + Tổng kết Forum	- GV chiếu một số ý kiến hay từ Forum MOODLE (HS đã đăng ở nhà) lên màn hình/tivi. - GV nhận xét, thưởng điểm tốt cho các ý kiến sâu sắc, sáng tạo. - GV yêu cầu HS mở rộng thảo luận: 'What pollution is most serious in Lang Son? What should we do?' - GV tổng kết, chốt ý chính bài học. → MOODLE Forum: GV tổng hợp ý kiến, post kết luận lên Forum sau tiết học.	- HS nhận xét ý kiến bạn đăng trên Forum (đã chuẩn bị ở nhà). - HS thảo luận nhóm 4 về ô nhiễm tại Lạng Sơn. - Đại diện nhóm trình bày trước lớp. - HS lắng nghe GV tổng kết.

IV. Củng cố và Bài tập về nhà (5')

Củng cố:

- GV tóm tắt từ vựng và ý chính bài đọc. HS nhắc lại 8 từ vựng theo GV.

Bài tập về nhà (MOODLE – Flipped Classroom cho bài sau):

- Assignment 1: Xem bài giảng E-learning Lesson 1.2 – Grammar trên MOODLE và làm Quiz kiểm tra trước khi đến lớp.

- Assignment 2: Luyện từ vựng qua Quizlet/hoc10.vn, chụp màn hình kết quả nộp trên MOODLE.

- Assignment 3: Viết 5-7 câu bằng Tiếng Anh về tình trạng ô nhiễm tại địa phương, nộp qua MOODLE.

- Forum: Phản hồi ít nhất 2 ý kiến của bạn trên Forum 'Pollution in Lang Son'.

Lưu ý: GV sẽ kiểm tra MOODLE trước tiết học sau để nắm tiến độ và điều chỉnh nội dung dạy học cho phù hợp.

V. PHẢN ÁNH SAU BÀI DẠY

a. Điều tôi tâm đắc nhất trong tiết dạy hôm nay:

.....

b. Điều tôi học được từ tiết dạy hôm nay:

.....

c. Điều tôi cần cải thiện cho tiết dạy sau:

.....

Dữ liệu MOODLE (kiểm tra qua điện thoại): Tỷ lệ nộp Assignment:% | Điểm Quiz TB:/10 | Số HS tham gia Forum:/....

Phụ lục 02

PHIẾU KHẢO SÁT GIÁO VIÊN

Đánh giá ưu thế của LMS MOODLE so với các công cụ dạy học trực tuyến khác trong dạy và học môn Tiếng Anh lớp 8

Kính mong thầy/cô dành vài phút hoàn thành phiếu khảo sát này. Thông tin của thầy/cô chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học và hoàn toàn bảo mật.

THÔNG TIN GIÁO VIÊN

Họ và tên:	Thâm niên: ☐ <5 năm ☐ 5–10 năm ☐ >10 năm
Trường:	Công cụ đã dùng: ☐ Google Classroom ☐ Zalo ☐ Google Forms ☐ Kahoot ☐ Quizizz

THANG ĐÁNH GIÁ

1	2	3	4	5
Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý

Lưu ý: Các câu hỏi phụ (→) giúp thầy/cô so sánh với các công cụ khác đã từng sử dụng. Vui lòng đánh dấu (✓) hoặc ghi tên công cụ phù hợp nhất.

NỘI DUNG KHẢO SÁT

STT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
A. LƯU TRỮ TÀI NGUYÊN HỌC TẬP						
1	MOODLE tổ chức tài nguyên theo từng Unit khoa học, dễ tìm kiếm hơn các công cụ khác					
→ Theo thầy/cô, công cụ nào tổ chức tài nguyên tốt nhất? ☐ MOODLE ☐ Google Classroom ☐ Google Drive ☐ Zalo ☐ Khác:						
2	MOODLE tích hợp đa định dạng học liệu (video, H5P, SCORM, âm thanh) trong một nền tảng tốt hơn					
→ Công cụ nào thầy/cô đánh giá hỗ trợ đa định dạng tốt nhất? ☐ MOODLE ☐ Google Classroom ☐ YouTube ☐ Canva ☐ Khác:						
3	Tài nguyên trên MOODLE được lưu trữ lâu dài, tái sử dụng cho nhiều năm học dễ dàng hơn					
→ Công cụ nào thầy/cô đang dùng để lưu trữ lâu dài? ☐ MOODLE ☐ Google Drive ☐ Máy tính cá nhân ☐ USB ☐ Khác:						
4	MOODLE cho phép nhúng bài giảng E-learning tương tác trực tiếp vào khóa học tốt hơn					
→ Công cụ nào thầy/cô thấy phù hợp nhất để tạo bài giảng E-learning? ☐						

MOODLE (H5P) ☐ Canva ☐ Genially ☐ PowerPoint ☐ Khác:						
B. KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ (QUIZ)						
5	MOODLE cung cấp đa dạng loại câu hỏi (trắc nghiệm, điền từ, kéo thả, ghép đôi...) hơn các công cụ khác					
→ Công cụ nào thầy/cô đánh giá đa dạng loại câu hỏi nhất? ☐ MOODLE ☐ Google Forms ☐ Kahoot ☐ Quizizz ☐ Khác:						
6	MOODLE cho phép tích hợp âm thanh, hình ảnh vào câu hỏi kiểm tra tốt hơn					
→ Công cụ nào hỗ trợ âm thanh/hình ảnh trong câu hỏi tốt nhất? ☐ MOODLE ☐ Google Forms ☐ Quizizz ☐ Kahoot ☐ Khác:						
7	Tính năng ngân hàng câu hỏi và rút câu ngẫu nhiên của MOODLE giúp kiểm tra công bằng, hạn chế gian lận tốt hơn					
→ Công cụ nào thầy/cô đánh giá kiểm soát gian lận tốt nhất? ☐ MOODLE ☐ Google Forms ☐ Kiểm tra trên giấy ☐ Khác:						
8	MOODLE cho phép thiết lập số lần làm bài, thời gian và hạn nộp linh hoạt hơn					
→ Công cụ nào có tính linh hoạt thiết lập bài thi tốt nhất? ☐ MOODLE ☐ Google Forms ☐ Quizizz ☐ Khác:						
9	MOODLE cung cấp phản hồi kết quả tức thì và chi tiết cho học sinh sau khi làm bài tốt hơn					
→ Công cụ nào phản hồi kết quả tức thì tốt nhất? ☐ MOODLE ☐ Google Forms ☐ Kahoot ☐ Quizizz ☐ Khác:						
10	Tính năng nhập câu hỏi hàng loạt (import) của MOODLE giúp tiết kiệm thời gian soạn thảo hơn					
→ Thầy/cô thường soạn câu hỏi bằng cách nào? ☐ Nhập tay trên MOODLE ☐ Import file ☐ Dùng Google Forms ☐ Khác:						
C. GIAO – THU BÀI TẬP (ASSIGNMENT)						
11	MOODLE hỗ trợ giao bài tập cá nhân/nhóm và thu bài linh hoạt hơn các công cụ khác					
→ Thầy/cô thường giao bài về nhà bằng công cụ nào? ☐ MOODLE ☐ Google Classroom ☐ Zalo ☐ Facebook ☐ Khác:						
12	MOODLE cho phép chấm điểm và gửi phản hồi trực tiếp trên hệ thống					

	hiệu quả hơn					
→ Công cụ nào thầy/cô thấy thuận tiện nhất để chấm bài và phản hồi? ☐ MOODLE ☐ Google Classroom ☐ Email ☐ Zalo ☐ Khác:						
13	Tính năng nhắc nhở nộp bài tự động của MOODLE giúp quản lý bài tập thuận tiện hơn					
→ Thầy/cô thường nhắc HS nộp bài bằng cách nào? ☐ MOODLE tự động ☐ Nhắn Zalo ☐ Nhắc trực tiếp ☐ Khác:						
14	MOODLE khuyến khích học sinh tự học qua hệ thống điểm thưởng hiệu quả hơn các công cụ khác					
→ Công cụ nào thầy/cô thấy tạo động lực tự học tốt nhất cho HS? ☐ MOODLE ☐ Kahoot ☐ Quizlet ☐ Duolingo ☐ Khác:						
D. TƯƠNG TÁC – THẢO LUẬN (FORUM)						
15	MOODLE tổ chức thảo luận theo chủ đề bài học có kiểm soát tốt hơn các công cụ khác					
→ Thầy/cô thường tổ chức thảo luận ngoài giờ bằng công cụ nào? ☐ MOODLE Forum ☐ Zalo nhóm ☐ Facebook group ☐ Google Classroom ☐ Khác:						
16	Q&A Forum của MOODLE tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả HS chia sẻ ý kiến tốt hơn					
→ Công cụ nào giúp HS thụ động tham gia tốt nhất? ☐ MOODLE Forum ☐ Padlet ☐ Mentimeter ☐ Zalo ☐ Khác:						
17	MOODLE giúp học sinh thụ động, ít nói mạnh dạn tham gia thảo luận hơn so với các công cụ khác					
→ Theo thầy/cô, đâu là rào cản lớn nhất khi dùng Forum? ☐ HS ngại viết ☐ Không có Internet ☐ Chủ đề chưa hấp dẫn ☐ Khác:						
E. QUẢN LÝ HỒ SƠ HỌC TẬP						
18	MOODLE theo dõi tiến độ hoàn thành bài tập của từng học sinh tự động, chính xác hơn					
→ Thầy/cô thường theo dõi tiến độ HS bằng cách nào? ☐ MOODLE (Tracking) ☐ Google Classroom ☐ Sổ tay ☐ Hỏi trực tiếp ☐ Khác:						
19	Hệ thống Gradebook của MOODLE lưu trữ và tổng hợp điểm số toàn diện, thuận tiện hơn					
→ Công cụ nào thầy/cô dùng để quản lý điểm số? ☐ MOODLE Gradebook ☐ Google Sheets ☐ Excel ☐ Sổ điểm giấy ☐ Khác:						
20	MOODLE thống kê lịch sử hoạt					

	động học tập (đăng nhập, thời gian học) của từng HS đầy đủ hơn					
→ Công cụ nào giúp thầy/cô biết HS có thực sự tự học hay không? ☐ MOODLE Activity Log ☐ Hỏi trực tiếp ☐ Kiểm tra vở ☐ Không biết cách ☐ Khác:						
21	MOODLE giúp học sinh tự theo dõi tiến trình học tập cá nhân hiệu quả hơn					
→ Công cụ nào giúp HS tự đánh giá bản thân tốt nhất? ☐ MOODLE ☐ Google Classroom ☐ Không có công cụ nào ☐ Khác:						
F. TÍNH KHẢ THI – BẢO MẬT						
22	MOODLE đảm bảo bảo mật thông tin học sinh tốt hơn các mạng xã hội (Zalo, Facebook)					
→ Thầy/cô lo ngại nhất vấn đề bảo mật nào? ☐ Lộ thông tin HS ☐ Sao chép bài thi ☐ Tài khoản bị hack ☐ Không lo ngại ☐ Khác:						
23	MOODLE phù hợp với điều kiện hạ tầng CNTT tại các trường THCS tỉnh Lạng Sơn					
→ Khó khăn lớn nhất khi dùng MOODLE tại trường thầy/cô là gì? ☐ Internet chậm ☐ Thiếu thiết bị ☐ GV chưa biết dùng ☐ HS chưa quen ☐ Khác:						
24	Đầu tư xây dựng khóa học trên MOODLE xứng đáng với hiệu quả mang lại					
→ Thầy/cô mất khoảng bao lâu để xây dựng 1 Unit trên MOODLE? ☐ Dưới 2 giờ ☐ 2–5 giờ ☐ 5–10 giờ ☐ Trên 10 giờ						
25	Tôi sẵn sàng tiếp tục sử dụng và giới thiệu MOODLE cho đồng nghiệp					
→ Thầy/cô sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp học MOODLE không? ☐ Rất sẵn sàng ☐ Sẵn sàng nếu có thời gian ☐ Chưa tự tin ☐ Không						

CÂU HỎI MỞ

1. Theo thầy/cô, MOODLE có ưu điểm nổi bật nào so với công cụ thầy/cô đã từng sử dụng trong dạy học Tiếng Anh lớp 8?

.....

.....

2. Thầy/cô gặp khó khăn gì lớn nhất khi triển khai MOODLE tại trường?

.....

.....

3. Theo thầy/cô, cần hỗ trợ thêm gì để việc ứng dụng MOODLE tại các trường THCS tỉnh Lạng Sơn hiệu quả hơn?

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn thầy/cô đã dành thời gian hoàn thành phiếu khảo sát!

Phụ lục 03

PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH

Đánh giá trải nghiệm học Tiếng Anh lớp 8 qua hệ thống LMS MOODLE

Các em hãy trả lời thật lòng theo trải nghiệm của mình. Không có câu trả lời đúng hay sai. Thông tin hoàn toàn bảo mật và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu.

THÔNG TIN HỌC SINH

Họ và tên:	Lớp:	Trường:
Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ	Em có điện thoại thông minh không? ☐ Có ☐ Không	

THANG ĐÁNH GIÁ

1	2	3	4	5
Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý

NỘI DUNG KHẢO SÁT

STT	Câu phát biểu	1	2	3	4	5
		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý

A. TÍNH DỄ SỬ DỤNG

1	Em dễ dàng đăng nhập và sử dụng hệ thống MOODLE					
2	Giao diện MOODLE thân thiện, dễ tìm kiếm tài liệu và bài tập					
3	Em có thể truy cập MOODLE mọi lúc, mọi nơi bằng điện thoại hoặc máy tính					

B. TÀI NGUYÊN HỌC TẬP

4	Em thấy tài liệu và bài giảng trên MOODLE phong phú, đầy đủ theo từng Unit					
5	Bài giảng E-learning trên MOODLE giúp em hiểu bài dễ hơn					
6	Em thấy việc xem lại bài giảng trên MOODLE giúp em ôn tập hiệu quả hơn					

C. BÀI TẬP VÀ KIỂM TRA (QUIZ)

7	Các bài Quiz trên MOODLE giúp em ôn tập và ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp tốt hơn					
8	Nội dung bài Quiz phù hợp với chương trình Tiếng Anh 8 và có					

	độ khó phù hợp					
9	Việc nhận kết quả và phản hồi ngay sau khi làm Quiz giúp em nhận ra lỗi sai kịp thời					
10	Được làm lại Quiz nhiều lần giúp em nắm vững kiến thức hơn					
D. BÀI TẬP NỘP (ASSIGNMENT)						
11	Các bài tập Assignment giúp em rèn luyện kỹ năng Tiếng Anh chủ động hơn ngoài giờ lên lớp					
12	Hình thức nộp bài qua MOODLE thuận tiện và dễ thực hiện					
13	Em thích được tự chọn thời gian và địa điểm làm bài tập qua MOODLE					
E. DIỄN ĐÀN (FORUM)						
14	Diễn đàn Forum giúp em mạnh dạn chia sẻ ý kiến hơn so với phát biểu trực tiếp trên lớp					
15	Thảo luận trên Forum giúp em chuẩn bị bài mới tốt hơn trước khi lên lớp					
16	Em thấy các chủ đề Forum thú vị và gần gũi với cuộc sống					
F. HIỆU QUẢ HỌC TẬP						
17	MOODLE giúp em tự học chủ động và có kế hoạch hơn					
18	Em thấy kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết tiến bộ hơn sau khi học qua MOODLE					
19	MOODLE giúp em nâng cao tính tự giác và kỷ luật trong tự học					
20	Học qua MOODLE thú vị và hấp dẫn hơn so với phương pháp truyền thống					
G. THÁI ĐỘ VÀ KỶ VỌNG						
21	Em thích phương pháp học kết hợp trực tuyến (MOODLE) và truyền thống (trên lớp)					
22	Em muốn tiếp tục được học Tiếng Anh qua MOODLE trong thời gian tới					

23	Em nghĩ MOODLE nên được áp dụng cho các môn học khác ngoài Tiếng Anh					
----	--	--	--	--	--	--

CÂU HỎI MỞ

1. Em thích nhất tính năng nào trên MOODLE? Vì sao?

.....

.....

2. Em gặp khó khăn gì khi học Tiếng Anh qua MOODLE? (Internet, máy tính, không biết cách dùng...)

.....

.....

3. Em có góp ý gì để việc học Tiếng Anh qua MOODLE thú vị và hiệu quả hơn?

.....

.....

Xin cảm ơn các em đã hoàn thành phiếu khảo sát!

Phụ lục 04

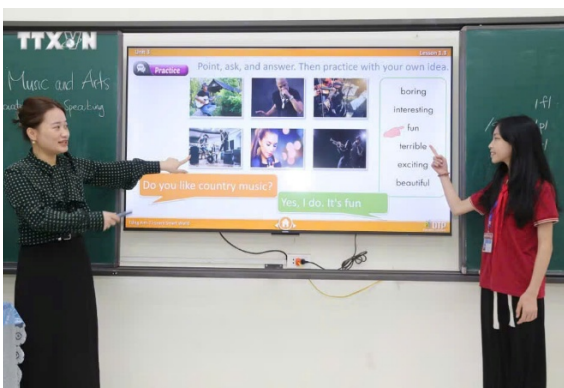
1. Một số hình ảnh của học sinh trường TH&THCS Lê Quý Đôn



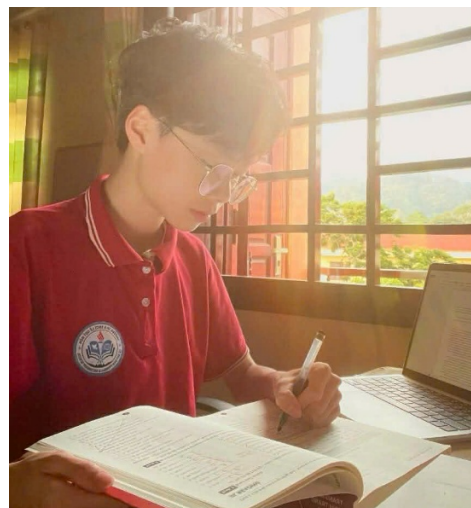
Học sinh học tại phòng máy



Học sinh học trên điện thoại ngoài giờ học



Học sinh học tại lớp học truyền thống

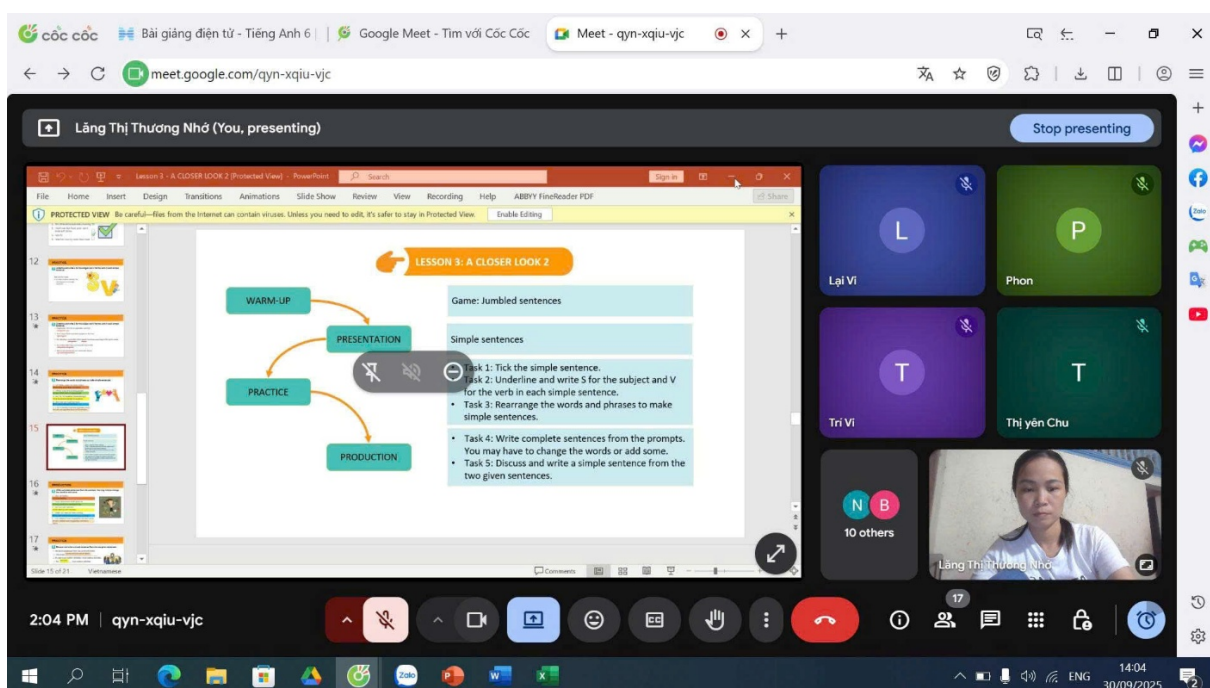


Học sinh học tại nhà

2. Một số hình ảnh của học sinh trường TH&THCS Lâm Sơn



Học sinh tại tiết học blended-learning, học cùng điện thoại thông minh



Tiết học Tiếng Anh trực tuyến

3. Một số hình ảnh của học sinh trường THCS Na Dương



Tiết học Tiếng Anh tại lớp



Những tiết học Tiếng Anh tại phòng máy

GIẤY XÁC NHẬN ÁP DỤNG, ÁP DỤNG THỬ SÁNG KIẾN

- Họ và tên người áp dụng sáng kiến: Hoàng Ngọc Nga
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Đơn vị công tác: Trường THCS Na Dương
- Tên sáng kiến đã áp dụng, áp dụng thử: Khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 8
- Họ và tên tác giả sáng kiến: ThS. Tô Lan Anh - Trường Cao đẳng Lạng Sơn
- Thời gian áp dụng, áp dụng thử sáng kiến: Học kì I, năm học 2025 - 2026
- Đánh giá hiệu quả, lợi ích thu được do áp dụng, áp dụng thử sáng kiến mang lại (có minh chứng cụ thể về định hình, định lượng):

+ Việc ứng dụng các công cụ trên hệ thống LMS Moodle trong giảng dạy Tiếng Anh lớp 8 đã tạo chuyển biến rõ rệt theo định hướng phát triển năng lực người học. Nội dung bài học được xây dựng phong phú (trắc nghiệm, bài tập nộp bài, video, diễn đàn trao đổi...) giúp học sinh tham gia học tập một cách chủ động, tích cực hơn.

+ Học sinh có cơ hội tiếp cận môi trường học tập số hiện đại, qua đó nâng cao năng lực tự học, tự tìm kiếm tài liệu và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin. Việc học không còn bị giới hạn về thời gian và không gian, góp phần cải thiện chất lượng tiếp thu kiến thức.

+ Giáo viên thuận lợi trong việc quản lý và theo dõi quá trình học tập của từng học sinh thông qua dữ liệu hệ thống (tần suất đăng nhập, tiến độ hoàn thành, kết quả bài tập...). Từ đó có thể kịp thời hỗ trợ học sinh còn hạn chế và phát triển thêm cho học sinh khá, giỏi.

+ Kết quả học tập của học sinh dần được cải thiện qua các bài kiểm tra thường xuyên, tỉ lệ khá, giỏi tăng lên đáng kể. Cụ thể bảng tổng kết so sánh tỷ lệ các bài kiểm tra thường xuyên của học sinh trước và sau khi áp dụng:

Thời điểm đánh giá	Tổng số HS	Bảng đánh giá học sinh							
		Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Trước khi áp dụng	38	17	44,7	12	31,6	9	23,7	0	0
Sau khi áp dụng	38	34	89,5	4	10,5	0	0	0	0

+ Sáng kiến có khả năng áp dụng và nhân rộng, bước đầu đem lại hiệu quả cao góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục trong thời đại mới.

NGƯỜI ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Ngọc Nga

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thu Huyền

GIẤY XÁC NHẬN ÁP DỤNG, ÁP DỤNG THỬ SÁNG KIẾN

- Họ và tên người áp dụng sáng kiến: Lăng Thị Thương Nhớ
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Đơn vị công tác: Trường TH & THCS Lâm Sơn
- Tên sáng kiến đã áp dụng, áp dụng thử: Khai thác các ứng dụng trên hệ thống quản lý khóa học LMS MOODLE trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 8
- Họ và tên tác giả sáng kiến: ThS. Tô Lan Anh - Trường Cao đẳng Lạng Sơn
- Thời gian áp dụng, áp dụng thử sáng kiến: Học kì I, năm học 2025 - 2026
- Đánh giá hiệu quả, lợi ích thu được do áp dụng, áp dụng thử sáng kiến mang lại (có minh chứng cụ thể về định hình, định lượng).

+ Việc khai thác các ứng dụng trên hệ thống LMS Moodle trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 8 đã góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Các bài học được thiết kế đa dạng (quiz, assignment, video, diễn đàn thảo luận...) giúp học sinh chủ động, tích cực hơn trong quá trình học tập.

+ Học sinh được tiếp cận với môi trường học tập trực tuyến hiện đại, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Đặc biệt, các em có thể học mọi lúc, mọi nơi, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức.

+ Giáo viên dễ dàng quản lý, theo dõi tiến độ học tập của từng học sinh thông qua hệ thống, từ đó có biện pháp hỗ trợ kịp thời đối với học sinh yếu, đồng thời bồi dưỡng học sinh khá, giỏi.

+ Kết quả học tập của học sinh dần được cải thiện qua các bài kiểm tra thường xuyên, tỉ lệ khá tăng lên đáng kể, tỉ lệ chưa đạt giảm rõ rệt. Cụ thể bảng tổng kết so sánh tỷ lệ các bài kiểm tra thường xuyên của học sinh trước và sau khi áp dụng:

Thời điểm đánh giá	Tổng số HS	Bảng đánh giá học sinh							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Trước khi áp dụng	31	2	6,5	9	29	18	58	2	6,5
Sau khi áp dụng	31	2	6,5	15	48,4	14	45,1	0	0

+ Sáng kiến có khả năng áp dụng và nhân rộng, bước đầu đem lại hiệu quả cao góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục trong thời đại mới.

NGƯỜI ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lăng Thị Thương Nhớ

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Đường Lê Tuấn